BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ Tƒ
PHÁP TRƒỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LÊ THỊ THU THỦY

ĐỀ TÀI
QUYỀN KHỞI KIỆN VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ THEO BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2015

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ Tƒ

PHÁP TRƒỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LÊ THỊ THU THỦY

ĐỀ TÀI

QUYỀN KHỞI KIỆN VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ THEO BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2015

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành: Luật Dân sự và Tố tụng dân sự Mã số: 60380103

Ngƒời hƒớng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Anh Tuấn

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, cho phép tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành và sâu tới các thầy, cô giáo của trường Đại học Luật Hà Nội, đặc biệt là các thầy cô trong Khoa pháp luật dân sự đã truyền đạt những kiến thức quý báu cho tôi trong suốt thời gian học tập và rèn luyện tại trường. Đặc biệt, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới PGS.TS. Trần Anh Tuấn – người đã tận tình hướng dẫn, động viên tôi trong suốt thời gian hoàn thành luận văn thạc sĩ của mình. Tôi xin bày tỏ sự biết ơn chân thành, kính chúc thầy sức khỏe và công tác tốt.

Đồng thời, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn ủng hộ nhiệt thành trong suốt quãng thời gian học tập tại Trường Đại học Luật Hà Nội, để tôi có thể hoàn thiện luận văn thạc sĩ của mình.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả Luận văn

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi.

Các kết quả nêu trong Luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn theo đúng quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Luận văn này.

Tác giả luận văn

Lê Thị Thu Thủy

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

BLDS	: Bộ luật dân sự
BLLĐ	: Bộ luật lao động
BLTTDS 2004	: Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004
BLTTDS 2015	: Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
BLTTDS sửa đổi 2011	: Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011
BTTH	: Bồi thường thiệt hại
HĐXX	: Hội đồng xét xử
HNGĐ	: Hôn nhân và gia đình
KDTM	: Kinh doanh thương mại
KSV	: Kiểm sát viên
NLHVDS	: Năng lực hành vi dân sự
NLHVTTDS	: Năng lực hành vi tố tụng dân sự
NLPL	: Năng lực pháp luật
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TGPL	: Trợ giúp pháp lý
TGVPL	: Trợ giúp viên pháp lý
TTDS	: Tố tụng dân sự
TTHS	: Tố tụng hình sự
UBND	: Ủy ban nhân dân
VADS	: Vụ án dân sự
VKS	: Viện kiểm sát
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN KHỞI KIỆN VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ 7

1.1 **Khái niệm, ý nghĩa của quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự** 7

1.2 **Các bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự trong tố tụng dân sự** 16

1.3 **Quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự qua các giai đoạn lịch sử** 23

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 31

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ QUYỀN KHỞI KIỆN VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ 32

2.1 **Thực trạng quy định hiện hành về quyền khởi kiện vụ án dân sự** 32

2.2 **Thực trạng các quy định hiện hành về bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự** 39

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 64

CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN KHỞI KIỆN VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN KHỞI KIỆN VÀ KIẾN NGHỊ 65

3.1 **Thực tiễn thực hiện các quy định hiện hành về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự** 65

3.2 **Một số kiến nghị về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự** 80

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 89

KẾT LUẬN CHUNG 90

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế, các văn bản pháp luật về thủ tục tư pháp dân sự sẽ góp phần quan trọng trong việc xây dựng nền tư pháp trong sạch vững mạnh, công bằng, nghiêm minh. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015) được ban hành có hiệu lực một phần kể từ ngày 1/7/2016 và hiệu lực toàn phần từ ngày 1/1/2017 là sự cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân (TAND) là cơ quan xét xử thực hiện quyền tư pháp có có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. BLTTDS 2015 là sự kế thừa tính hợp lý cũng như khắc phục những hạn chế của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi, bổ sung 2011 (BLTTDS sửa đổi 2011) đồng thời có những bổ sung quan trọng đảm bảo đẩy mạnh dân chủ thông qua việc tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia tố tụng thuận lợi và hiệu quả nhất.

Trong bối cảnh kinh tế xã hội hiện nay, bảo đảm quyền con người, quyền công dân đang là một nhiệm vụ chính trị quan trọng đặt ra cho Đảng, Nhà nước và được ghi nhận trong Hiến pháp 2013. Quyền khởi kiện vụ án dân sự (VADS) là một quyền con người cơ bản đã được ghi nhận tại các văn bản pháp luật TTDS qua các thời kỳ. Đối với các văn bản pháp luật trước khi BLTTDS 2004 có hiệu lực thì quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện còn tản mạn, chưa rõ ràng cụ thể. Đến BLTTDS 2004 có hiệu lực thì về cơ bản các quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện đã được ban hành một cách thống nhất đồng thời đã chỉ rõ ra được chủ thể, phạm vi và các cơ chế bảo đảm quyền khởi kiện. Để phù hợp với thực tế xét xử và khắc phục những hạn chế của BLTTDS 2004 thì đến năm 2011 BLTTDS 2004 được sửa đổi, bổ sung. Mặc dù đã có nhiều quy định được sửa đổi, bổ sung nhưng trong quá trình áp dụng BLTTDS sửa đổi 2011 vẫn bộc lộ nhiều hạn chế bất cập ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của đương sự. Trước tình hình đó, BLTTDS 2015 ban hành đã có những sửa đổi, bổ sung quan trọng để khắc phục kịp thời những quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS. Việc nghiên cứu toàn diện, đầy đủ các khía cạnh của quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện, nhất là những điểm mới theo BLTTDS 2015 là một yêu cầu cấp thiết nhằm đánh giá mặt tích cực và hạn chế của quy định pháp luật cũng như thực tiễn thi hành. Trên cơ sở đó, có thể đề xuất các giải pháp hoàn thiện và thực thi các quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm

Với những lý do trên, việc lựa chọn đề tài: "***Quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015"*** để nghiên cứu trong khuôn khổ luận văn cao học luật chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự là cấp thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Quyền khởi kiện VADS là một vấn đề pháp lý đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu như Luận án Tiến sĩ Luật học; Luận văn Thạc sỹ luật học, các sách chuyên khảo, các bài báo, tạp chí chuyên ngành. Trước và sau khi khi BLTTDS 2015 có hiệu lực cũng đã có những công trình nghiên cứu về vấn đề quyền khởi kiện dưới các góc độ khác nhau, cụ thể:

- Luận văn thạc sĩ Luật học *"Quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự"* năm 2011 của tác giả Trần Đức Thành là luận văn có liên quan nhiều nhất đối với đề tài mà tác giả nghiên cứu. Ở công trình này, tác giả cũng đã làm rõ được các vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự, bên cạnh đó tác giả cũng mạnh dạn đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật. Tuy nhiên, các nghiên cứu của tác giả dựa trên quy định của BLTTDS 2004 – là văn bản pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011 và đến nay bị thay thế bởi BLTTDS 2015 nên mặc dù luận văn này vẫn còn giá trị tham khảo về mặt lý luận, nhưng phần tìm hiểu các quy định pháp luật không còn phù hợp, các kiến nghị không còn mang tính thời sự để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Bên cạnh đó, còn có các Luận án, luận văn khác nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quyền khởi kiện vụ án dân sự như: Luận án của tác giả Nguyễn Công Bình năm 2006 với đề tài "*Bảo đảm quyền bảo vệ đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam";* Luận văn Thạc sĩ Luật học của học viên Liễu Thị Hạnh bảo vệ năm 2009 về đề tài *"Thụ lý vụ án dân sự, một số vấn đề lý luận và thực tiễn"*; Luận văn Thạc sĩ luật học *"Quyền khởi kiện với vấn đề xác định tư cách đương sự trong tố tụng dân sự"* của học viên Lê Nguyễn Hồng Phúc bảo vệ năm 2011; Luận văn Thạc sĩ luật học của học viên Nguyễn Thị Hương bảo vệ năm 2012 tại Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội với để tài *"Khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004"*; Luận văn Thạc sĩ luật học của học viên Trần Thị Lượt bảo vệ năm 2014 với để tài *"Khởi kiện vụ án dân sự",* Luận văn Thạc sĩ luật học của học viên Bùi Thị Quế Anh bảo vệ năm 2016 với đề tài " *Khởi kiện vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Điện Biên* ". Nhìn chung, các đề tài này đã có những nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn của tác giả, tuy nhiên chưa có luận văn nào nghiên cứu một cách toàn diện về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Về sách chuyên khảo: trước khi BLTTDS 2015 có hiệu lực, có một số công

trình như Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam của trường Đại học Luật Hà Nội - NXB Tư pháp năm 2014; Giáo trình Luật tố tụng dân sự của Học viện Tư pháp - NXB Công an nhân dân năm 2007 cũng đã đề cập đến vấn đề quyền khởi kiện nhưng chỉ dừng lại ở mức độ đại cương. Cuốn sách tham khảo *"Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011"* của tác giả Nguyễn Đức Mai – NXB Chính trị Quốc gia năm 2012 đề cập đến quyền khởi kiện dưới hình thức bình luận các điều luật mà chưa có sự luận giải sâu sắc về vấn đề này.

Sau khi BLTTDS 2015 có hiệu lực đã có một số công trình nghiên cứu về pháp luật TTDS như cuốn *"Bình luận những điểm mới trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015"* của tác giả Nguyễn Thị Hoài Phương – NXB Hông Đức - Hội Luật Gia năm 2016; *"Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015"* của tác giả Bùi Thị Huyền – NXB Lao động năm 2016, *"Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015"* của tác giả Trần Anh Tuấn – NXB Tư pháp năm 2017 đã đưa ra những nghiên cứu các điểm mới liên quan đến quyền khởi kiện theo BLTTDS 2015 thông qua việc bình luận các quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong các công trình này vấn đề quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vẫn còn tản mạn, chưa được tập trung nghiên cứu toàn diện.

Cuốn sách chuyên khảo *"Cõ chế pháp lý bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân"* năm 2017 của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà là công trình nghiên cứu công phu và có hệ thống về cả lý luận và thực tiễn trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong TTDS. Tuy nhiên, đối tượng mà công trình này tập trung nghiên cứu là các biện pháp, cách thức để bảo đảm quyền con người, quyền công dân của đương sự trong TTDS, chứ không đi sâu nghiên cứu riêng về quyền khởi kiện vụ án dân sự.

- Về các bài đăng trên các tạp chí: đã có những bài nghiên cứu có liên quan đến vấn đề quyền khởi kiện như: bài viết *"Vấn đề khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự*" của ThS. Lê Thị Bích Lan đăng tải trên Tạp chí Luật học của Trường Đại học Luật Hà Nội (Số Đặc san về Bộ luật TTDS, năm 2005); *"Về việc rút đơn khởi kiện của đương sự trong tố tụng dân sự"* của ThS Nguyễn Triều Dương (Tạp chí Toà án nhân dân số tháng 11/2009); *"Quyền khởi kiện và việc xác định tư cách tham gia tố tụng"* của tác giả Trần Anh Tuấn (Tạp chí Tòa án nhân dân, số 23/2008), *"Những vấn đề cơ bản lưu ý khi thụ lý đơn khởi kiện, khởi tố, đơn yêu cầu trong giải quyết vụ án dân sự"* của tác giả Duy Kiên đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 07/2012; bài viết: *"Một số ý kiến về thời hiệu khởi kiện theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự 2004"* của tác giả Lê Mạnh Hùng đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 10/2012; *"Những quy định mới về khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ*

luật Tố tụng dân sự" của tác giả Nguyễn Thị Hương đăng trên tạp chí Tòa án số 19/2011, *"Về quyền khởi kiện của cá nhân không phải vợ, chồng trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015"* của tác giả Đào Thị Ngọc Thuận tại Tạp chí Kiểm sát số 4/2017.v.v... Có thể thấy, các bài viết này đều đề cập đến những vấn đề khác nhau có liên quan đến quyền khởi kiện và đưa ra những kiến nghị về việc bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự theo từng góc độ khác nhau. Tuy nhiên, từ khi BLTTDS 2015 có hiệu lực thì các bài đăng nghiên cứu về BLTTDS 2015 mới chỉ đề cập đến quyền khởi kiện ở một góc độ hẹp, chưa nghiên cứu về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự theo quy định của BLTTDS 2015 một cách tổng thể, toàn diện.

Như vậy, qua các công trình đã công bố ở trên, có thể nhận thấy đề tài *"Quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện theo quy định của BLTTDS 2015"* là đề tài đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và có hệ thống về quyền khởi kiện và đảm bảo quyền khởi kiện trong theo quy định mới trong BLTTDS 2015 dưới góc độ lý luận và thực tiễn, qua đó có thể đưa ra các đề xuất, kiến nghị hoàn thiện để các quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS có thể được thực thi một cách hiệu quả trong thực tế cuộc sống.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

• Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật Việt Nam về quyền quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS; thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật TTDS Việt nam về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS trong những năm gần đây.

• Phạm vi nghiên cứu

Quyền khởi kiện VADS có thể hiểu theo nghĩa hẹp là quyền của người khởi kiện trong việc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích dân sự hợp pháp của mình, của người khác hoặc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích dân sự của Nhà nước, lợi ích công cộng. Trong khoa học pháp lý, quyền khởi kiện VADS cũng có thể được hiểu theo nghĩa rộng. Theo đó, quyền khởi kiện VADS là quyền đưa ra yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; quyền đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; quyền đưa ra yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong phạm vi đề tài này, tác giả sẽ tập trung nghiên cứu quyền khởi kiện theo nghĩa rộng, đặc biệt là các quy định của BLTTDS năm 2015 về vấn đề này. Tuy nhiên, vì lý do thời gian và tính khả thi của việc khảo sát thực tiễn nên luận văn sẽ không nghiên cứu về quyền của bị đơn trong việc đưa ra yêu cầu độc lập đối với

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vấn đề này, tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu trong các công trình sau này khi có điều kiện tiếp cận thực tiễn áp dụng. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu thực tiễn thi hành các quy định của BLTTDS năm 2015 về quyền khởi kiện cũng được thực hiện trên một số Tòa án trong những năm gần đây, từ đó có thể đưa ra các giải pháp phù hợp hoàn thiện quy định pháp luật cũng như bảo đảm hiệu quả thi hành trên thực tế.

4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

• Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là làm rõ được những vấn đề lý luận cũng như nội dung các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam hiện hành về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS đồng thời chỉ ra những điểm còn hạn chế hoặc chưa hợp lý trong các quy định hiện hành về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS khi được đưa vào thực tiễn áp dụng. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực tiễn xét xử tại Tòa án cũng như hoạt động của các cơ quan khác trong việc bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự, luận văn đề xuất một số giải pháp pháp lý nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật TTDS Việt Nam về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng trên thực tế, bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho đương sự.

• Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu trên, luận văn phải hoàn thành một số nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền khởi kiện và các cơ chế bảo đảm quyền khởi kiện VADS trong TTDS.
- Nghiên cứu quy định của BLTTDS 2015 về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS trên cơ sở so sánh, đánh giá những ưu điểm, hạn chế so với BLTTDS sửa đổi 2011.
- Đánh giá thực tiễn thực hiện các quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện của BLTTDS 2015 thông qua công tác xét xử và các hoạt động của các cơ quan, tổ chức cá nhân khác từ đó tìm ra những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa các quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm hiệu quả thi hành quyền khởi kiện trong BLTTDS 2015 có trên thực tế.

5. Phqương pháp nghiên cứu

Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu nói trên, việc nghiên cứu được tiến

hành dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, quan điểm duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, chính sách của Đảng, nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật. Ngoài ra, để giải quyết vấn đề thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài, luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành khác như phương pháp phân tích hệ thống; phương pháp tổng hợp; phương pháp so sánh; phương pháp thống kê.v.v…

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách có hệ thống về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án theo quy định của BLTTDS 2015. Những đóng góp của luận văn được thể hiện trên một số phương diện sau đây:

- Lần đầu tiên quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện theo quy định của BLTTDS 2015 được nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện cả về lý luận, luật thực định và thực tiễn thực hiện. Luận văn là công trình đầu tiên xem xét thực tiễn vận dụng các quy định mới của BLTTDS năm 2015 về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS không chỉ đối với công tác giải quyết VADS của Tòa án mà còn có hoạt động thực tiễn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Từ đó chỉ ra các hạn chế trong quy định pháp luật, các khó khăn vướng mắc của các cơ quan, cá nhân, tổ chức khi thực thi quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong thực tế, đưa ra được giải pháp nhằm thực thi có hiệu quả quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS.
- Luận văn sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho giảng viên, sinh viên chuyên ngành luật, các cán bộ làm công tác thực tiễn liên quan đến việc khởi kiện, bảo đảm quyền khởi kiện. Ngoài ra, luận văn sẽ có những gợi mở cho các cơ quan lập pháp liên quan tới việc hoàn thiện pháp luật về quyền khởi kiện trong BLTTDS năm 2015.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn gồm 03 chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự.

Chương 2. Thực trạng pháp luật hiện hành về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự

Chương 3. Thực tiễn thực hiện các quy định về quyền khởi kiện, bảo đảm quyền khởi kiện và kiến nghị.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN KHỞI KIỆN VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự

1.1.1. Khái niệm, cơ sở và ý nghĩa quyền khởi kiện vụ án dân sự trong tố tụng dân sự.

1.1.1.1. Khái niệm quyền khởi kiện vụ án dân sự

Quyền khởi kiện xuất hiện từ khá sớm trong cổ luật La Mã, theo đó khi có hành vi xâm phạm quyền tư pháp của cá nhân thì người có quyền lợi bị xâm phạm bên cạnh việc sử dụng hình thức tự trấn áp, họ còn có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bảo vệ quyền lợi của mình. Người bị vi phạm có thực hiện quyền khởi kiện hay không, điều này pháp luật không bắt buộc mà phụ thuộc vào ý chí của người đó.[1]

Quyền khởi kiện xuất hiện với tư cách là một quyền con người và được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp lý trên thế giới, cụ thể tại Điều 8 Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948 của Liên Hợp Quốc quyền khởi kiện được thể hiện gián tiếp thông qua quy định: *"Mọi người đều có quyền được các Toà án quốc gia có thẩm quyền bảo vệ bằng các biện pháp hữu hiệu để chống lại những hành vi vi phạm các quyền cơ bản của họ mà đã được hiến pháp hay luật pháp quy định."* Thông qua quy định này có thể nhận thấy quyền khởi kiện được thừa nhận là một trong những quyền cơ bản không thể tách rời khỏi con người, bất kỳ sự xâm phạm nào đối với các quyền cơ bản của con người nói chung, quyền khởi kiện nói riêng sẽ làm ảnh hưởng đến việc xây dựng một thế giới lý tưởng mà ở đó con người có thể được hưởng các quyền tự do, các lợi ích chính đáng và đạt được khát vọng cao nhất của mình. Tuyên ngôn nhân quyền này được coi là cơ sở pháp lý để các quốc gia thành viên cam kết, tuân thủ trong quá trình xây dựng sự tôn trọng và đảm bảo cho các quyền tự do cơ bản của con người, và được thể hiện trong các thiết chế pháp luật tại mỗi quốc gia.

Ở mỗi quốc gia, quyền khởi kiện được thể hiện dưới nhiều tên gọi khác nhau. Theo quy định của pháp luật tố tụng Pháp, khả năng được thừa nhận đối với các cá nhân được yêu cầu sự can thiệp của công lý để đạt được sự tôn trọng các quyền và lợi ích chính đáng của mình được gọi là *"tố quyền"*[2]. Còn tại Việt Nam, khái niệm quyền khởi kiện được nhiều tác giả nghiên cứu và đưa ra nhiều kết luận khác nhau theo từng

[1] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (1999*), Giáo trình Luật La Mã*, Lê Nết dịch, Tr.212.
[2] Trần Anh Tuấn (2008), "Quyền khởi kiện và việc xác định tư cách tham gia tố tụng", *Tòa án nhân dân*, (23), Hà Nội, tr. 12 - 20

thời kỳ phát triển của luật pháp. Nhà nghiên cứu Trần Thúc Linh cho rằng *"tố quyền tức là quyền đi kiện"*[3], còn trong Giáo trình Luật TTDS của Trường Đại học Luật Hà Nội 1994, một tác giả đã khẳng định *"Quyền khởi kiện vụ án dân sự (VADS) là quyền tố tụng công dân, pháp nhân và các tổ chức xã hội yêu cầu TAND bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình, của tập thể Nhà nước hay của người khác đang bị tranh chấp hoặc vi phạm"*.[4] Khái niệm này được xây dựng trước khi BLTTDS 2004 có hiệu lực, trên cơ sở các quy định tại Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các VADS do Hội đồng Nhà nước ban hành năm 1989. Theo đó, khái niệm quyền khởi kiện VADS trong thời kỳ này được thực hiện đối với cả việc dân sự không có tranh chấp, như vậy quyền khởi kiện sẽ được hiểu theo nghĩa rộng hơn đồng nhất với quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc dân sự. Bên cạnh đó, tác giả đưa ra khái niệm trên để phân biệt với khái niệm quyền khởi tố VADS của Viện Kiểm sát (VKS), cụ thể*: "Quyền khởi tố VADS là quyền tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của tập thể hay quyền, lợi ích hợp pháp của các cá nhân"*[5].

BLTTDS 2004 ra đời là một bước ngoặt lớn trong TTDS, quy định tại Bộ luật này đã phân định rõ ràng giữa VADS và việc dân sự, theo đó thủ tục giải quyết VADS trước đây được tách thành hai thủ tục riêng biệt đó là thủ tục giải quyết VADS và thủ tục giải quyết việc dân sự đồng thời VKS không còn quyền khởi tố vụ án dân sự. Chính bởi vậy, khái niệm quyền khởi kiện sẽ được hiểu theo nghĩa hẹp hơn. Tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về quyền khởi kiện, các nhà nghiên cứu đã đưa ra các khái niệm chuyên sâu hơn về quyền khởi kiện dưới các góc độ khác nhau. Dưới góc độ hành vi TTDS, TS. Hoàng Ngọc Thỉnh cho rằng *"Quyền khởi kiện VADS là quyền tố tụng quan trọng của các chủ thể…Việc thực hiện quyền này của các chủ thể được gọi là khởi kiện VADS"* và "*Khởi kiện VADS là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức hoặc các chủ thể khác theo quy định của pháp luật TTDS nộp đơn yêu cầu Tòa án có Thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hay của người khác"*[6]. Tương tự, giáo trình luật TTDS của Học viện Tư pháp cũng đưa ra khái niệm về quyền khởi kiện, theo đó: *"Quyền khởi kiện vụ án dân sự là quyền tố tụng của cá nhân, pháp nhân, các tổ chức xã hội hoặc các chủ thể khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự yêu cầu Tòa án bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của Nhà nước, tập thể hay của người khác đang bị tranh chấp hoặc bị vi phạm"*[7]. Từ các khái niệm này, ta có thể nhận thấy

[3] Trần Anh Tuấn (2008), tlđd chú thích 2, tr.12 - 20
[4] Trường Đại học Luật Hà Nội (1994), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự*, NXB Tư Pháp, Hà Nội, tr. 109 -110.
[5] Trường Đại học Luật Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 105.
[6] Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình luật tố tụng dân sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.242.
[7] Học viện Tư pháp (2007), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.305

khởi kiện là hành vi đầu tiên của cá nhân, cơ quan, tổ chức khi tham gia vào quan hệ pháp luật TTDS, hay nói một cách khác không có việc khởi kiện VADS sẽ không thể có các giai đoạn tiếp theo của quá trình TTDS, Tòa án chỉ giải quyết VADS khi có đơn khởi kiện của đương sự. Đây cũng chính là một trong những điểm khác biệt giữa tố tụng hình sự và TTDS. Sở dĩ như vậy, bởi quan hệ pháp luật dân sự được hình thành từ sự thỏa thuận, tự nguyện của các bên trong quan hệ, và *"việc dân sự cốt ở đôi bên"* chính là điểm cốt lõi dẫn đến việc tiến hành thủ tục TTDS tại Tòa án chỉ có thể khởi động bằng chính hành vi khởi kiện của đương sự thông qua việc làm cụ thể là gửi đơn khởi kiện và mục đích chính là giúp các chủ thể có thể bảo vệ được các quyền và lợi ích bị xâm phạm của mình, ngăn chặn và chấm dứt các hành vi trái pháp luật trong quan hệ pháp luật dân sự, hôn nhân và gia đình (HNGĐ), kinh doanh thương mại (KDTM), lao động.

Như vậy, *quyền khởi kiện là quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc yêu cầu Tòa án có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác, lợi ích công cộng, lợi ích Nhà nước thuộc lĩnh vực cơ quan, tổ chức của mình phụ trách bị xâm phạm hoặc tranh chấp.*

Từ những kết quả nghiên cứu ta có thể thấy bản chất của quyền khởi kiện chính là quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ pháp luật dân sự và trọng tâm của khái niệm quyền khởi kiện chính là việc hướng đến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động, bảo vệ quyền, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực cơ quan, tổ chức của mình phụ trách.

Khi nghiên cứu khái niệm quyền khởi kiện một cách toàn diện ta thường xét theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Cụ thể:

- Theo nghĩa hẹp thì quyền khởi kiện VADS được hiểu là quyền của các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động hoặc các chủ thể được pháp luật trao quyền trong việc trong việc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi khi có tranh chấp hoặc vi phạm.

Quyền khởi kiện của các chủ thể trên được hiểu đơn giản là việc một chủ thể yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của chủ thể khác thông qua hành vi đầu tiên là nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để khởi động cho quá trình tố tụng tại Tòa án. Nói một cách khác nộp đơn khởi kiện chính là hành vi thực tế thực thi quyền khởi kiện của người khởi kiện làm trực tiếp phát sinh quan hệ TTDS tại Tòa án. Như vậy, quyền khởi kiện theo nghĩa hẹp chính là cơ sở pháp lý quan trọng làm phát sinh VADS và có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tư cách của các đương sự trong VADS đã được người khởi kiện thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án.

- Theo nghĩa rộng thì quyền khởi kiện VADS được hiểu không những là quyền của các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động hoặc các chủ thể được pháp luật trao quyền trong việc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi khi có tranh chấp hoặc xâm phạm, mà còn bao gồm cả quyền đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn và quyền đưa ra yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quyền khởi kiện được hiểu theo nghĩa rộng xuất phát từ việc quyền bình đẳng giữa các đương sự tham gia TTDS. Xuất phát từ địa vị pháp lý của các chủ thể trong pháp luật nội dung, pháp luật TTDS đã xây dựng nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong TTDS, theo đó mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức đều bình đẳng thực hiện quyền tố tụng trước Tòa án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trong TTDS, việc tham gia vào VADS của bị đơn mang tính bị động hơn so với nguyên đơn, trong khi đó, địa vị tố tụng giữa nguyên đơn và bị đơn lại ngang bằng nhau. Chính bởi vậy, để bảo đảm quyền bình đẳng giữa các chủ thể tố tụng thì bị đơn cần phải được pháp luật trao cho quyền được đưa ra yêu cầu để bày tỏ quan điểm của mình đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhằm bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Quyền phản tố là một trong những quyền được đưa ra yêu cầu của bị đơn trong VADS. Theo từ điển Hán Việt, *"phản"* là *"trái, ngược", "tố"* là *"nói chống lại"*, "*phản tố"* là người bị kiện trở lại nguyên cáo[8]. Quyền phản tố của bị đơn được hiểu một cách đơn giản là quyền kiện ngược lại nguyên đơn nếu yêu cầu phản tố của bị đơn khi thỏa mãn được những điều kiện nhất định. Sở dĩ pháp luật trao cho bị đơn quyền phản tố xuất phát từ địa vị pháp lý tham gia tố tụng của họ. Bị đơn tham gia tố tụng vì người khởi kiện *"cho rằng"* họ xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác. Tuy nhiên, khi chưa có phán quyết cuối cùng của Tòa án, không thể khẳng định chắc chắn rằng bị đơn là chủ thể đã xâm phạm về quyền, lợi hợp pháp của nguyên đơn. Chính bởi vậy, để hạn chế việc cơ quan, cá nhân, tổ chức tùy tiện trong việc khởi kiện, pháp luật TTDS đã trao cho bị đơn quyền đưa ra yêu cầu phản tố. Yêu cầu phản tố của bị đơn có thể được Tòa án xem xét giải quyết trong cùng một vụ án với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người khởi kiện nếu yêu cầu phản tố đó có liên quan chặt chẽ đối với vụ án đó.

Cũng xuất phát từ sự bình đẳng giữa các chủ thể trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, pháp luật TTDS cũng quy định về quyền được đưa ra yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn. Theo từ điển Hán Việt, *"độc lập"* là *"đứng*

[8] Bửu Kê (1999), *Từ điển Hán Việt từ nguyên*, NXB Thuận Hóa, tr.1370.

một mình, không phụ thuộc vào ai"[9]. Như vậy, yêu cầu độc lập có thể hiểu là yêu cầu mới, không phải là yêu cầu trước đó, không phụ thuộc vào yêu cầu trước đó. Yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể chống lại nguyên đơn, bị đơn hoặc chống cả nguyên đơn và bị đơn. Yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng độc lập được ghi nhận nhằm tạo điều kiện cho chủ thể này có thể bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án đã xuất hiện giữa nguyên đơn và bị đơn.

1.1.1.2. Cơ sở của quyền khởi kiện vụ án dân sự

- Quyền khởi kiện vụ án dân sự được xây dựng trên cơ sở quyền con người

Theo góc độ lý luận, quyền con người trong TTDS xuất phát từ quyền tự nhiên của con người, các quyền đó được thừa nhận với những giá trị mang tính phổ quát nhất. Quyền con người luôn là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm và mỗi quốc gia trên thế giới đều phải đảm bảo cho quyền con người của mọi công dân trên lãnh thổ quốc gia mình được tôn trọng và thực thi trên thực tế. Tại Tuyên ngôn Quốc tế nhân quyền năm 1948 của Đại hội đồng Liên Hợp quốc đã khẳng định quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền chống lại những hành vi xâm phạm đến quyền căn bản của công dân được quy định trong các văn bản pháp lý của mỗi quốc gia. Quy định này trong Tuyên ngôn đã khẳng định quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác khi xảy ra tranh chấp hoặc vi phạm là một quyền con người cơ bản. Tại Tuyên ngôn nhân quyền cũng đã khẳng định các quyền con người trong bản tuyên ngôn này như một tiêu chuẩn thực hiện chung cho tất cả các dân tộc và các quốc gia, sao cho mỗi cá nhân và đoàn thể xã hội luôn nhớ tới bản tuyên ngôn này để nỗ lực, phát huy sự tôn trọng các quyền tự do bằng nhiều biện pháp khác nhau như giáo dục, học vấn, biện pháp lũy tiến trên bình diện quốc gia và quốc tế bảo đảm sự thừa nhận và thực thi trên toàn cầu các quyền tự do này cho các dân tộc thuộc quốc gia hội viên hay thuộc các lãnh thổ bị giám hộ.

Việc bảo đảm quyền con người trong TTDS phải được đặt trong tổng thể các quyền dân sự của con người trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tuyên bố Viên và Chương trình hành động về quyền con người năm 1993 đã khẳng định: *"Tất cả các quyền con người đều mang tính phổ cập, không thể chia cắt, phụ thuộc lẫn nhau và liên quan đến nhau. Trong khi phải luôn ghi nhớ ý nghĩa của tính đặc thù dân tộc, khu vực và bối cảnh khác nhau về lịch sử, văn hoá và tôn giáo, (thì) các quốc gia, không phân biệt hệ thống chính trị, kinh tế, văn hoá, có nghĩa vụ đề cao và bảo vệ tất cả các quyền con người và các tự do cơ bản"*[10]. Chính bởi vậy, việc quy định về quyền khởi

[9] Bửu Kê (1999), tlđd chú thích 8, tr.1370.
[10] Trung tâm Nghiên cứu quyền con người, *Văn kiện quốc tế về quyền con người*, tr.104.

kiện cũng như các cơ chế pháp lý bảo đảm quyền khởi kiện trong TTDS là một đòi hỏi cấp thiết đặt ra đối với mỗi Nhà nước. Thông qua các cách thức và cơ chế khác nhau phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội khác nhau của từng quốc gia, vùng lãnh thổ, mỗi Nhà nước sẽ xây dựng, thiết lập các quy định pháp lý khác nhau trong vấn đề bảo đảm quyền con người trong TTDS nói chung và quyền khởi kiện VADS nói riêng.

Quyền khởi kiện VADS được xây dựng dựa trên đường lối chính sách của Đảng về hoạt động tư pháp và bảo đảm quyền con người. Trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: *"Con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân"*[11] nhằm xác định nhân dân là chủ thể của quyền và bảo đảm quyền con người là mục tiêu, động lực của sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa xã hội. Các quốc gia, dân tộc có quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển riêng cho mình.

Việc thực hiện các giá trị nhân quyền phổ quát nhất trên lãnh thổ quốc gia mình thông qua quá trình nội luật hóa pháp luật quốc tế trong pháp luật quốc gia nhằm giúp mỗi cá nhân đảm bảo được các quyền dân chủ, tự do cơ bản, đảm bảo được quyền tự quyết dân tộc phù hợp với tình hình kinh tế xã hội tại Việt Nam. Quyền con người luôn được bảo đảm bằng chế độ dân chủ và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 xác định: *"Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện"*[12]. Quyền con người bao hàm nhiều nội dung rộng lớn và phức tạp liên quan đến nhiều vấn đề nhạy cảm như dân chủ, dân tộc, tôn giáo,… Chưa bao giờ vấn đề nhân quyền lại được đề cao và đặt ra nhiều yêu cầu cao hơn trong vấn đề bảo đảm các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế hiện nay. Chính bởi vậy, với tư cách là một quyền con người cơ bản, quyền khởi kiện VADS luôn được Nhà nước bảo đảm và được quy định cụ thể trong các văn bản pháp lý trong nước và quốc tế. Tại Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013 đã quy định tại Khoản 1 Điều 14: "*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các*

[11] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.76.
[12] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), tlđd chú thích 11, tr.85.

quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và Luật".

- Quyền khởi kiện vụ án dân sự được xây dựng trên mối liên hệ với quyền dân sự

Quyền khởi kiện được đặt trong mối quan hệ giữa luật nội dung và luật hình thức hay nói cách khác chính là mối quan hệ giữa quyền, lợi ích hợp pháp với việc bảo đảm thực hiện quyền lợi đó. Khi các chủ thể tham gia vào quan hệ dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động…đều hướng đến mục đích đạt được những quyền và lợi ích theo thỏa thuận. Tuy nhiên, để đảm bảo cho các quyền, và lợi ích của các chủ thể này được thực hiện có hiệu quả trên thực tế, đem lại tối đa lợi ích cho các bên trong quan hệ thì Nhà nước cần phải trao cho họ một phương tiện pháp lý để họ có thể chủ động sử dụng khi có dấu hiệu của sự tranh chấp, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Chủ thể có thể sử dụng phương tiện pháp lý này để bảo vệ quyền lợi của mình, mặt khác nhằm tạo một cơ chế an toàn ràng buộc các bên khi tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động. Chính bởi vậy, việc ghi nhận quyền khởi kiện cho các bên trong quan hệ pháp luật dân sự nhằm tạo một cơ chế pháp lý chủ động để họ có thể nhanh chóng bảo vệ quyền lợi của mình.

Việc xác định chủ thể của quyền khởi kiện là các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động mà không phải là các cơ quan công quyền như Cơ quan điều tra, VKSND xuất phát từ bản chất của quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động được thiết lập dựa trên sự tự nguyện của các bên, chính bởi vậy họ có quyền tự định đoạt các phương thức giải quyết tranh chấp để bảo vệ quyền lợi của mình. Điều này cũng được ghi nhận trong một nguyên tắc cơ bản của luật TTDS theo đó đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự và Tòa án chỉ thụ lý giải quyết các vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu.

Như vậy, pháp luật TTDS tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên đương sự, theo đó các bên có thể lựa chọn sử dụng hoặc không sử dụng quyền khởi kiện VADS tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, điều này thể hiện sự tôn trọng của pháp luật đối với quan hệ dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động đã được thiết lập giữa các bên đương sự cũng như sự tự do ý chí trong việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp, xử lý các xâm phạm giữa các chủ thể trong quan hệ đó. Nói cách khác, quyền khởi kiện chính là một phương tiện pháp luật luôn dành cho mọi công dân để họ có thể sử dụng bất cứ lúc nào khi quyền và lợi ích dân sự của mình bị xâm phạm hoặc xảy ra tranh chấp.

1.1.1.3. Ý nghĩa của quyền khởi kiện vụ án dân sự

Việc ghi nhận quyền khởi kiện là một trong những quyền cơ bản của đương sự trong TTDS đem lại ý nghĩa rất lớn đối với các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật

dân sự và việc thực thi pháp chế xã hội chủ nghĩa, là một đảm bảo của Nhà nước trong việc thực thi quyền công dân, quyền con người. Quyền khởi kiện VADS là tiền đề pháp lý để đương sự có thể yêu cầu Tòa án khởi động quá trình tố tụng để khôi phục lại quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời còn tạo cơ chế chủ động tự bảo vệ của đương sự khi quyền và lợi ích của mình có nguy cơ bị xâm phạm. Thông qua các quy định về quyền khởi kiện VADS sẽ giúp cho các chủ thể tham gia quan hệ dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động có thêm lựa chọn để tìm ra phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của mình nhằm bảo vệ tối đa lợi ích của các bên trong quan hệ dân sự.

Quy định về quyền khởi kiện còn hạn chế các hành vi xâm phạm quyền và lợi ích của các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động, góp phần nâng cao ý thức của người dân trong việc tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như tôn trọng quyền của người khác. Ghi nhận quyền khởi kiện còn góp phần bảo đảm sự công bằng, bình đẳng đối với các đương sự khi tham gia quan hệ pháp luật dân sự bởi dù họ là ai, dù có địa vị xã hội như thế nào thì họ đều phải tôn trọng quyền lợi của người khác và phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận và quy định pháp luật. Bất cứ hành vi xâm phạm quyền đều có khả năng bị chủ thể khác khởi kiện tại Tòa án và có thể phải chịu những hậu quả pháp lý theo phán quyết của Tòa án.

Quyền khởi kiện vụ án dân sự còn là bước khởi đầu quan trọng để Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, là cơ sở cho Tòa án thực thi được quyền bảo vệ công lý, bảo vệ sự ổn định của các quan hệ xã hội theo đúng tinh thần của Hiến pháp và Luật Tổ chức TAND, đem đến sự tin tưởng của người dân đối với pháp luật, coi pháp luật là công cụ hữu hiệu để điều tiết xã hội, là phương thức tối ưu nhất để bảo vệ được quyền và lợi ích của mình, răn đe các hành vi xâm phạm, củng cố và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

1.1.2. Khái niệm và ý nghĩa của bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự trong tố tụng dân sự

1.1.2.1. Khái niệm bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự

Theo từ điển Tiếng Việt thì bảo đảm được hiểu là *"làm cho chắc chắn thực hiện được, giữ gìn được hoặc đầy đủ những gì cần thiết"*[13]. Bảo đảm còn được hiểu là *"Cam đoan chịu trách nhiệm về việc gì đó"* hoặc *"Làm cho có được điều gì"*[14]. Theo một nghĩa khác thì bảo đảm là việc tạo điều kiện để chắc chắn giữ gìn được hoặc

[13] Viện ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng – Trung tâm từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng, tr.38

[14] Nguyễn Như ý (chủ biên, 1998), *Đại Từ Điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, tr. 109

thực hiện được. Dưới góc độ ngôn ngữ học theo Từ điển Hán - Việt, bảo đảm là *"hứa chịu trách nhiệm về điều gì"*, "*cam đoan giữ được, làm được đầy đủ"*,*"sự giữa được đầy đủ, trọn vẹn"*. Như vậy, tổng hợp từ việc tham khảo các cách hiểu trên thì theo nghĩa chung nhất bảo đảm được hiểu là việc tạo những điều kiện để làm cho một vấn đề chắc chắn có thể xảy ra, thực hiện trong thực tế thông qua nhiều cách thức khác nhau.

Trong khoa học pháp lý thì bảo đảm là một trong những thuật ngữ được sử dụng rộng rãi và thường gắn liền với trách nhiệm của một chủ thể trong việc xác lập hay thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ của các chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật. Bảo đảm theo góc độ này được hiểu *"là trách nhiệm của một chủ thể phải làm cho quyền, lợi ích của chủ thể bên kia chắc chắn được thực hiện, được giữ gìn, nếu xảy ra thiệt hại thì phải bồi thường*"[15]. Bảo đảm có thể là điều kiện cần thiết để các quan hệ pháp luật có thể được xác lập hoặc có thể là các điều kiện để các quan hệ pháp luật được thực hiện một cách tốt nhất.

Bảo đảm quyền khởi kiện VADS được hiểu là việc tạo tất cả các điều kiện, cách thức, phương thức, cơ chế để đương sự có thể thực hiện quyền khởi kiện của mình trên thực tế một cách tốt nhất. Hay hiểu theo nghĩa đơn giản, bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự là các cơ chế, điều kiện giúp cho việc khởi kiện của đương sự có thể được thực hiện và diễn ra thuận lợi trong thực tế và được pháp luật bảo hộ và ghi nhận.

Như vậy, bảo đảm quyền khởi kiện VADS là tổng hợp các phương thức, cách thức, điều kiện theo quy định của pháp luật nhằm giúp các chủ thể có quyền có thể chắc chắn thực hiện được quyền khởi kiện của mình trên thực tế nhằm bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác.

1.1.2.2. Ý nghĩa của bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự

Bảo đảm quyền khởi kiện VADS có ý nghĩa quan trọng đối với đương sự khi tham gia TTDS. Người có quyền khởi kiện sẽ có những căn cứ pháp lý để bảo đảm việc thực hiện quyền khởi kiện của mình một cách hiệu quả và tốt nhất. Các thủ tục pháp lý rõ ràng sẽ giúp đương sự thực hiện thủ tục khởi kiện và các thủ tục tố tụng tiếp theo tại Tòa án một cách thuận lợi, tiết kiệm và có lợi nhất cho bản thân phù hợp với hoàn cảnh kinh tế xã hội của mình.

Việc đưa ra các quy định về bảo đảm quyền khởi kiện VADS sẽ tạo cơ chế hoạt động rõ ràng trong hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và các cơ quan khác trong việc tiến hành quá trình giải quyết VADS nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của các

[15] Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1999), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr.27

đương sự theo quy định của pháp luật, đảm bảo cho quá trình tố tụng diễn ra thuận lợi kể từ khâu khởi kiện vụ án.

Bảo đảm quyền khởi kiện VADS với các quy định hợp lý sẽ tạo dựng được sự phối hợp hiệu quả, nhịp nhàng giữa các chủ thể tham gia tố tụng, giữa các cá nhân, cơ quan tiến hành tố tụng nhằm hướng đến mục tiêu bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, bảo vệ được công lý và sự ổn định của các quan hệ xã hội. Việc bảo đảm quyền khởi kiện sẽ giúp cho việc khởi kiện của đương sự diễn ra thuận lợi, tạo dựng được niềm tin của người dân đối với việc lựa chọn phương thức giải quyết VADS tại Tòa án, sử dụng pháp luật để giải quyết các mâu thuẫn xã hội, chống lại các hành vi tiêu cực trong xã hội, bảo đảm được pháp chế xã hội chủ nghĩa.

1.2. Các bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự trong tố tụng dân sự

1.2.1. Ghi nhận nguyên tắc quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp - Nền tảng pháp lý để thực thi quyền khởi kiện trên thực tế

Quyền dân sự của con người mang tính chủ động nghĩa là không cần có sự can thiệp từ phía nhà nước, cá nhân cũng có thể tự mình thực hiện. Điều này cũng chính là yêu cầu để đảm bảo thực thi quyền dân sự nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng can thiệp của cơ quan công quyền, góp phần làm tăng tính hiệu quả trong việc thụ hưởng quyền dân sự. Với sự ảnh hưởng của nhóm quyền dân sự đến đời sống cộng đồng và nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi chính đáng đó, hàng loạt các văn bản pháp luật mang tầm quốc tế và quốc gia được ban hành đã ghi nhận quyền dân sự nhằm khẳng định sự tôn trọng, đề cao và bảo vệ quyền, hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xâm phạm của các chủ thể đến sự thụ hưởng quyền dân sự của cá nhân đồng thời cũng tạo cơ sở pháp lý vững chắc để xử lý trong trường hợp có vi phạm xảy ra.

Để bảo đảm quyền dân sự được thực hiện pháp luật đã ghi nhận nguyên tắc quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo đó *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật TTDS có quyền khởi kiện VADS, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác"*. Nguyên tắc này đã cụ thể hóa nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân của TAND. Việc Nhà nước ghi nhận nguyên tắc quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp đã tạo ra một bảo đảm pháp lý vững chắc cho các chủ thể tham gia quan hệ dân sự có thể chủ động bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi xảy ra tranh chấp hoặc xâm phạm thông qua việc thực hiện quyền khởi kiện. Đồng thời, nguyên tắc này còn khẳng định trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo vệ

công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân tạo điều kiện thuận lợi nhất để nhân dân thực hiện quyền khởi kiện VADS một cách đầy đủ và tốt nhất.

1.2.2. Tính hợp lý của các điều kiện khởi kiện vụ án dân sự

Quyền khởi kiện VADS là một trong những quyền con người cơ bản được ghi nhận trong các văn bản pháp lý quan trọng trong nước và quốc tế, việc thực hiện quyền khởi kiện có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ đối với bản thân đương sự mà còn đảm bảo việc thực hiện ổn định trật tự của các quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động. Tuy nhiên, để việc khởi kiện của đương sự diễn ra thuận lợi cũng như đảm bảo trật tự thì Nhà nước phải đưa ra các điều kiện khởi kiện vụ án dân để việc thực hiện quyền khởi kiện của đương sự được diễn ra một cách thuận lợi nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật. Việc quy định hợp lý các điều kiện khởi kiện là một biện pháp hữu hiệu để đảm bảo quyền khởi kiện của đương sự được thực thi một cách tốt nhất, hiệu quả nhất trên thực tế.

Việc đưa ra các điều kiện hợp lý về chủ thể khởi kiện VADS là một trong các cơ chế thuận lợi cho việc thực hiện quyền khởi kiện. Chủ thể muốn thực hiện quyền khởi kiện trước tiên cần phải đảm bảo họ khởi kiện VADS này để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải có đầy đủ năng lực pháp luật (NLPL) và năng lực hành vi tố tụng dân sự (NLHVTTDS). Sở dĩ việc đặt ra quy định về NLPL và NLHVTTDS nhằm bảo đảm cho đương sự có thể có đủ khả năng tốt nhất để tự bảo vệ quyền lợi của mình trước Tòa án. Bên cạnh đó, pháp vẫn có sự linh hoạt mềm dẻo thông qua cơ chế đại diện khởi kiện. Đối với các chủ thể có đầy đủ NLHVTTDS thì họ có thể tự mình chủ động thực hiện quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình trước sự xâm phạm, tranh chấp. Tuy nhiên, cũng có trường hợp mặc dù có đầy đủ các điều kiện của chủ thể thực hiện quyền khởi kiện nhưng vì những lý do chính đáng họ không thể tự thực hiện quyền khởi kiện thì Nhà nước vẫn tạo điều kiện cho họ có thể vẫn đảm bảo việc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi của mình thông qua cơ chế ủy quyền cho người khác thay mình thực hiện khởi kiện VADS tại Tòa án, trừ những trường hợp không được ủy quyền thực hiện quyền khởi kiện. Một cơ chế linh hoạt khác liên quan đến điều kiện của chủ thể quyền khởi kiện chính là đối với các chủ thể có quyền lợi tranh chấp hoặc bị xâm phạm nhưng không có NLHVTTDS thì việc khởi kiện sẽ được thực hiện thông qua người đại diện hợp pháp của họ. Ngoài các trường hợp chủ thể khởi kiện VADS để bảo vệ quyền và lợi ích của chính mình, thì pháp luật còn quy định về các trường hợp một số chủ thể có thể khởi kiện VADS để bảo vệ quyền và lợi ích của người khác, lợi ích công cộng và của Nhà nước

Bên cạnh đó, điều kiện về sự việc chưa được giải quyết bằng bản án, quyết

định đã có hiệu lực của Tòa án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và việc ghi nhận những trường hợp biệt lệ về quyền khởi kiện lại cũng là cơ chế giúp đương sự không mất quyền khởi kiện. Để đảm bảo tính thống nhất trong việc giải quyết các vụ việc giữa các cơ quan nhà nước với nhau, tránh sự chồng chéo, đảm bảo sự ổn định của các quan hệ xã hội, tính pháp chế xã hội chủ nghĩa thì đương sự không được khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vụ án đã được Tòa án giải quyết bằng một bản án hoặc cơ quan nhà nước khác giải quyết bằng một quyết định đã có hiệu lực. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền khởi kiện của chủ thể, pháp luật cần ghi nhận quyền khởi kiện lại của đương sự trong một số trường hợp ngoại lệ. Chẳng hạn như vụ án mà Tòa án bác đơn yêu cầu ly hôn, yêu cầu thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, mức bồi thường thiệt hại (BTTH), yêu cầu thay đổi người quản lý di sản, thay đổi người giám hộ hoặc vụ án đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ mà Tòa án chưa chấp nhận yêu cầu và theo quy định của pháp luật thì đương sự có quyền khởi kiện lại. Việc ghi nhận quyền khởi kiện lại của đương sự trong một số ngoại lệ khi sự việc đã được giải quyết bằng một bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chính là một phương thức hữu hiệu bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự, mở đường cho các chủ thể có một hướng đi để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình bằng con đường tố tụng tại Tòa án.

1.2.3. Ghi nhận các cơ chế hỗ trợ hoặc tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện quyền khởi kiện

1.2.3.1. Đơn giản thủ tục nộp đơn, nhận đơn khởi kiện vụ án dân sự

Bảo đảm quyền khởi kiện VADS của đương sự không những là sự bảo đảm họ có được các quyền khởi kiện mà còn phải đảm bảo cho họ có những cách thức đơn giản nhất để tiếp cận và thực hiện quyền khởi kiện của mình một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Trong thực tế, VADS phát sinh do các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự thực hiện quyền khởi kiện của mình thông qua việc nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Bởi vậy, bảo đảm cho việc nộp đơn khởi kiện được diễn ra một cách nhanh chóng, thuận tiện là cơ chế góp phần bảo đảm cho quyền khởi kiện được thực thi hiệu quả trên thực tế. Nhà lập pháp có thể bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự thông qua việc ghi nhận đa dạng các phương thức nộp đơn khởi kiện để đương sự có thể lựa chọn cho mình một phương thức phù hợp nhất như: nộp đơn trực tiếp tại trụ sở Tòa án, thông qua đường dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua cổng thông tin điện tử của Tòa án. Trên thực tế, không phải lúc nào việc nộp đơn khởi kiện trực tiếp tại Tòa án luôn diễn ra một cách dễ dàng đặc biệt đối với những địa phương có địa hình địa lý trắc trở hoặc những trường hợp đương sự vì gặp nhiều lý do chính đáng mà không thể sắp xếp được thời gian nộp trực tiếp đến Tòa án. Việc đa

dạng hóa phương thức nộp đơn khởi kiện là một trong những biểu hiện của việc đơn giản hóa thủ tục nộp đơn khởi kiện, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho việc thực hiện quyền khởi kiện một cách chủ động và hiệu quả nhất trên thực tế.

1.2.3.2. Ghi quyền được trợ giúp pháp lý và cơ chế bảo đảm thực hiện

Xây dựng pháp chế xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân luôn là mục tiêu phấn đấu của Đảng và Nhà nước trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước. Để thực hiện điều đó một trong các chỉ đạo của Ban Bí thư trung ương Đảng đã chỉ rõ "…*Cần phải mở rộng loại hình tư vấn pháp luật phổ thông, đáp ứng các nhu cầu rộng rãi, đa dạng của các tầng lớp nhân dân nhằm góp phần nâng cao ý thức pháp luật và ứng xử pháp luật của công dân trong quan hệ đời sống hàng ngày…; cần nghiên cứu lập hệ thống dịch vụ tư vấn dịch vụ không lấy tiền để hướng dẫn nhân dân sống và làm việc theo pháp luật*". Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tiếp tục khẳng định cần *"tổ chức hình thức tư vấn pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân, tạo điều kiện cho người nghèo được hưởng dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí…"*. Trợ giúp pháp lý (TGPL) là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người TGPL, giúp người được TGPL bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật.

Trên thực tế, không phải đương sự nào cũng có đủ điều kiện thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình, chính bởi vậy pháp luật đã quy định những đối tượng được TGPL như người nghèo, người có công với cách mạng, người già cô đơn, người tàn tật và trẻ em không nơi nương tựa, người dân tộc thiểu số thường trú ở những vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Hoạt động TGPL sẽ giúp các đương sự hiểu rõ hơn quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, giúp đỡ họ giải quyết những khó khăn trong việc thực hiện khởi kiện như viết đơn khởi kiện, nộp đơn khởi kiện và các hoạt động tố tụng khác theo đúng trình tự pháp luật quy định. Bên cạnh đó quyền được TGPL còn giúp đương sự khắc phục được những nhận thức không đầy đủ về mặt pháp lý, xử sự lúng túng khi tham gia tố tụng do thiếu hiểu biết pháp luật và kinh nghiệm tham gia tố tụng.

Có thể nói đây là một cơ chế bảo đảm quyền khởi kiện có ý nghĩa thiết thực trong bối cảnh kinh tế xã hội Việt Nam còn khó khăn và trình độ dân trí chưa cao, đồng thời thể hiện được sự quan tâm đúng mực của Đảng, Nhà nước và các tổ chức cộng đồng trong việc phát huy và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

1.2.3.3. Trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với đương sự

Chứng cứ là vấn đề trung tâm và quan trọng trong quá trình TTDS, mọi hoạt động trong quá trình chứng minh chủ yếu xoay quanh vấn đề chứng cứ, mọi giai đoạn của TTDS mở ra, kết thúc và kết quả đều phụ thuộc phần lớn vào chứng cứ. Dựa vào chứng cứ, các đương sự có cơ sở xác đáng chứng minh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, còn các cơ quan tiến hành tố tụng cũng xem xét được tính đúng đắn của sự việc để đưa ra được những kết luận chính xác bảo vệ được lợi ích của người dân cũng như giữ gìn được sự công minh của pháp luật. Trong VADS nếu đương sự có yêu cầu Toà án bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của mình thì đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, là hợp pháp và phải tự chịu trách nhiệm, hậu quả về việc không có chứng cứ, không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ. Tuy nhiên, không phải lúc nào đương sự cũng có trong tay những tài liệu, chứng cứ của vụ án. Chính bởi vậy, việc pháp luật quy định các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ chứng cứ, tài liệu có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án cho các đương sự khi có yêu cầu nhằm bảo đảm quyền khởi kiện của họ luôn được đảm bảo và có khả năng được thực thi trong thực tế.

1.2.3.4. Miễn, giảm tạm ứng án phí

Trong TTDS việc nộp tạm ứng án phí là một nghĩa vụ của các đương sự khi nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi xảy ra tranh chấp hoặc bị xâm phạm. Việc quy định về vấn đề tạm ứng án phí, một mặt nhằm hạn chế việc khởi kiện VADS tràn lan không có căn cứ pháp luật đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của đương sự khi tham gia TTDS, mặt khác góp phần chia sẻ kinh phí để Tòa án bước đầu thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng ban đầu. Tuy vậy, trong thực tế không phải bất cứ chủ thể nào cũng có khả năng chi trả khoản tiền tạm ứng án phí ban đầu để tiếp tục cho quá trình tố tụng tiếp theo bởi nhiều nguyên nhân khách quan. Chính bởi vậy, Nhà nước đã có những quy định liên quan đến vấn đề miễn, giảm tạm ứng án phí cho một số đối tượng để giúp cho mọi công dân có thể thực hiện tốt quyền khởi kiện của mình mà không có bất cứ một rào cản nào. Đây được coi là một cơ chế linh hoạt đảm bảo cho tất cả mọi công dân đều có quyền tiếp cận công lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

1.2.3.5. Kế thừa quyền khởi kiện

Mọi chủ thể khi thực hiện quyền khởi kiện đều mong muốn thông qua việc khởi kiện thì quyền và lợi ích chính đáng của mình sẽ được Tòa án bảo vệ đến cùng. Tuy nhiên, trong thực tế giải quyết VADS có rất nhiều tình huống xảy ra như cá nhân khởi kiện chết, cơ quan, tổ chức bị chia, tách sáp nhập, giải thể trong quá trình giải quyết vụ án nhưng chưa xác định được chủ thể kế thừa quyền khởi kiện dẫn đến làm

gián đoạn việc giải quyết vụ án. Trong trường hợp này Tòa án sẽ ra quyết định tạm đình chỉ VADS để tạm dừng việc giải quyết VADS. Tuy nhiên, vấn đề này sẽ được giải quyết một cách triệt để khi Tòa án xác định được chủ thể kế thừa quyền khởi kiện thì quá trình TTDS sẽ được tiếp tục. Quy định này của pháp luật nhằm bảo đảm thực hiện triệt để quyền khởi kiện trước những biến cố khách quan xảy ra, đảm bảo cho quyền và lợi ích chính đáng của các đương sự luôn được bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

1.2.3.6. Thay đổi, bổ sung nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện

Khởi kiện VADS là cơ sở pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật TTDS, là khởi đầu cho quá trình TTDS và các giai đoạn tiếp theo của quá trình giải quyết vụ án. Đương sự khởi kiện VADS nhằm mục đích yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình và họ có toàn quyền quyết định, định đoạt trong việc thực hiện quyền khởi kiện, đây cũng chính là nội dung của nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự - một trong những nguyên tắc cơ bản của TTDS. Nguyên tắc này được xây dựng dựa trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tự thỏa thuận, tự chịu trách nhiệm của các bên khi tham gia quan hệ dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động. Theo đó, khi khởi kiện VADS và tham gia vào quá trình giải quyết VADS đương sự có toàn quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình hoặc thỏa thuận với các đương sự khác về việc giải quyết VADS một cách tự nguyện mà không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ghi nhận quyền được thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện là cơ chế của Nhà nước giúp các chủ thể thực hiện quyền khởi kiện của mình một cách hiệu quả, đương sự có thể thay đổi, bổ sung để đưa ra các yêu cầu khởi kiện thích hợp nhất trong việc bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của mình.

1.2.3.7. Cơ chế chuyển đổi từ việc dân sự sang vụ án dân sự

Đối với các vụ việc không có tranh chấp về quyền, lợi ích hợp pháp giữa các bên và chỉ một bên đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết một số yêu cầu như: xác định tình trạng của một cá nhân do sự vắng mặt của họ tại nơi cư trú hoặc yêu cầu xác định năng lực hành vi dân sự của một cá nhân…, yêu cầu Toà án hỗ trợ cho việc bảo vệ quyền lợi của mình trong quá trình Trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp thì bản chất của những loại việc này không thay đổi trong suốt quá trình Toà án giải quyết. Đối với những trường hợp này không đặt ra việc chuyển hóa giữa việc dân sự và VADS, vấn đề chuyển hóa chỉ đặt ra trong trường hợp đối với các vụ việc mà bản chất là không có tranh chấp về quyền, lợi ích hợp pháp giữa các bên do các đương sự đã thoả thuận được với nhau về các tình tiết của sự việc cũng như những quyền và lợi ích giữa các bên và các bên cùng yêu cầu Toà án công nhận làm cơ sở cho việc thi hành án sau này như yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn;

yêu cầu công nhận sự thoả thuận về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn…. Bởi lẽ, trong quá trình Toà án thụ lý, giải quyết theo thủ tục giải quyết việc dân sự, trên cơ sở nguyên tắc quyền tự định đoạt các bên đương sự có thể thay đổi yêu cầu của mình.[16]

Việc pháp luật cho phép chuyển hóa từ việc dân sự sang VADS trong một số trường hợp thể hiện tính linh hoạt của các quy định pháp luật trong việc bảo đảm quyền khởi kiện của các chủ thể vẫn giữ nguyên yêu cầu trong trường hợp một bên đương sự đã rút yêu cầu giải quyết việc dân sự.

1.2.4. Cơ chế khiếu nại việc trả lại đơn khởi kiện; kháng cáo, kháng nghị với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án

Khi khởi kiện VADS các chủ thể quyền khởi kiện luôn mong muốn sẽ được Tòa án giải quyết triệt để các tranh chấp dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp vì nhiều lý do mà Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho chủ thể khởi kiện hoặc ra quyết định đình chỉ giải quyết VADS. Các trường hợp này dẫn đến việc đương sự có thể mất quyền khởi kiện vụ án dân sự. Chính bởi vậy, để đảm bảo quyền khởi kiện VADS của đương sự thì Nhà nước đã đưa ra các quy định liên quan đến khiếu nại việc trả lại đơn của khởi kiện và quyền kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định đình chỉ giải quyết VADS. Trên cơ sở giải quyết khiếu nại của việc trả lại đơn khởi kiện, kháng cáo, kháng nghị Tòa án sẽ xem xét nhằm khôi phục lại quyền khởi kiện cho các chủ thể khởi kiện. Cơ chế này giúp các chủ thể có thể bảo vệ được quyền và lợi ích chính đáng của mình thông qua việc khởi kiện tại Tòa án.

1.2.5. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự

1.2.5.1. Về trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự.

Trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Hiến pháp 2013 đã quy định ngoài chức năng xét xử thì TAND còn có chức năng thực hiện quyền tư pháp nhằm mục đích bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Trong TTDS, hoạt động xét xử của Tòa án được thực hiện theo Hiến pháp, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật và nguyên tắc riêng đặc trưng trong TTDS. Việc giải quyết các tranh chấp dân sự trong xã hội sẽ liên quan trực tiếp đến các quyền và lợi

[16] Trần Anh Tuấn (2006), "Vấn đề nhập và tách yêu cầu trong vụ việc dân sự và cơ chế chuyển hóa giữa việc dân sự, vụ án dân sự", *Tòa án nhân dân*, (8), Hà Nội, tr. 13 -14.

ích chính đáng của các bên tham gia quan hệ pháp luật dân sự, chính bởi vậy, hoạt động của Tòa án cần phải được thực hiện một cách nghiêm minh với tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Việc trả lại đơn khởi kiện của Tòa án chỉ được thực hiện trong những trường hợp mà pháp luật có quy định cụ thể. Đồng thời, Tòa án có trách nhiệm tạo các điều kiện thuận lợi nhất cho người dân thực hiện quyền khởi kiện từ các khâu hướng dẫn đương sự thực hiện quyền khởi kiện, thủ tục nhận đơn, thụ lý đơn và trả lại đơn khởi kiện. Tất cả các hoạt động đều được thực hiện theo đúng tinh thần pháp luật bảo đảm cho việc thực hiện quyền khởi kiện của công dân luôn được bảo đảm.

1.2.5.2. Về trách nhiệm của Viện kiểm sát trong bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự của đương sự

Chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND luôn được khẳng định tại Hiến pháp và các văn bản pháp luật liên quan. Khoản 3 Điều 107 Hiến pháp 2013 đã quy định rõ: *"VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất"*. Nguyên tắc hoạt động của KSV cũng được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 109 Hiến pháp 2013: *"Khi thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, KSV tuân theo pháp luật và chịu sự chỉ đạo của Viện trưởng VKSND"* nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan, đúng pháp luật trong việc thực hiện quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của KSV.

Trong TTDS, việc ghi nhận quyền tham gia tố tụng của VKS từ giai đoạn Tòa án thụ lý vụ án là bảo đảm cần thiết để quyền khởi kiện của công dân được thực thi có hiệu quả. Sự tham gia của VKS sẽ đặt việc giải quyết VADS dưới sự giám sát chặt chẽ của pháp luật, tránh được các tình trạng trả lại đơn khởi kiện, đình chỉ giải quyết vụ án không đúng quy định pháp luật, bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; thể hiện rõ quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm cho công dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

1.3. Quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự qua các giai đoạn lịch sử

1.3.1. Giai đoạn trước cách mạng tháng 8 năm 1945

Các quy định về quyền khởi kiện xuất hiện khá sớm tại Việt Nam và được luật hóa trong nhiều quy định pháp luật của các triều đại phong kiến. Tại mỗi thời kỳ các

quy định về khởi kiện vụ án nói chung và quyền khởi kiện nói riêng đều có những đặc trưng nhất định. Tại Triều đại nhà Lê, Bộ Quốc triều Hình luật được coi là Bộ luật đầu tiên quy định khá chi tiết về các thủ tục tố tụng. Tuy nhiên trong thời kỳ này chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa TTHS và TTDS và đều được quy định trong cùng một chương trong Bộ luật. Mặc dù chưa có quy định rõ ràng về quyền khởi kiện vụ án nhưng Bộ Quốc triều Hình luật đã có những quy định về đơn khởi kiện tại Điều 508: *"Đơn kiện hay đơn tố cáo phải do các đương sự làm và nộp tại các nha môn có thẩm quyền phân xử loại việc đó. Nếu đương sự không biết chữ thì có thể nhờ người khác viết hộ"*. Một văn bản pháp luật khác của thời Lê cũng đã đề cập đến vấn đề khởi kiện tại Điều 1 Khám tụng Điều lệ: *"Khi nhận được đơn các cơ quan xử án phải xem xét thủ tục xem đã đầy đủ hay chưa."* Bên cạnh đó, pháp luật thời Lê còn có những quy định về thời hạn xử kiện *"kiện về ruộng đất, kiện trộm cướp đều thời hạn 3 tháng"*[17], quy định về kiểm tra việc kiện tại nha môn *"Hằng năm đến cuối năm, các xã trưởng phải khai rõ hết việc kiện tại nha môn mình đã xử lý bao nhiêu án, chưa xử lý bao nhiêu án, nộp sổ ấy ở quan huyện"*.[18] Các quy định trên cho thấy mặc dù tại thời điểm này chưa có bất kỳ một điều luật cụ thể nào ghi nhận quyền khởi kiện của đương sự nhưng cũng đã manh nha xuất hiện các cơ chế đảm bảo cho việc khởi kiện của đương sự tại nha môn được diễn ra thuận lợi và nhanh chóng.

Đến triều đại nhà Nguyễn thì trình độ lập pháp đã đạt được những thành tựu nhất định và mốc son nổi bật nhất chính là sự ra đời của Bộ Hoàng Việt Luật lệ hay còn gọi là Bộ luật Gia Long. Trong thời kỳ này, pháp luật đã có quy định về quyền khởi kiện *"phàm nhân dân có sự oan uổng, cho phép tự mình đi tố cáo lấy"*[19], đồng thời còn đưa ra những quy định pháp luật bảo đảm quyền, lợi ích của người đi kiện thông qua trách nhiệm của quan xử kiện khi *"Nhận được đơn kiện tụng về các việc kiện liên quan đến hôn nhân, ruộng nương, nhà cửa, viên quan có thẩm quyền phải tiến hành xét hỏi ngay"*.[20] Như vậy, mặc dù chưa có các quy định hoàn chỉnh về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện nhưng các quy định pháp luật phong kiến cũng đã có những tư duy lập pháp tân tiến trong việc bảo đảm quyền khiếu kiện của các bên trong VADS, đảm bảo ổn định trật tự cho xã hội phong kiến lúc bấy giờ.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng vào Đà Nẵng bắt đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ nhất và để phục vụ cho chính sách bóc lột của mình, thực dân Pháp đã chia nước ta thành ba Kỳ với tổ chức cai trị và hệ thống pháp luật riêng. Chính bởi vậy,

---

[17] Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội, tr. 273
[18] Cao Huy Giu (dịch) và Đào Huy Anh (hiệu đính) (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.445
[19] Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (1996*), Nghiên cứu một số di sản pháp luật dân sự từ Thế kỷ XV đến thời Pháp thuộc*, công trình nghiên cứu cấp Bộ, Hà Nội, tr.113
[20] Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (1996), tlđd chú thích 19, tr.113

dưới thời Pháp thuộc, tổ chức tư pháp ở nước ta rất phức tạp với sự hoạt động song song giữa Tòa án Việt Nam và Tòa án Pháp tại Nam Kỳ và các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng. Về luật tố tụng, các Tòa án Pháp áp dụng BLTTDS của Pháp năm 1806, các Tòa án Việt Nam áp dụng Bộ Dân sự tố tụng Bắc kỳ năm 1917, Bộ Hộ sự và Thương sự tố tụng Trung Kỳ năm 1942, Bộ Dân sự tố tụng Nam kỳ tức Nghị định 16/3/1910.[21] Trong các Bộ luật tố tụng dân sự này đều ghi nhận quyền thưa kiện, quyền tự mình tham gia tố tụng dân sự hoặc nhờ người khác tham gia tố tụng dân sự của đương sự nhưng trên thực tế việc thực hiện các quyền này còn rất hạn chế.

Pháp luật Việt Nam trước năm 1945 đã manh nha có những quy định về quyền khởi kiện vụ án dân sự nhưng nhìn chung vẫn còn khá đơn giản và còn nhiều hạn chế. Tuy vậy, những quy định này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết các quan hệ dân sự lúc bấy giờ đồng thời là những cơ sở đầu tiên để hình thành các quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự trong pháp luật Việt Nam trong những giai đoạn lịch sử tiếp theo.

1.3.2. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1959

Cách mạng Tháng 8 năm 1945 là một mốc son lịch sử chói lọi đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mở ra nền độc lập tự do cho dân tộc ta. Tiếp đến là sự ra đời của Hiến pháp năm 1946 ghi nhận các quyền con người, quyền công dân cơ bản là nền tảng pháp lý trong việc xây dựng các quy định pháp luật về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS.

Trong giai đoạn này, hàng loạt những Sắc lệnh được ban hành nhằm điều tiết các quan hệ tố tụng lúc bấy giờ. Ngày 10/10/1945 Sắc lệnh số 47/SL cho phép áp dụng Luật lệ cũ để xét xử nhưng phải đảm bảo *"không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể Cộng hòa"*, trong đó trong Điều 11 đã ghi nhận cho phép tạm thời áp dụng các thủ tục tố tụng theo chế độ cũ. Đến ngày 17/4/1946, Nhà nước đã ban hành Sắc lệnh số 51/SL có quy định về việc kiện, khởi tố vụ án, tuy nhiên lại chưa có quy định nào liên quan đến vấn đề thụ lý vụ án cụ thể. Tiếp theo Sắc lệnh số 97/SL được ban hành vào ngày 22/5/1950 với nội dung sửa đổi một số nguyên tắc mới để áp dụng các điều kiện dân chủ. Tuy nhiên, nội dung Sắc lệnh vẫn cho phép áp dụng các thủ tục tố tụng cũ với điều kiện không được trái các nguyên tắc do Sắc lệnh này quy định. Mặc dù chưa có quy định cụ thể liên quan đến các thủ tục tố tụng nói chung, về quyền khởi kiện nói riêng nhưng các văn bản pháp lý trên đã đặt ra nhưng nguyên tắc cơ bản trong việc hình thành và phát triển quyền con người, quyền khởi kiện VADS.

[21] Nguyễn Công Bình (2006), *"Bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam",* Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr.73.

Giai đoạn từ năm 1955 đến 1958 Nhà nước ta ban hành thêm khá nhiều các văn bản pháp luật đặc biệt là các văn bản liên quan đến các vấn đề tố tụng như Thông tư 141/HCTP ngày 5/2/1957, Thông tư 1507/HCTP ngày 24/8/1956, Thông tư 69/TC ngày 31/12/1958.v.v… Tuy nhiên, các văn bản tố tụng này vẫn chỉ dừng lại ở việc định hình các nguyên tắc giải quyết VADS chứ chưa đi sâu quy định rõ về các thủ tục liên quan đến việc tiếp nhận đơn khởi kiện và các thủ tục rõ ràng dẫn đến vấn đề quyền khởi kiện chưa được quan tâm đúng mực. Sự ra đời của Luật HNGĐ 1959 ra đời đã đặt ra yêu cầu cho Nhà nước xây dựng các quy định pháp luật đáp ứng các nhu cầu giải quyết các tranh chấp dân sự cũng như đảm bảo tốt hơn quyền khởi kiện VADS của công dân.

1.3.3. Giai đoạn từ năm 1960 đến 1989

Do tính chất lịch sử của đất nước ta thời kỳ này bị chia cắt thành hai miền dẫn đến hai chế độ chính trị khác nhau với hai hệ thống pháp luật song song cùng tồn tại với bản chất pháp lý khác nhau.Trong giai đoạn này đã xuất hiện hàng loạt các văn bản pháp lý quan trong có hiệu lực pháp lý liên quan đến quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS, đặc biệt là sự ra đời của Hiến pháp năm 1959 đã có những nguyên tắc hiến định bảo đảm quyền con người, quyền công dân được quy định tại Điều 22: *"Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đều bình đẳng trước pháp luật"*. Bên cạnh đó, một sự kiện pháp lý của ngành Tư pháp đó là sự ra đời của Luật tổ chức TAND 1960 cùng một số văn bản pháp lý có liên quan đến việc giải quyết vụ việc dân sự cũng như quyền khởi kiện vụ án, cụ thể: Tại Mục 3, phần III Thông tư số 03/NCPL, ngày 03/3/1966 về trình tự giải quyết việc ly hôn ghi nhận: *"Đương sự có quyền đưa đơn trực tiếp đến Tòa án, mặc dù việc bất hòa trong gia đình chưa được tổ chức hòa giải hoặc ủy ban hành chính xã giải quyết…"*, Thông tư số 39/NCPL ngày 21/01/1972 về thụ lý, di lý, xếp và tạm xếp những việc kiện về HNGĐ và tranh chấp dân sự; Thông tư số số 614/DS ngày 24/04/1963 hướng dẫn một số thủ tục của Tòa án địa phương quy định: *"Đương sự có quyền thay đổi yêu cầu trước khi Tòa án quyết định"*; Thông tư số 96/NCPL, ngày 08/02/1977 của TAND tối cao đã có những hướng dẫn trình tự xét xử sơ thẩm về dân sự cụ thể: *"Nguyên đơn, bị đơn, người dự sự có những quyền sau đây:…được đề xuất yêu cầu, bổ sung yêu cầu hoặc thay đổi yêu cầu của việc kiện…"*.

Tại Miền Nam trong giai đoạn lịch sử này cũng đã có những văn bản pháp lý liên quan đên thủ tục TTDS được ban hành điển hình là Bộ luật dân sự và thương sự tố tụng ngày 20/12/1972. Mặc dù trong văn bản này chưa đề cập đến quyền khởi kiện của đương sự nhưng đã có những có quy định khá cụ thể về quyền yêu cầu của đương sự như quyền khởi tố, quyền đưa ra yêu cầu phản tố.

Trong giai đoạn này còn ghi nhận một sự kiện pháp lý quan trọng chính là sự ra đời của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980 đặt ra những nguyên tắc cơ bản trong việc bảo đảm quyền con người quyền công dân, là tiền đề pháp lý quan trọng góp phần bảo đảm quyền khởi kiện VADS của công dân. Ngày 29/6/1986 Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) ban hành công văn số 05/NCPL quy định về tư cách của bị đơn; tiếp đến là Nghị quyết 01/NQ/HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC vào ngày 20/01/1988; Sau này Công văn số 546/DS ngày 07/7/1989 về quyền khởi kiện của cá nhân, tổ chức vì lợi ích của Nhà nước có quy định khi VKS khởi tố vụ kiện thì cần đưa cơ quan Nhà nước hoặc hợp tác đứng vào vai trò nguyên đơn trong vụ kiện vì họ là đương sự chính trong vụ kiện.

Như vậy, pháp luật TTDS trong giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1989 đã có những quy định cụ thể hơn về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS. Tuy vậy, trong giai đoạn này các quy định còn hạn chế, tản mạn chưa được quy định trong một hệ thống pháp luật thống nhất do tình hình lịch sử chi phối. Vấn đề quyền khởi kiện tiếp tục được ghi nhận một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các quy định pháp luật, tạo điều kiện cho sự phát triển pháp lý sau này trong việc bảo đảm thực hiện các thủ tục tố tụng trong giải quyết VADS tại tòa án, bảo vệ được quyền công dân, quyền con người.

1.3.4. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2004

Trước yêu cầu lịch sử sau khi thống nhất đất nước cần thiết phải ban hành hệ thống quy phạm pháp luật thống nhất cả nước điều chỉnh các quan hệ nội dung và quan hệ tố tụng, do đó Nhà nước ta đã ban hành hàng loạt các văn bản pháp lý trên tinh thần kế thừa và phát triển các quy định về tố tụng trong các giai đoạn lịch sử trước đó. Cụ thể là sự ra đời của ba Pháp lệnh về thủ tục tố tụng: Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các VADS ban hành ngày 29/11/1989 có hiệu lực ngày 01/01/1990; Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế ban hành ngày 06/03/1994; Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động ban hành ngày 11/04/1996 cùng các văn bản hướng dẫn về TTDS, kinh tế, lao động. Đây là những tiền đề pháp lý quan trọng trong việc thực hiện thủ tục tố tụng đặc biệt là có những quy định liên quan đến quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong giai đoạn đất nước ta bắt đầu bước vào giai đoạn đầu tiên xây dựng Nhà nước Xã hội chủ nghĩa theo định hướng kinh tế thị trường.

Trong giai đoạn này những quy định liên quan đến quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện được quy định khá đầy đủ và chi tiết tạo điều kiện áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước. Điều 1 Pháp lệnh giải quyết các VADS năm 1989 quy định: *"Công dân, pháp nhân theo thủ tục do pháp luật quy định, có quyền khởi kiện*

VADS để yêu cầu TAND bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình". Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp cụm từ *"quyền khởi kiện"* xuất hiện một cách chính thức trong văn bản pháp lý Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi trong việc bảo đảm quyền khởi kiện cho các đương sự trong việc khởi kiện Tòa án giải quyết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi xảy ra tranh chấp hoặc có hành vi xâm phạm. Ngoài việc quy định quyền khởi kiện thì Pháp lệnh còn thể hiện sự bình đẳng giữa các bên đương sự tham gia tố tụng, bị đơn có quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn và có quyền đề xuất yêu cầu liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu độc lập (Điều 20). Bên cạnh quy định về quyền khởi kiện của đương sự, Pháp lệnh còn quy định cụ thể về phạm vi khởi kiện VADS tại Điều 34: "*1. Một người có thể khởi kiện đối với một người về một hoặc nhiều yêu cầu khác nhau;*
2. *Một người có thể khởi kiện đối với nhiều người hoặc nhiều người có thể khởi kiện đối với một người về cùng một quan hệ pháp luật; 3. Người khởi kiện phải làm đơn ghi rõ họ tên, địa chỉ của mình; của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nội dung sự việc; yêu cầu của mình và những tài liệu, lý lẽ chứng minh cho những yêu cầu đó; 4.VKS khởi tố hoặc tổ chức xã hội khởi kiện vì lợi ích chung bằng văn bản gửi cho Toà án."*. Điểm nổi bật theo Pháp lệnh 1989 là thủ tục giải quyết vụ việc dân sự phát sinh tranh chấp và không phát sinh tranh chấp đều được giải quyết theo một thủ tục tố tụng chung. Thời điểm này chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa thủ tục giải quyết VADS và giải quyết việc dân sự.

Tiếp theo, Pháp lệnh thủ tục giải quyết vụ án kinh tế 1994 và Pháp lệnh thủ tục giải quyết tranh chấp lao động 1996 đã tách việc giải quyết các tranh chấp kinh tế và lao động ra khỏi thủ tục giải quyết VADS nhưng nền tảng xây dựng quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vẫn dựa trên tinh thần Pháp lệnh thủ tục giải quyết VADS 1989. Tuy nhiên, theo pháp lệnh thủ tục giải quyết tranh chấp lao động 1996 thì trao quyền khởi kiện cho VKS trong một số trường hợp cụ thể nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động là người chưa thành niên, người tàn tật và các vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác mà không có ai khởi kiện.

Một mốc son đáng nhớ trong lịch sử lập hiến và lập pháp của Việt Nam trong giai đoạn này chính là sự ra đời của bản Hiến pháp thứ 4 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Hiến pháp 1992 đã dẫn đến nhiều thay đổi đối với hệ thống pháp luật Việt Nam và chi phối mọi hoạt động lập pháp sau này. Sự ra đời của ba Pháp lệnh liên quan đến thủ tục TTDS tại Tòa án đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc để đương sự thực hiện quyền khởi kiện của mình. Tuy nhiên, việc phân bổ giải quyết các quan hệ dân sự, kinh tế, lao động thành ba thủ tục khác nhau dẫn đến việc các quy định có thể bị chồng chéo, mâu thuẫn gây khó khăn cho các đương sự trong việc thực

hiện quyền khởi kiện của mình đặc biệt là đối với các đương sự có trình độ dân trí chưa cao, còn nhiều hạn chế về mặt kiến thức pháp luật. Bên cạnh đó, pháp luật tố tụng trong thời kỳ này vẫn chưa có những cơ chế rõ ràng nhằm bảo đảm cho quyền khởi kiện của đương sự được thực thi có hiệu quả trong thực tế ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên trong quan hệ dân sự. Mặc dù vậy, những quy định về quyền khởi kiện trong giai đoạn này có ý nghĩa rất lớn trong việc là tiền đề phát triển của các văn bản TTDS trong các giai đoạn tiếp theo.

1.3.5. Giai đoạn từ năm 2005 đến ngày 31 tháng 6 năm 2016

Quốc hội khóa XI lần đầu tiên thông qua Bộ luật TTDS vào ngày 15/6/2004 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2005. Có thể nói đây là một bước ngoặt lớn trong lịch sử lập pháp của Việt Nam bởi lần đầu tiên các quy định về giải quyết các vụ việc dân sự được quy tụ trong một văn bản pháp luật giúp cho việc giải quyết diễn ra thống nhất, một mặt bảo đảm quyền và lợi ích cho các đương sự, mặt khác giúp Tòa án và các cơ quan tiến hành tố tụng có cơ chế hợp lý trong việc giải quyết VADS. Ngay sau khi BLTTDS 2004 ra đời, Hội đồng thẩm phán TANDTC đã ban hành các Nghị quyết hướng dẫn chi tiết các trình tự TTDS đặc biệt là các trình tự, thủ tục thực hiền quyền của đương sự nhằm cụ thể hóa BLTTDS trên phạm vi toàn quốc, tạo điều kiện tốt nhất để thực hiện quyền khởi kiện cụ thể: Nghị quyết 01/2005/NQ – HĐTP ngày 31/03/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất *"Những quy định chung"* của BLTTDS, Nghị quyết số 04/2005/NQ – HĐTP ngày 17/9/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTDS về *"Chứng minh và chứng cứ"*; Nghị quyết số 02/2006/NQ – HĐTP ngày 04/8/2006 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ 3 BLTTDS *"Thủ tục giải quyết các vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm"*; Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP ngày 04/6/2006 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba *"Thủ tục giải quyết các vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm"* của BLTTDS; Thông tư liên tịch số 03/2005/TTLT – VKSNDTC – TANDTC ngày 01/9/2005 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTDS về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTDS và sự tham gia của Kiểm sát viên (KSV) trong việc giải quyết các vụ việc dân sự; Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT – BTP – BCA -BQP – BTC – VKSNDTC
– TANDTC ngày

28/12/2007 Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về TGPL trong hoạt động tố tụng. Trong giai đoạn này, vấn đề quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện tiếp tục được kế thừa và có những bước tiến quan trọng ... Với quan điểm chỉ đạo BLTTDS phải là *"một công cụ pháp lý để các cá nhân, tổ chức*

bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình"[22], BLTTDS 2004 được sửa đổi, bổ sung 2011 cùng với hàng loạt sự thay đổi của các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC và các văn bản pháp luật khác.

Nhìn chung trong giai đoạn này các quy định về quyền khởi kiện VADS và các cơ chế bảo đảm quyền khởi kiện đã được quy định một cách rõ ràng, thống nhất trong các văn bản pháp lý tạo được hiệu quả cao trong áp dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quan hệ pháp luật dân sự, tạo cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, đem lại sự tin tưởng của nhân dân đối với các quy định pháp luật.

1.3.6. Giai đoạn từ ngày 1/7/2016 đến nay

Sự ra đời của Hiến pháp 2013 và Luật tổ chức TAND 2014 đánh dấu một bước ngoặt mới trong việc xây dựng TAND trở thành cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tại Hiến pháp 2013 lần đầu tiên Tòa án được trao một sứ mệnh quan trọng đó chính là "thực hiện quyền tư pháp". Quy định này nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước theo Nghị quyết số 48 – NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Kết luận số 79 –KL/TW; Kết luận số 92 – KL/TW của Bộ Chính trị và văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân. Có thể nói, đây chính là một yêu cầu đòi hỏi nhà nước ta cần phải hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp nói chung, và thủ tục TTDS nói riêng. BLTTDS 2015 ra đời trong bối cảnh Nhà nước ta đang trong quá trình hoàn thiện các hệ thống pháp luật, trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành các quy định của BLTTDS 2004 đồng thời nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc, bất cập kế thừa những quy định còn phù hợp, đồng thời tham khảo chọn lọc những kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia trên thế giới. BLTTDS 2015 là một bước ngoặt lớn trong trình tự giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án. Theo đó quyền khởi kiện VADS tại Tòa án tiếp tục được khẳng định thông qua các cơ chế bảo đảm quyền khởi kiện có tính khả thi trên thực tế. Qua đó bảo đảm triệt để quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

[22] Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Tờ trình Quốc hội về Dự án Bộ luật tố tụng dân sự*, Hà Nội, tr.3

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 Luận văn đã phân tích, luận giải một số vấn đề lý luận như khái niệm, cơ sở, ý nghĩa của quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện là những vấn đề trọng tâm trong pháp luật TTDS là cơ sở pháp lý quan trọng để các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự thực hiện quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi phát hiện ra tranh chấp hoặc xâm phạm.

Quyền khởi kiện VADS được xây dựng trên cơ sở tham khảo, kế thừa và phát triển dựa trên các khái niệm khoa học có liên quan trước đó. Theo đó quyền khởi kiện VADS là một quyền tố tụng quan trọng của công dân trong việc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp khi bị xâm phạm hoặc xảy ra tranh chấp. Việc nghiên cứu ý nghĩa và cơ sở của quyền khởi kiện để làm rõ hơn bản chất của việc giải quyết VADS tại Tòa án dựa trên tính chất của quan hệ pháp luật nội dung đó chính là *"việc dân sự cốt ở đôi bên"* trong việc đề cao tự do thỏa thuận dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tự định đoạt của các đương sự.

Để thực hiện tốt quyền khởi kiện cũng như các quyền tố tụng khác của đương sự cần thiết phải có những bảo đảm pháp lý phù hợp đối với từng chủ thể có những vai trò, chức năng, quyền hạn trong quá trình giải quyết vụ án nhằm hướng đến việc bảo vệ tối đa lợi ích của các chủ thể liên quan, bảo đảm được công bằng pháp luật, tạo dựng được sự tin tưởng của nhân dân đối với các chính sách pháp luật của Nhà nước, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc góp phần thực hiện bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện có ý nghĩa không chỉ đối với việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động mà còn có ý nghĩa lớn trong việc ổn định các quan hệ xã hội trong thực tế.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ QUYỀN KHỞI KIỆN VÀ BẢO ĐẢM QUYỀN KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ

2.1. Thực trạng các quy định hiện hành về quyền khởi kiện vụ án dân sự

2.1.1. Về chủ thể có quyền khởi kiện vụ án dân sự

Quyền khởi kiện là một quyền cơ bản của con người và được Nhà nước đảm bảo thực hiện thông qua các cơ chế pháp lý của Nhà nước nhằm hiện thực hóa quyền khởi kiện VADS để khởi động quá trình TTDS tại Tòa án. Nói một cách khác, việc thực hiện quyền khởi kiện là bước đầu quan trọng để Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Chính bởi vậy, việc xác định chính xác chủ thể có quyền khởi kiện là một vấn đề quan trọng được đặt ra nhằm đảm bảo cho quá trình giải quyết VADS đạt được hiệu quả, giúp pháp luật thực hiện tốt công việc điều tiết xã hội, bảo vệ triệt để quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia quan hệ TTDS. Theo phân tích tại Chương 1 thì chủ thể có quyền khởi kiện được hiểu theo hai nghĩa: một là, theo nghĩa hẹp thì chủ thể có quyền khởi kiện là chủ thể có quyền, lợi ích bị xâm phạm, tranh chấp hoặc chủ thể có quyền khởi kiện vì lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước hoặc lợi ích của người khác; hai là, theo nghĩa rộng thì chủ thể có quyền khởi kiện có thể bao gồm cả bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Trong phạm vi Luận văn này sẽ tìm hiểu chủ thể có quyền khởi kiện theo nghĩa rộng, cụ thể:

2.1.1.1. *Về chủ thể khởi kiện vụ án dân sự do do có quyền, lợi ích bị xâm phạm, tranh chấp hoặc khởi kiện vì lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước hay vì lợi ích của người khác*.

Điều 186 BLTTDS 2015 quy định về quyền khởi kiện VADS như sau: *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án (sau đây gọi chung là người khởi kiện) tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình*". Theo quy định này thì chủ thể có quyền khởi kiện được hiểu là chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động có tranh chấp và chủ thể có quyền đại diện thực hiện quyền khởi kiện VADS. Tiếp theo đó, Bộ luật này đã cụ thể hóa hơn các chủ thể có quyền khởi kiện VADS để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác đồng thời quy định quyền khởi kiện của cơ quan, tổ chức vì lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước tại Điều 187 với nội dung sau:

"1. Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có

quyền khởi kiện vụ án về HNGĐ theo quy định của Luật HNGĐ.

2. Tổ chức đại diện tập thể lao động có quyền khởi kiện vụ án lao động trong trường hợp cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể người lao động hoặc khi được người lao động ủy quyền theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có quyền đại diện cho người tiêu dùng khởi kiện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc tự mình khởi kiện vì lợi ích công cộng theo quy định của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

4. Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện VADS để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật.

5. *Cá nhân có quyền khởi kiện vụ án HNGĐ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khác theo quy định của Luật HNGĐ"*.

Như vậy, theo các quy định trên thì chủ thể có quyền khởi kiện VADS bao gồm:

- Chủ thể khởi kiện vụ án dân sự là nguyên đơn có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 68 BLTTDS 2015, nguyên đơn trong VADS được xác định là người khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết VADS khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của người đó bị xâm phạm. Như vậy, nguyên đơn trong VADS có thể là người trực tiếp thực hiện quyền khởi kiện hoặc là người được một chủ thể khác theo quy định pháp luật khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đó có thể là những cá nhân, cơ quan, tổ chức là chủ thể của một quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động thông qua việc gửi đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính mình khi phát hiện có sự xâm phạm hay tranh chấp với các chủ thế khác.

- Chủ thể khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước

Bên cạnh chủ thể khởi kiện là nguyên đơn – những người có quyền và lợi ích hợp pháp trực tiếp bị xâm phạm thì pháp luật còn quy định một số chủ thể có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác. Đó là chủ thể khởi kiện với tư cách là người đại diện theo pháp luật hay theo ủy quyền của đương sự. Trong một số trường hợp để bảo đảm quyền khởi kiện của người yếu thế, BLTTDS 2015 đã quy định một số chủ thể có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Theo quy định tại Điều 187 BLTTDS 2015 thì các chủ thể khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác bao gồm:

+ Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong phạm vi quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án về HNGĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 86, khoản 3 Điều 102, khoản 2 Điều 119 của Luật HNGĐ 2014. Đó là các trường hợp khởi kiện vụ án về: thay đổi người trực tiếp nuôi con; hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên; xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự (NLHVDS); xác định con cho cha, mẹ chưa thành niên hoặc mất NLHVDS; buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó. So với quy định tại BLTTDS sửa đổi 2011 thì BLTTDS 2015 có sự thay đổi về mặt tên gọi của chủ thể khởi kiện trong quy định này từ *"cơ quan về dân số, gia đình và trẻ em"* thành *"cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em"* nhằm thống nhất với Luật HNGĐ và các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan.

+ Tổ chức đại diện tập thể lao động có quyền khởi kiện vụ án lao động trong trường hợp cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể người lao động hoặc khi được người lao động ủy quyền theo quy định của Bộ luật lao động (BLLĐ) năm 2012.

+ Tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có quyền đại diện cho người tiêu dùng khởi kiện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc tự mình khởi kiện vì lợi ích công cộng theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010. Đây là một chủ thể có quyền khởi kiện mới được bổ sung vào BLTTDS 2015 nhằm phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng như điều kiện thực tế khi nhu cầu tiêu dùng của con người ngày càng gia tăng, sự biến động phức tạp của thị trường cung cầu trong và ngoài nước dẫn đến quyền lợi của người tiêu dùng có thể bị ảnh hưởng và cần được bảo vệ một cách nhanh chóng kịp thời. Để trở thành tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì cần phải đáp ứng được các tiêu chí quy định tại Điều 27 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Cụ thể là cần có 02 điều kiện: một là, được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động theo điều lệ được tham gia hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hai là, hoạt động bảo vệ người tiêu dùng của tổ chức xã hội phải tuân theo quy định của pháp luật hiện hành. Hiện nay, theo thống kê của Bộ Công thương thì ngoài Hội tiêu chuẩn và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (VINASTAS) đã có 41 Hội tiêu chuẩn và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở 41 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương[23].

+ Cá nhân có quyền khởi kiện vụ án HNGĐ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp

[23] Danh sách Hội bảo vệ người tiêu dùng, Cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương, tại địa chỉ: http://www.vca.gov.vn/hoibvntd.aspx?Cate_ID=458&page=9, ngày truy cập 02/8/2017

của người khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51, khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 86, Điều 92, khoản 3 Điều 102, khoản 2 Điều 119 của Luật HNGĐ 2014. Đó là các trường hợp khởi kiện vụ án về việc: yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do vợ, chồng của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ; yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; xác định cha, mẹ con trong trường hợp người có yêu cầu chết; xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con thành niên mất NLHVDS; xác định con cho cha, mẹ chưa thành niên hoặc mất NLHVDS; buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ. Chủ thể có quyền khởi kiện trong trường hợp này là sự bổ sung mới của BLTTDS 2015 nhằm phù hợp với quy định của Luật HNGĐ 2014 cũng như giải quyết được các vướng mắc trong việc giải quyết quan hệ hôn nhân trong trường hợp vợ hoặc chồng bị mất NLHVDS và chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của bạo lực gia đình. Các quy định mới của BLTTDS 2015 đã thể hiện sự đề cao việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ hội nhập và phát triển kinh tế.

+ Bên cạnh việc quy định các chủ thể khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, BLTTDS 2015 đã ghi nhận quyền khởi kiện của cơ quan, tổ chức vì lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước. Theo quy định tại khoản 4 Điều 187 BLTTDS 2015 thì cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quyền khởi kiện VADS để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, chủ thể khởi kiện được coi là nguyên đơn nhưng không có quyền lợi bị tranh chấp hay vi phạm. Các văn bản giải đáp của Tòa án tối cao hiện nay không đề cập tới vấn đề này. Tuy nhiên, theo tinh thần của Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 hướng dẫn tại khoản 1, Điều 3 như sau:

"1. Cơ quan, tổ chức có quyền khởi kiện VADS để yêu cầu Toà án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 162 của BLTTDS khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức đó có những nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, quản lý xã hội về một lĩnh vực nhất định;

b) Lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước cần yêu cầu Toà án bảo vệ phải thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách."

Qua các phân tích trên, ta nhận thấy BLTTDS 2015 đã mở rộng chủ thể có quyền khởi kiện VADS so với quy định tại BLTTDS sửa đổi 2011. Việc mở rộng này đã đáp ứng được quyền tiếp cận công lý của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự nói chung và các chủ thể tham gia các quan hệ xã hội nói riêng, bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân đặc biệt là đối với các chủ thể yếu thế trong xã hội. Mặt khác, việc bổ sung các chủ thể mới trong BLTTDS 2015 đã tạo nên sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật với nhau đặc biệt là BLLĐ, Luật HNGĐ, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng…phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội, tạo cơ chế pháp lý ổn định để các chủ thể có thể thực hiện tốt nhất quyền khởi kiện nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật dân sự.

2.1.1.2. Chủ thể có quyền đưa ra yêu cầu phản tố

Quyền đưa ra yêu cầu phản tố là quyền của bị đơn trong VADS được quy định tại Điều 200 BLTTDS 2015: *"Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*." Mục đích bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố là để bù trừ nghĩa vụ, khấu trừ nghĩa vụ hoặc loại trừ một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Tại khoản 4 Điều 72 BLTTDS 2915 quy định: *"Đối với yêu cầu phản tố thì bị đơn có quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn quy định tại Điều 71 của Bộ luật này."* Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 217 BLTTDS 2015 đã quy định: *"Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không đề nghị xét xử vắng mặt và trong vụ án đó có bị đơn yêu cầu phản tố… thì giải quyết như sau: b) Bị đơn không rút hoặc chỉ rút một phần yêu cầu phản tố thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn trở thành nguyên đơn, nguyên đơn trở thành bị đơn"*. Để làm rõ hơn bản chất của yêu cầu phản tố của bị đơn, BLTTDS 2015 đã bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 72 về: *"Trường hợp yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập không được chấp nhận để giải quyết trong cùng một vụ án thì bị đơn có quyền khởi kiện vụ án khác."* Như vậy, về bản chất thì yêu cầu phản tố của bị đơn trong VADS cũng được coi là một yêu cầu khởi kiện bởi yêu cầu phản tố này có thể được khởi kiện bằng một vụ án độc lập. Tuy nhiên, do nguyên đơn đã khởi kiện một vụ án khác mà yêu cầu phản tố này của bị đơn lại liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên yêu cầu phản tố này sẽ được Tòa án xem xét giải quyết trong cùng một vụ án mà nguyên đơn đã khởi kiện, giúp Tòa án giải quyết chính xác, nhanh

chóng hơn, tiết kiệm được thời gian cho các đương sự không phải tham gia nhiều VADS.

Yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chỉ được chấp nhận khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập;
- Yêu cầu phản tố được chấp nhận dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập;
- Giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn.

Về cơ bản quyền đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy định tại Điều 200 BLTTDS 2015 là sự kế thừa quy định tại Điều 176 BLTTDS sửa đổi 2011. Tuy nhiên, BLTTDS 2015 có sự thay đổi thời điểm bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố là sau khi nhận được thông báo thụ lý VADS đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, so với thời hạn đưa ra yêu cầu phản tố từ sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án đến trước khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử được quy định tại BLTTDS sửa đổi 2011 thì BLTTDS 2015 đã rút ngắn hơn thời hạn thực hiện quyền phản tố của bị đơn.

2.1.1.3. Chủ thể có quyền đưa ra yêu cầu độc lập

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia VADS với tư cách là một đương sự mặc dù họ không khởi kiện, không bị kiện. Sở dĩ như vậy, bởi việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ có thể tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị Tòa án chấp nhận đưa họ tham gia tố tụng. Theo quy định tại Điều 201 BLTTDS 2015 thì: *"Trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc bên bị đơn thì họ có quyền đưa ra yêu cầu độc lập khi có các điều kiện sau đây: a) Việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ; b) Yêu cầu độc lập của họ có liên quan đến vụ án đang giải quyết; c) Yêu cầu độc lập của họ được giải quyết trong cùng một vụ án làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn"*.

Yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể chống lại cả nguyên đơn và bị đơn trong VADS và có đủ điều kiện để trở thành một yêu cầu khởi kiện độc lập. Điểm c, khoản 2 Điều 217 BLTTDS 2015 đã quy định: *"Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không đề nghị xét xử vắng mặt và trong*

vụ án đó có bị đơn yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì giải quyết như sau: c) Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút hoặc chỉ rút một phần yêu cầu độc lập thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trở thành nguyên đơn, người nào bị khởi kiện theo yêu cầu độc lập trở thành bị đơn". Như vậy, về bản chất thì yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là một yêu cầu khởi kiện. Việc Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong cùng một VADS nguyên đơn đã khởi kiện nhằm đảm bảo cho việc giải quyết các tranh chấp dân sự nhanh chóng, chính xác, triệt để, tránh việc phải tiến hành các thủ tục tố tụng độc lập để giải quyết yêu cầu đó trong một vụ án khác.

Quyền đưa ra yêu cầu độc lập của người của người có quyền, nghĩa vụ liên quan cần tuân theo các điều kiện pháp luật, trong đó yêu cầu độc lập của họ cần đáp ứng các các điều kiện sau: Việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ; Yêu cầu độc lập của họ có liên quan đến vụ án đang được giải quyết; Yêu cầu độc lập của họ được giải quyết trong cùng một vụ án làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn.

Cũng giống như yêu cầu phản tố, thì việc đưa ra yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đòi hỏi là giúp vụ án được giải quyết được chính xác và nhanh hơn. Theo quan điểm của tác giả, yếu tố *"nhanh hơn"* trong quy định này cần được hiểu một cách linh hoạt, không nên hiểu một cách cứng nhắc là vụ án có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập sẽ phải nhanh chóng hơn so với vụ án không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. *"Nhanh hơn"* nên hiểu theo hướng là nếu yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập này được giải quyết trong cùng một vụ án sẽ rút ngắn thời gian giải quyết các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập trong từng vụ án riêng biệt.

Bên cạnh đó, BLTTDS 2015 đã rút ngắn lại thời hạn đưa ra yêu cầu độc lập so với các quy định trước đây, theo đó người có quyền, nghĩa vụ liên quan được quyền đưa ra yêu cầu độc lập từ sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

2.1.2. Phạm vi khởi kiện

Phạm vi khởi kiện VADS là giới hạn những vấn đề khởi kiện trong một VADS.[24] Các quy định về phạm vi khởi kiện tại Điều 188 của BLTTDS 2015 kế thừa quy định tại Điều 163 BLTTDS sửa đổi 2011, được xác định cụ thể như sau:

[24] Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), tlđd chú thích 6, tr. 248

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể khởi kiện một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về một quan hệ pháp luật hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án.
- Nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể cùng khởi kiện một cơ quan, một tổ chức, một cá nhân khác về một quan hệ pháp luật hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 187 của Bộ luật này có thể khởi kiện một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về một quan hệ pháp luật hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án.

Hiện nay, chưa có văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành quy định này của BLTTDS 2015, tuy nhiên theo tinh thần tại Điều 4 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP thì: *"Được coi là "nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau" để giải quyết trong cùng một vụ án khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a) Việc giải quyết quan hệ pháp luật này đòi hỏi phải giải quyết đồng thời quan hệ pháp luật khác;

Ví dụ: A khởi kiện yêu cầu Toà án buộc B phải trả lại quyền sử dụng đất. Đồng thời, A khởi kiện yêu cầu Toà án buộc C phải tháo dỡ công trình mà C đã xây dựng trên đất đó.

b) Việc giải quyết các quan hệ pháp luật có cùng đương sự và về cùng loại tranh chấp quy định trong một điều luật tương ứng tại một trong các điều 25, 27, 29 và 31 của BLTTDS.

Ví dụ: A khởi kiện yêu cầu Toà án buộc B phải trả nợ 100 triệu đồng. Đồng thời, A còn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc B phải trả lại chiếc xe ôtô mà B thuê của A do đã hết thời hạn cho thuê."

Việc pháp luật tố tụng quy định phạm vi khởi kiện nhằm bảo đảm việc giải quyết các VADS của Tòa án được nhanh chóng, đúng đắn đồng thời bảo đảm được quyền tự định đoạt của đương sự, Tòa án giải quyết vụ việc theo yêu cầu của đương sự, không giải quyết vượt quá yêu cầu hoặc bỏ sót yêu cầu của đương sự.

2.2. Thực trạng các quy định hiện hành về bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự

2.2.1. Quy định nguyên tắc quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

Quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là một nguyên tắc quan trọng của pháp luật TTDS Việt Nam là sự ghi nhận của Nhà nước trong việc bảo hộ quyền lợi của công dân. Nguyên tắc này tiếp tục được kế thừa và phát triển tại

BLTTDS 2015. So với BLTTDS sửa đổi 2011 thì tên gọi của nguyên tắc không có sự thay đổi nhưng nội dung có sự bổ sung cơ bản theo hướng bảo vệ tốt hơn quyền yêu cầu, quyền khởi kiện của đương sự. Việc bổ sung quy định về xác định nhiệm vụ của Tòa án trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích của người khởi kiện hoặc của người khác và *"Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng"* là một bước tiễn mới về tư duy, quan điểm lập pháp trong hoạt động giải quyết VADS. Theo đó, cơ quan, tổ chức, cá nhân không chỉ có quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác mà còn có quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích nhà nước, không phụ thuộc vào việc lợi ích đó đã được pháp luật điều chỉnh hay chưa. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự nhưng chưa có điều luật quy định thì Tòa án không được quyền từ chối giải quyết mà phải giải quyết yêu cầu đó trên cơ sở áp dụng theo thứ tự: áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật, án lệ, lẽ công bằng.

Sự thay đổi này phù hợp với quy định của Hiến pháp 2013 và Luật tổ chức TAND 2014 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong việc bảo vệ quyền và lợi ích cơ bản của con người, của công dân, lợi ích của Nhà nước và công cộng. Quy định việc Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật điều chỉnh khẳng định việc bảo đảm quyền tiếp cận công lý của công dân, là sự linh hoạt của pháp luật Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế. Trên thế giới, có rất nhiều quốc gia quy định quyền tiếp cận công lý của con người thông qua những quy định về việc Thẩm phán không đươc từ chối xét xử. Pháp là một quốc gia điển hình tiên phong pháp điển hóa nghĩa vụ xét xử của Tòa án vào BLDS. Khái niệm tội *"từ chối công lý"* hay *"bất khẳng công lý"* được ghi nhận trong Luật số 1803-03-05 công bố ngày 15/3/1803 và được pháp điển hóa vào Điều 4 BLDS 1804. Theo đó: "*Thẩm phán nào từ chối xét xử, với lý do pháp luật không có quy định, quy định không rõ ràng hoặc không đầy đủ thì có thể bị truy tố tội từ chối công lý"*[25]. Pháp luật Bỉ cũng có những quy định tương tự liên quan đến nghĩa vụ xét xử của Tòa án. BLTTDS của Bỉ ngày 10/10/1967 còn có những quy định khá cụ thể và chi tiết, đương sự có thể sử dụng các quy định pháp luật để bảo vệ quyền của mình khi Tòa án vi phạm ví dụ tại Điều 1140 quy định: *"Thẩm phán có thể bị khởi kiện nếu ....từ chối tuyên công lý"* hoặc tại Luật số L 2000-06-26/42 được pháp điển hóa vào Điều 258

[25] Ngô Quốc Chiến (2016), "Quyền tiếp cận công lý của công dân và nghĩa vụ xét xử của Tòa án", *Nhà nước và pháp luật*, (335), Hà Nội, tr.13-17

BLHS và có hiệu lực từ ngày 01/01/2002 thì *"Mọi Thẩm phán, người lãnh đạo hoặc nhân viên cơ quan hành chính, dù dưới bất kỳ lý do nào, ngay cả khi luật không có quy định hoặc quy định không rõ ràng, mà từ chối tuyên công lý cho các bên, thì bị phạt tiền từ hai trăm euro đến năm trăm euro và có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc công việc trong lĩnh vực công quyền"*.[26] Điểm chung giữa quy định của pháp luật dân sự Pháp, của Bỉ và BLTTDS 2015 của Việt Nam là đều quy định về nghĩa vụ giải quyết vụ việc của Tòa án ngay cả khi chưa có các quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ tranh chấp này nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể tham gia tố tụng và sẽ có những chế tài đối với việc từ chối giải quyết vụ việc dân sự. Tại Việt Nam, Quyết định số 120/QĐ – TANDTC ban hành quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong TAND đã đưa ra những chế tài cụ thể liên quan đến việc Thẩm phán trả lại đơn không đúng quy định pháp luật, Thư ký Tòa án từ chối nhận đơn khởi kiện trái quy định pháp luật[27] nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của Tòa án trong việc giải quyết VADS, quyền khởi kiện của đương sự sẽ được bảo đảm thực thi tốt nhất trong thực tế.

2.2.2. Quy định hợp lý về điều kiện khởi kiện vụ án dân sự

2.2.2.1. Điều kiện về tư cách pháp lý của chủ thể có quyền khởi kiện và cơ chế thuận lợi cho việc thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự

Khi xác định một chủ thể có quyền khởi kiện thì ta phải xem xét chủ thể đó có đủ tư cách pháp lý theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Việc xác định tư cách pháp lý của chủ thể có quyền khởi kiện là một việc rất quan trọng một mặt giúp các chủ thể có thể thực hiện tốt hơn quyền khởi kiện của mình mặt khác giúp các cơ quan tiến hành tố tụng đặc biệt là Tòa án có thể giải quyết yêu cầu khởi kiện một cách nhanh chóng, hợp lý bảo đảm tối đa lợi ích cho người khởi kiện.

Như đã phân tích, quyền khởi kiện trong Luận văn được hiểu theo nghĩa rộng tức là quyền đưa ra yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, quyền đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn, quyền đưa ra yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quyền đưa ra yêu cầu độc lập của bị đơn. Đối với mỗi chủ thể, pháp luật luôn đưa ra những điều kiện pháp lý phù hợp để họ có thể thực hiện tốt nhất quyền khởi kiện của mình mà không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khác.

Chủ thể tham gia các quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động có đầy đủ NLHVTTDS và có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm có thể tự mình thực

[26] Ngô Quốc Chiến (2016), tlđd chú thích 25, tr.13-17.
[27] Xem Điều 9, Điều 22 Quyết định số 120/QĐ – TANDTC ngày 19/6/2017, Ban hành quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong TAND

hiện quyền khởi kiện tại Tòa án. Bên cạnh đó, pháp luật luôn tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự nên đã quy định cơ chế đại diện theo ủy quyền để thay mặt đương sự tham gia tố tụng và chỉ đặt ra hạn chế đối với việc ly hôn, đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng. Tuy nhiên, BLTTDS 2015 đã bổ sung thêm một trường hợp cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật HNGĐ 2014. [28] Quy định này của pháp luật TTDS nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho đương sự trong việc thực hiện quyền khởi kiện của mình, tạo được cơ chế linh hoạt thông qua việc ghi nhận đương sự quyền được ủy quyền cho chủ thể khác thực hiện việc khởi kiện của mình. Pháp luật tố tụng cũng đưa ra nhiều phương thức để bảo vệ quyền khởi kiện cho các chủ thể có quyền thông qua việc quy định cá nhân có đầy đủ NLHVDS thì phải tự mình ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn khởi kiện nhằm thể hiện ý chí, mong muốn của mình khi thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án.

Bên cạnh đó, BLTTDS còn ghi nhận cơ chế đại diện theo pháp luật đối với các trường hợp cá nhân chưa thành niên, người mất NLHVDS, người bị hạn chế NLHVDS, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Quy định này giúp các chủ thể không có đầy đủ NLHVTTDS vẫn có thể thực hiện được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp mình khi xảy ra tranh chấp hoặc xâm phạm. So với quy định tại BLTTDS sửa đổi 2011 thì BLTTDS 2015 đã mở rộng phạm vi đối tượng được ghi nhận cơ chế đại diện theo pháp luật. Sự thay đổi này nhằm thống nhất với quy định tại BLDS 2015 đồng thời đảm bảo tốt hơn cho các chủ thể yếu thế thực hiện tốt nhất quyền khởi kiện VADS.

2.2.2.2. Quy định về điều kiện sự việc chưa được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và việc ghi nhận những trường hợp biệt lệ về quyền khởi kiện lại vụ án – cơ chế giúp đương sự không mất quyền khởi kiện

Tại điểm c khoản 1 Điều 192 BLTTDS 2015 quy định việc Tòa án sẽ trả lại đơn khởi kiện nếu sự việc thuộc trường hợp sự việc đã được giải quyết bằng một bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quy định này nhằm bảo đảm sự thống nhất trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đồng thời tránh được tình trạng giải quyết chồng chéo giữa các cơ quan đối với một vụ. Tuy nhiên, pháp luật TTDS luôn thể hiện tính mềm dẻo trong việc đưa ra các quy định điều tiết các quan hệ xã hội trong đó có quyền khởi kiện của đương sự thông qua các quy định về quyền khởi kiện lại VADS sau khi bị Tòa án trả lại đơn khởi kiện hoặc ra quyết định đình chỉ giải quyết VADS.

[28] Xem khoản 4 Điều 85 BLTTDS 2015

Với các quy định này, quyền khởi kiện của các chủ thể có thể được bảo đảm thực hiện trong một số trường hợp nhất định, cụ thể:

Tại khoản 3 Điều 192 BLTTDS 2015 quy định về các trường hợp đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện lại, bao gồm: Người khởi kiện đã có đủ NLHVDS; yêu cầu ly hôn, yêu cầu thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, mức BTTH, yêu cầu thay đổi người quản lý tài sản, thay đổi người quản lý di sản, thay đổi người giám hộ hoặc vụ án đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà, đòi quyền sử dụng đất cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ mà trước đó Tòa án chưa chấp nhận yêu cầu mà theo quy định của pháp luật được quyền khởi kiện lại; Đã có đủ điều kiện khởi kiện; Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, trường hợp người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện lại khi có *"các trường hợp khác theo quy định pháp luật"* đã được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP như: Đối với những VADS tranh chấp về thừa kế tài sản mà trước ngày 01-01-2017, Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện hoặc ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện vì lý do *"thời hiệu khởi kiện đã hết"* nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 thời hiệu khởi kiện vụ án đó vẫn còn, thì người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 và điểm d khoản 3 Điều 192 BLTTDS 2015; Đối với những VADS chia tài sản chung là di sản thừa kế đã hết thời hạn 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế mà trước ngày 01-01-2017 Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện vì chưa đủ điều kiện khởi kiện chia tài sản chung, nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 thời hiệu khởi kiện vụ án chia thừa kế đối với di sản thừa kế đó vẫn còn, thì người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 và điểm d khoản 3 Điều 192 BLTTDS 2015 và Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.[29]

Tại khoản 2 Điều 218 BLTTDS 2015 quy định: *"Khi có quyết định đình chỉ giải quyết VADS, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại VADS đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật."* Theo đó, đối với những VADS bị đình chỉ giải quyết mà đương sự thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192 BLTTDS 2015 hoặc lý do đình chỉ vì người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện hoặc nguyên đơn đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, các trường hợp khác

[29] Xem khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 04/2017/NQ - HĐTP

theo quy định pháp luật thì đương sự có quyền khởi kiện lại VADS.

2.2.2.3. Quy định về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự

BLTTDS 2015 có sự thay đổi cơ bản về quy định thời hiệu khởi kiện VADS so với BLTTDS sửa đổi 2011, theo đó định nghĩa về thời hiệu khởi kiện vụ án không còn được giữ lại mà dẫn chiếu đến quy định tại BLDS 2015 về thời hiệu khởi kiện. Theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 150 BLDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện VADS là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết VADS bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tại Điều 184 BLTTDS 2015 quy định: *"Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ"*. Đây được coi là một sự thay đổi lớn trong quan niệm lập pháp của Việt Nam, theo đó thời hiệu khởi kiện không còn do Tòa án mặc nhiên áp dụng để làm căn cứ đình chỉ giải quyết VADS như trước mà việc áp dụng thời hiệu khởi kiện là do các bên đương sự viện dẫn. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên khi tham gia tố tụng, pháp luật đã đưa ra hai điều kiện về áp dụng thời hiệu khởi kiện: thứ nhất, một bên hoặc các bên yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện; thứ hai, yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. BLTTDS 2015 đã tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự trong việc cho phép một hoặc các bên được quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và loại bỏ quy định về việc Tòa án tự mình được lấy căn cứ thời hiệu khởi kiện đã hết để đình chỉ giải quyết VADS. Quy định này đã giúp những đương sự có thể khôi phục lại quyền và lợi ích đã bị xâm phạm dù thời hiệu khởi kiện không còn góp phần bảo đảm quyền khởi kiện trên thực tế.

Nhằm bảo đảm quyền khởi kiện vụ án cho các chủ thể được thực hiện tốt trên thực tế pháp luật Việt Nam còn quy định những trường hợp liên quan đến việc xác định thời hiệu khởi kiện. Cụ thể:

- *Các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện như:* Yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân không gắn với tài sản; Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp BLDS, luật khác có liên quan quy định khác; Tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai; Trường hợp khác do pháp luật quy định.[30]

- *Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện VADS gồm:* Sự kiện bất khả

[30] Xem Điều 155 BLDS 2015

kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu; Chưa có người đại diện trong trường hợp người có quyền khởi kiện, người có quyền yêu cầu là người chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự chưa có người đại diện khác thay thế trong trường hợp sau đây: a) Người đại diện chết nếu là cá nhân, chấm dứt tồn tại nếu là pháp nhân; b) Người đại diện vì lý do chính đáng mà không thể tiếp tục đại diện được.[31]

- *Các trường hợp được bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện:* Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; Các bên đã tự hòa giải với nhau[32].

2.2.2.4. Quy định về thẩm quyền của Tòa án trong việc bảo đảm quyền khởi kiện được thực hiện thuận lợi

BLTTDS 2015 đã có những bổ sung quan trọng theo hướng mở rộng thẩm quyền loại việc mà Tòa án có thẩm quyền đối với tranh chấp dân sự, tranh chấp HNGĐ, tranh chấp KDTM và tranh chấp lao động.[33]Việc mở rộng thẩm quyền loại việc của Tòa án là sự phù hợp với thực tiễn và pháp luật chuyên ngành như Luật HNGĐ 2014, Luật Cạnh tranh, Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, qua đó mở rộng thêm cơ sở pháp lý để đương sự có thể thực hiện tốt hơn quyền khởi kiện của mình.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho các đương sự thực hiện quyền khởi kiện, tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015 quy định: *"Các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức giải quyết những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định tại các điều 26, 28, 30 và 32 của Bộ luật này"*. Việc xây dựng quy định này dựa trên quyền tự định đoạt của đương sự theo đó khi nguyên đơn và bị đơn đồng thuận về việc lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn cư trú, có trụ sở thì trường hợp này được coi là bị đơn đã từ bỏ được quyền tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy tắc ưu tiên Tòa án tại nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở, nơi có tài sản hoặc nơi phát sinh sự việc.

[31] Xem Điều 156 BLDS 2015
[32] Xem Điều 157 BLDS 2015
[33] Xem Điều 26, 28, 30, 32 BLTTDS 2015

Ngoài ra, khoản 1 Điều 40 BLTTDS 2015 tiếp tục kế thừa những quy định về việc cho phép nguyên đơn trong một số trường hợp có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động. Quy định này không dựa trên sự thỏa thuận của các đương sự mà theo sự lựa chọn của nguyên đơn, tức là trong một số trường hợp pháp luật cho phép nguyên đơn được quyền lựa chọn Tòa án để thực hiện việc khởi kiện của mình mà không cần qua sự đồng ý của bị đơn. Việc nguyên đơn lựa chọn Tòa án mà không cần có sự đồng thuận của bị đơn thường xuất phát từ tính nhân đạo của pháp luật trong việc bảo vệ kẻ yếu (nguyên đơn là người lao động, người khởi kiện về cấp dưỡng, người bị thiệt hại…) hoặc trong trường hợp các quy tắc phổ biến về xác định thẩm quyền đối với các tố quyền đối nhân, đối vật trở nên quá hạn hẹp, không thể áp dụng để xác định Tòa án có thẩm quyền trong những trường hợp cụ thể.[34] Quy định này của pháp luật thể hiện sự linh hoạt trong việc cho phép nguyên đơn có thể lựa chọn Tòa án trong những trường hợp nhất định nhằm giúp họ có thể thực hiện quyền khởi kiện của mình một cách tốt nhất trên thực tế.

Pháp luật TTDS cũng đặt ra những quy định về các thủ tục tiền tố tụng trước khi khởi kiện VADS, ví dụ như các tranh chấp về quyền sử dụng đất cần được hòa giải tại Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã mới được khởi kiện ra Tòa án, hoặc tranh chấp lao động cá nhân, tranh chấp lao động tập thể về quyền phải thông qua thủ tục hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, quy định này chỉ được coi là không cản trở quyền khởi kiện nếu các thủ tục này diễn ra nhanh chóng và có được sự thiện chí của các bên tham gia hòa giải cơ sở.

2.2.3. Quy định về các cơ chế hỗ trợ hoặc tạo điều kiện cho đương sự thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự

2.2.3.1. Quy định về thống nhất mẫu đơn khởi kiện và đơn giản cách thức nộp đơn khởi kiện

Đơn khởi kiện được coi là phương thức chuyển tải những yêu cầu của người khởi kiện đến với Tòa án, là sự hiện thực hóa việc thực hiện quyền khởi kiện của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự. Thông qua nội dung đơn khởi kiện, Tòa án sẽ nắm bắt được những thông tin cần thiết cũng như tâm tư nguyện vọng cần được bảo vệ của người khởi kiện. BLTTDS 2015 tiếp tục kế thừa những quy định về hình thức và nội dung đơn khởi kiện đồng thời có những sửa đổi, bổ sung theo hướng chi tiết, cụ thể hơn đối với từng đối tượng nộp đơn cụ thể. Mẫu đơn khởi kiện VADS được thực hiện thống nhất trong cả nước theo mẫu số 23-DS trong Nghị quyết số 01/2017/NQ – HĐTP, ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối

[34] Trần Anh Tuấn (Chủ biên, 2017), *Bình luận Khoa học Bộ luật tố tụng dân sự năm*, NXB Tư Pháp, Hà Nội, tr.125 - 126.

cao, Ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự[35]. Như vậy, việc ban hành những quy định chung và mẫu đơn khởi kiện thống nhất sẽ giúp người khởi kiện có thể dễ dàng trình bày nội dung theo hướng dẫn cụ thể của pháp luật, giảm thiểu được việc phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần tránh lãng phí thời gian, tiền của của người khởi kiện và Tòa án, bảo đảm việc khởi kiện của đương sự được nhanh chóng và thuận lợi hơn.

Quy định tại khoản 2 Điều 189 BLTTDS 2015 đã có những bổ sung quan trọng đối với những đối tượng đặc biệt khi tham gia thực hiện quyền khởi kiện như: Cá nhân là người chưa thành niên; người mất NLHVDS; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người không biết chữ, người khuyết tật nhìn; người không thể tự mình làm đơn khởi kiện; người không thể tự mình ký tên hoặc điểm chỉ. Quy định này được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với sự thay đổi của pháp luật dân sự cũng như đời sống thực tiễn tại Việt Nam. Qua đó thể hiện được sự quan tâm của Nhà nước luôn cố gắng tạo mọi điều kiện cho tất cả người dân được bảo đảm quyền khởi kiện của mình, đặc biệt là đối với những đối tượng yếu thế, có khó khăn hoặc không thể tự mình trình bày đơn khởi kiện thì họ có thể có những sự trợ giúp để thực hiện quyền khởi kiện của mình.

Một vấn đề nữa được đặt ra đối với trường hợp các đương sự do trình độ hiểu biết pháp luật chưa cao hoặc xuất phát từ những lý do khách quan, chủ quan khác nhau nên họ có thể trình bày đơn khởi kiện không đúng theo quy chuẩn của pháp luật, thì họ sẽ được tạo điều kiện được sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Điều 193 BLTTDS 2015 đã quy định*: "Trường hợp đơn khởi kiện không có đủ các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật này thì Thẩm phán thông báo bằng văn bản nêu rõ những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho người khởi kiện để họ sửa đổi, bổ sung trong thời hạn do Thẩm phán ấn định nhưng không quá 01 tháng; trường hợp đặc biệt, Thẩm phán có thể gia hạn nhưng không quá 15 ngày. Văn bản thông báo có thể được giao trực tiếp, gửi trực tuyến hoặc gửi cho người khởi kiện qua dịch vụ bưu chính và phải ghi chú vào sổ nhận đơn để theo dõi. Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện không tính vào thời hiệu khởi kiện"*.

Quy định trên được xây dựng xuất phát từ thực tiễn tiếp nhận đơn khởi kiện tại Tòa án, đã có nhiều trường hợp đơn khởi kiện VADS nhưng lại ghi là đơn khiếu nại, đơn kêu cứu và họ gửi đơn đến cơ quan công an, UBND các cấp và thường những đơn khởi kiện này không đáp ứng được nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật. Do vậy, với những trường hợp này Tòa án cần phải hướng dẫn cho người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện nhằm đảm bảo quyền khởi kiện của họ vẫn được thực

[35] Xem chi tiết mẫu đơn số 23-DS trong Nghị quyết số 01/2017/NQ – HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự

thi trên thực tế. Việc BLTTDS 2015 bổ sung quy định việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện phải được thực hiện bằng văn bản nhằm tránh việc không có căn cứ theo dõi quá trình giải quyết đơn của Thẩm phán. Trong trường hợp người khởi kiện đã sửa lại đơn theo đúng yêu cầu của Tòa án, Thẩm phán sẽ tiếp tục thụ lý vụ án, nếu họ không sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu thì Thẩm phán sẽ trả lại đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ đã nộp cho đương sự trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 192 BLTTDS 2015.

Bên cạnh đó, pháp luật TTDS còn quy định người có quyền khởi kiện có thể sử dụng linh hoạt các phương thức gửi đơn khởi kiện đến Tòa án. Ngoài phương thức nộp đơn trực tiếp tại Tòa án và thông qua đường bưu chính thì Điều 190 BLTTDS 2015 còn bổ sung thêm phương thức người khởi kiện có thể gửi đơn khởi kiện trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có) nhằm phù hợp với tình hình công nghệ thông tin tại Việt Nam ngày càng phát triển. Hiện nay, phương thức gửi đơn khởi kiện trực tuyến đã được TANDTC hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết số 04/2016/NQ – HĐTP, ngày 30/12/2016, Hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTDS số 92/2015/QH13, Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử. Việc quy định linh hoạt phương thức gửi đơn khởi kiện giúp cho các đương sự có thể lựa chọn phương thức phù hợp với điều kiện, tính chất, hoàn cảnh của mình đặc biệt là đối với những chủ thể ở những vùng địa hình trắc trở việc di chuyển khó khăn, tốn kém, bảo đảm quyền khởi kiện được thực thi có hiệu quả, thực hiện triệt để quyền tự định đoạt của đương sự khi tham gia hoạt động TTDS tại Tòa án.

2.2.3.2. Quy định về cơ chế trợ giúp pháp lý cho đương sự

Quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự luôn là mối quan tâm hàng đầu của các chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật TTDS, chính bởi vậy việc xây dựng được các quy định pháp luật và các cơ chế đảm bảo quyền lợi cho các bên tham gia một cách công bằng, bình đẳng luôn là nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước. Có nhận định cho rằng: *"Ở Việt Nam, các đương sự ít khả năng tự bảo vệ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế"* [36] để nói lên thực trạng áp dụng và tuân thủ pháp luật tại Việt Nam còn chưa đồng đều đặc biệt là đối với những trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, trình độ dân trí thấp, sự hiểu biết pháp luật chưa cao.

Xuất phát từ thực tiễn nên tại khoản 3 Điều 9 BLTTDS 2015 quy định: *"Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm TGPL cho các đối tượng theo quy định của pháp luật*

[36] Phan Hữu Thư (2001), *Xây dựng Bộ luật tố tụng dân sự những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.221.

để họ thực hiện quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước Tòa án". Đây là một bổ sung mới quan trọng của BLTTDS 2015 bởi từ trước đến nay vấn đề TGPL thường thiên về phần trợ giúp cho các bị can, bị cáo trong các vụ án hình sự, còn các vụ việc dân sự ít nhận được sự quan tâm từ phía các cơ quan trợ giúp.[37] Trên tinh thần bổ sung của BLTTDS 2015 tại khoản 6 Điều 48 đã quy định thêm nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán là phải: *"Giải thích, hướng dẫn cho đương sự biết để họ thực hiện quyền được yêu cầu TGPL theo quy định của pháp luật về TGPL*" đồng thời đưa ra các điều kiện, thủ tục của đối tượng trở thành trợ giúp viên pháp lý (TGVPL) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Với việc giải thích quyền được TGPL, thông báo chỉ định thực hiện TGPL sẽ khắc phục được tình trạng bỏ sót nhu cầu TGPL của người thuộc diện TGPL, nhất là đối với những đối tượng sống ở vùng sâu, vùng xa, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế chưa thể nhận biết, tiếp cận được với hoạt động TGPL. Theo Điều 27 Luật TGPL 2006, thì TGPL được thể hiện thông qua các hình thức như tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và các hình thức TGPL khác. Như vậy, trong TTDS thì TGPL cũng đóng góp quan trọng trong việc bảo đảm quyền khởi kiện thông qua việc đương sự có thể được hướng dẫn, giải đáp, tư vấn pháp luật, hỗ trợ việc soạn thảo đơn khởi kiện cũng như giúp đương sự thực hiện các thủ tục tại Tòa án. Ngoài ra, thông qua việc tham gia tố tụng TGPL sẽ giúp đương sự bảo vệ được quyền và lợi ích của mình, bảo đảm cho quyền khởi kiện được thực thi có hiệu quả trên thực tế.

Tại Điều 10 Luật TGPL 2006 có quy định rõ ràng về các chủ thể được nhận TGPL bao gồm: Người nghèo; người có công với cách mạng; người già cô đơn, người tàn tật và trẻ em không nơi nương tựa; người dân tộc thiểu số thường trú ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Dễ dàng nhận thấy đây là những chủ thể yếu thế trong xã hội, họ gặp khó khăn trong vấn đề tự bảo vệ cũng như không có đủ điều kiện thuê luật sư. Vừa qua, vào ngày 20/6/2017 Quốc hội đã ban hành Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 (có hiệu lực vào ngày 01/01/2018) đã mở rộng phạm vi đối tượng được TGPL[38], điều đó đã thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước trong vấn đề bảo đảm việc thực hiện tốt nhất quyền khởi kiện cũng như các quyền tham gia tố tụng khác của công dân. Thông qua hoạt động TGPL, những chủ thể này sẽ có cơ hội thực hiện tốt hơn quyền tiếp cận công lý, quyền và lợi ích hợp pháp của họ sẽ được bảo vệ đồng thời những yêu cầu khởi kiện của họ có khả năng sẽ được Tòa án đảm bảo giải quyết triệt để trong VADS. Có thể nói đây là một cơ chế bảo đảm hữu hiệu của Nhà nước đối với việc thực hiện quyền khởi kiện VADS nói riêng và thực hiện

[37] Bùi Thi Huyền (Chủ biên, 2016*), Bình luận Khoa học Bộ luật tố tụng dân sự 2015*, NXB Lao Động, Hà Nội, tr. 16.
[38] Xem Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý 2017

quyền con người, quyền công dân nói chung, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2.2.3.3. Quy định về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ khi đương sự thực hiện quyền khởi kiện

Theo quy định tại khoản 5 Điều 189 BLTTDS 2015 quy định: *"Kèm theo đơn khởi kiện phải có tài liệu, chứng cứ, chứng minh quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm. Trường hợp vì lý do khách quan mà người khởi kiện không thể nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thì họ phải nộp tài liệu, chứng cứ hiện có để chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm. Người khởi kiện bổ sung hoặc giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ khác theo yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án*". Quy định này cũng được áp dụng tương tự đối với bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Việc Tòa án yêu cầu chủ thể có quyền khởi kiện phải giao nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện phù hợp với tính chất của quan hệ TTDS cũng như nghĩa vụ chứng minh của đương sự khi yêu cầu Tòa án giải quyết VADS. BLTTDS 2015 đã sửa đổi cụm từ tài liệu, chứng cứ *"ban đầu"*[39] thành tài liệu, chứng cứ "*hiện có"*[40] nhằm bảo đảm tốt hơn cho việc thực hiện quyền khởi kiện của các chủ thể trong thực tế, tránh sự tùy tiện trả lại đơn khởi kiện của Tòa án có thẩm quyền. Bên cạnh đó, tại Giải đáp số 01/GĐ – TANDTC ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề về hình sự, tố tụng hình sự, dân sự, tố tụng dân sự có hướng dẫn trong trường hợp khi nộp đơn khởi kiện, người khởi kiện không nộp kèm theo bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì phải có văn bản tường trình, giải thích lý do không có tài liệu, chứng cứ để nộp cho Tòa án hoặc không thể thu tập được tài liệu, chứng cứ và yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ. Trường hợp lý do việc không nộp được tài liệu, chứng cứ là chính đáng thì Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và thực hiện việc thu thập tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS 2015.

Như vậy, pháp luật TTDS hiện hành đang tạo mọi điều kiện tốt nhất để bảo đảm cho đương sự có thể thực hiện được quyền khởi kiện của mình trên thực tế, kịp thời bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2.2.3.4. Quy định về trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho đương sự thực hiện quyền khởi kiện

Tài liệu, chứng cứ đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết chính xác,

[39] Xem Điều 6, Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 3/12/2012
[40] Xem khoản 5 Điều 189 BLTTDS 2015

đúng đắn VADS. Chính bởi vậy, việc thu thập tài liệu chứng cứ của đương sự luôn được pháp luật TTDS quan tâm và tạo mọi điều kiện tốt nhất. Bên cạnh việc quy định đương sự có quyền chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ, Tòa án có trách nhiệm hỗ trợ đương trong việc thu thập chứng cứ thì tại Điều 7 BLTTDS 2015 quy định rõ trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, cụ thể: *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và đúng thời hạn cho đương sự, Tòa án, VKSND tài liệu, chứng cứ mà mình đang lưu giữ, quản lý khi có yêu cầu của đương sự, Tòa án, VKS theo quy định của Bộ luật này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ đó; trường hợp không cung cấp được thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho đương sự, Tòa án, VKS"*. Quy định này nhằm đảm bảo cho đương sự có thể thu thập tài liệu chứng cứ thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, góp phần cho việc bổ sung được nhiều chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết các yêu cầu khởi kiện trong VADS. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân cố tình không cung cấp tài liệu, chứng cứ và đưa ra các lý do từ chối không thuyết phục dẫn đến kéo dài thời hạn tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự và thời gian, nhân lực của Tòa án. Để khắc phục được vấn đề này tại Điều 495 BLTTDS 2015 đã có quy định cụ thể về việc xử lý hành vi không thi hành quyết định của Tòa án về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án hoặc đưa tin sai sự thật nhằm cản trở việc giải quyết vụ án của Tòa án: "*1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thi hành quyết định của Tòa án về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đang quản lý, lưu giữ thì có thể bị Tòa án xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật. 2. Người có hành vi đưa tin sai sự thật nhằm cản trở Tòa án giải quyết vụ án thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật."* Quy định này sẽ giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân nâng cao trách nhiệm của mình trong việc hỗ trợ đương sự thu thập tài liệu, chứng cứ của VADS, bảo đảm cho quyền khởi kiện của đương sự được thực thi tốt nhất trong thực tế.

2.2.3.5. Quy định về miễn, giảm tạm ứng án phí

Nhà nước quy định đương sự phải nộp tạm ứng án phí khi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết VADS để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tiền tạm ứng án phí là một quy định nhằm đảm bảo cho những khoản tạm chi ban đầu của việc giải quyết VADS tại Tòa án góp phần giảm đi gánh nặng cho ngân sách nhà nước.[41] Việc thu tạm ứng án phí của đương sự là một quy định hợp lý với bản chất của việc khởi kiện VADS tại Tòa án. Bởi khi thiết lập và thực hiện quan hệ pháp luật dân sự, các

[41] Trần Anh Tuấn (Chủ biên, 2017), tlđd chú thích 34, tr. 341

chủ thể dựa trên nền tảng là sự thỏa thuận, tự nguyện và việc yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp giữa các bên nhằm mục đích giải quyết lợi ích riêng của đương sự. Bên cạnh đó, việc quy định thu tạm ứng án phí đảm bảo được sự ổn định của ngân sách nhà nước đồng thời sẽ buộc các đương sự sẽ phải suy nghĩ kỹ trước khi đưa ra những yêu cầu khởi kiện từ đó giảm thiểu được các khiếu kiện không có căn cứ, gây nhũng nhiễu và mất thời gian giải quyết của Tòa án cũng như của các chủ thể liên quan.

Tuy nhiên, pháp luật luôn thể hiện tính mềm dẻo linh hoạt trong việc đưa ra một số các trường hợp được miễn, giảm tiền tạm ứng án phí cho một số đương sự nhằm bảo đảm họ có thể thực hiện được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc miễn, giảm tạm ứng án phí được quy định tại BLTTDS 2015, Luật phí, lệ phí 2015 và được hướng dẫn chi tiết tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại Điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 có quy định cụ thể về các trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí VADS tại Tòa án; các trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự Tòa án; các trường hợp được giảm tạm ứng án phí, án phí Tòa án.[42] Nhìn chung, các đối tượng được miễn, giảm tạm ứng án phí đều là những trường hợp yếu thế có hoàn cảnh khó khăn về vật chất, tinh thần, sức khỏe, và nếu không được Nhà nước hỗ trợ về mặt kinh phí thì họ khó có thể thực hiện tốt quyền khởi kiện của mình. Mặt khác, một số trường hợp khởi kiện vì lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng cũng thuộc trường hợp không phải đóng tạm ứng án phí tại Tòa án. Quy định này đã thể hiện được tính nhân văn của Nhà nước trong việc tạo mọi điều kiện để công dân có thể tiếp cận công lý, bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự được thực thi có hiệu quả trong thực tế.

2.2.3.6. Quy định về quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự là một quyền tố tụng quan trọng và trở thành một nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 5 BLTTDS 2015. Nguyên tắc này được xây dựng dựa trên những nguyên tắc trong giao lưu dân sự khi mà các quan hệ được xác lập dựa trên sự tự do thỏa thuận, bình đẳng và tự chịu trách nhiệm của các chủ thể. Nguyên tắc này đảm bảo cho các đương sự có thể bằng ý chí của mình lựa chọn việc thực hiện hoặc không thực hiện các hành vi TTDS thông qua

[42] Điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tại Tòa án

quy định: *"Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội"*. Khoản 2 Điều 5 BLTTDS 2015 về cơ bản là sự kế thừa từ khoản 2 Điều 5 BLTTDS sửa đổi 2011 và chỉ thay đổi cụm từ *"không trái pháp luật"* thành *"không vi phạm điều cấm của luật"*, đã mở rộng thêm phạm vi quyền định đoạt của đương sự, tạo cơ chế bảo đảm tốt hơn cho đương sự thực hiện quyền khởi kiện của mình.

Việc pháp luật tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự trong việc giải quyết VADS đã giúp cho việc thực hiện quyền khởi kiện của đương sự trở nên linh hoạt hơn, các đương sự sẽ có thể thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của mình sao cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, phù hợp với các chứng cứ của vụ án cũng như yêu cầu khởi kiện ban đầu nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quan hệ pháp luật dân sự, HNGĐ, KDTM, lao động bị tranh chấp hoặc xâm phạm. Đương sự trong VADS được quyền thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đối với việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, BLTTDS sửa đổi 2011 và BLTTDS 2015 đều không có quy định trực tiếp điều chỉnh vấn đề này. Như vậy, xét theo quy định về quyền tự định đoạt của đương sự thì ta có thể hiểu đương sự có quyền chủ động trong việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của mình. Tuy nhiên, việc đương sự thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện sẽ làm ảnh hưởng đến phạm vi xét xử sơ thẩm. Chính bởi vậy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của đương sự cần thiết phải được giới hạn trong phạm vi khởi kiện cụ thể. Tại Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề nghiệp vụ, phần IV về TTDS, thi hành án dân sự về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện trước phiên tòa như sau: *"Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu"*.

Như vậy, theo hướng dẫn giải đáp nghiệp vụ của Tòa án, ta có thể hiểu trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đương sự có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện trước và trong và sau khi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại mỗi thời điểm thì phạm vi thay đổi yêu cầu của đương sự khác nhau. Trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải thì đương sự có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của mình và chưa bị đặt ra giới hạn cho việc thay đổi, bổ sung này. Tại phiên họp và sau phiên họp thì đương sự vẫn có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, nhưng sẽ bị giới hạn việc bổ sung, thay đổi này không *"vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu"*. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả thì thời điểm muộn nhất đương sự có thể thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện là tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bởi trong phiên họp này, các đương sự có thể chủ động tiếp cận yêu cầu mới thay đổi, bổ sung, các tài liệu chứng cứ mới để từ đó có thể đưa ra được các ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án và chuẩn bị được các phương án bảo vệ của mình. Đối với khoảng thời gian từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến khi mở phiên tòa sõ thẩm, có ý kiến cho rằng khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử nghĩa là hồ sõ vụ án đã được chốt, nên để bảo đảm thực hiện nguyên tắc tranh tụng, mọi tình huống phát sinh sau thời điểm này phải được xem xét giải quyết tại phiên tòa sõ thẩm[43]. Nhý vậy, để đảm bảo việc thực hiện quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, BLTTDS cần có những quy định cụ thể điều chỉnh vấn đề này nhằm tạo cõ chế áp dụng thống nhất trong quá trình giải quyết VADS trên thực tế.

Đối với việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa xét xử sơ thẩm được quy định khoản 1 Điều 244 BLTTDS 2015: *"HĐXX chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu"* . Trong quy định này phải làm rõ hai vấn đề quan trong liên quan đến quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đó là "*yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu" và "vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu"* tạo được cơ chế thống nhất trong việc áp dụng và thực thi quy định này trên thực tế.

Hiện nay, cũng chưa có hướng dẫn cụ thể nào làm rõ khái niệm *"yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu"*. Theo tinh thần của Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP hướng dẫn thì "*yêu cầu ban đầu là yêu cầu được thể hiện trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, đơn phản tố của bị đơn, đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan"*. Tuy nhiên, có thể thấy việc giải thích theo tinh thần Nghị quyết này sẽ làm hạn chế quyền tự định đoạt của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng. Theo quy định về quyền tự định đoạt của đương sự thì *"trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu*

[43] Bùi Thị Huyền (2015), *Thời hạn giao nộp chứng cứ của đương sự và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học – Bình luận những điểm mới của BLTTDS 2015 và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn thi hành, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 121.

của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội". Tại Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC của Tòa án nhân dân tối cao về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện trước phiên tòa thì đương sự có thể thay đổi yêu cầu khởi kiện vào thời điểm trước và sau khi diễn ra phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và được được ghi nhận thông qua biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa án. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận việc thay đổi này của đương sự thì cần thông báo cho đương sự bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nếu xét thấy cần thiết. Căn cứ vào những phân tích trên, *"yêu cầu ban đầu"* không thể chỉ được hiểu là yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã trình bày trong đơn khởi kiện, yêu cầu phản tố trong đơn phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập trình bày trong đơn yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà nên được hiểu là yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập được các bên thống nhất trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Một vấn đề khác liên quan đến quyền được thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của các đương sự chính là chưa có quy định cụ thể giải thích thế nào là *"vượt quá"* yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập ban đầu dẫn đến có thể các Tòa án sẽ có những cách hiểu khác nhau liên quan đến vấn đề này. Phạm vi yêu cầu có thể là phạm vi quan hệ pháp luật tranh chấp hoặc cũng có thể được hiểu là phạm vi về giá trị mà đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ đó dẫn đến việc có thể hiểu không vượt quá phạm vi yêu cầu là không được đưa thêm yêu cầu mới hoặc là không được tăng giá trị yêu cầu.

Như vậy, để bảo đảm cho đương sự thực hiện tốt nhất quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa xét xử sơ thẩm thì pháp luật TTDS cần phải có những hướng dẫn cụ thể về những vấn đề này.

2.2.3.7. Quy định về tạm đình chỉ giải quyết vụ án để xác định chủ thể kế thừa quyền khởi kiện

Tạm đình chỉ giải quyết VADS là việc Tòa án quyết định tạm ngừng việc giải quyết VADS khi có những căn cứ do pháp luật quy định[44]. Việc Tòa án ra quyết định tạm ngừng giải quyết VADS bởi trong quá trình giải quyết vụ án xuất hiện những tình tiết, sự kiện mà việc tiếp tục tiến hành giải quyết sẽ không đảm bảo được quyền của các đương sự cũng như tính đúng đắn của kết quả giải quyết vụ án. Điều 214 BLTTDS 2015 đã kế thừa các quy định tại Điều 189 BLTTDS sửa đổi 2011 và đưa ra các căn cứ tạm đình chỉ trong các trường hợp chưa xác định được chủ thể kế thừa quyền khởi kiện và quyền tham gia tố tụng của các đương sự, cụ thể là các trường

[44] Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), tlđd chú thích 6, tr.272

hợp: Đương sự đã chết, cơ quan, tổ chức đã hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể mà chưa có cơ quan, tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó; Đương sự là cá nhân mất NLHVDS, người chưa thành niên mà chưa xác định được người đại diện theo pháp luật; Chấm dứt đại diện hợp pháp của đương sự mà chưa có người thay thế. Quy định này nhằm bảo đảm được quyền khởi kiện của đương sự được tiếp tục thực hiện, quyền tham gia tố tụng cũng như đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong VADS được giải quyết một cách chính xác

Đối với trường hợp đương sự là cơ quan, tổ chức đã hợp nhất, sáp nhập, chia tách giải thể mà chưa có cơ quan, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cơ quan, tổ chức cá nhân đó cũng là căn cứ để Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết VADS. Việc xác định việc kế thừa quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong trường hợp này được xác định theo pháp luật doanh nghiệp và Điều 74 BLTTDS 2015. Tuy nhiên, so với quy định tại khoản 2, 3, 5 Điều 74 BLTTDS 2015 thì căn cứ tạm đình chỉ này còn chưa đề cập đến đương sự là cơ quan, tổ chức đang chuyển đổi hình thức tổ chức; thay đổi chủ sở hữu của tổ chức và có việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho chủ sở hữu mới; tổ chức không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự mà người đại điện đang tham gia tố tụng chết dẫn đến việc không thống nhất giữa các quy định pháp luật gây khó khăn trong việc áp dụng trong thực tiễn.

Quy định căn cứ đương sự là cá nhân mất NLHVDS, người chưa thành niên mà chưa xác định được người đại diện theo pháp luật là sự kế thừa căn cứ tạm đình chỉ giải quyết theo quy định pháp luật tố tụng trước đây nhằm bảo đảm quyền khởi kiện cũng như quyền tiếp cận công lý của các đương sự trong trường hợp này. Tại Điều 23 BLDS 2015 đã bổ sung thêm trường hợp người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất NLHVDS sự thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ. Việc bổ sung thêm các quy định về vấn đề này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn đời sống, tạo cơ chế pháp lý bảo vệ cho những đối tượng này nhằm đảm bảo sự công bằng, bình đẳng cho mọi chủ thể tham gia các quan hệ pháp luật. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 1 Điều 214 BLTTDS 2015 chưa đề cập đến các trường hợp đương sự đang tham gia tố tụng mà có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi theo quy định của BLDS 2015 có phải là căn cứ để tạm đình chỉ giải quyết vụ án hay không dẫn đến một lỗ hổng pháp lý, dẫn đến sự không thống nhất

giữa các quy định pháp luật và sự bỏ ngỏ của pháp luật trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong những trường hợp này.

2.2.3.8. Quy định về cơ chế chuyển hóa từ việc dân sự sang vụ án dân sự trong một số trường hợp khi một đương sự trong việc dân sự thay đổi yêu cầu theo hướng có tranh chấp

Trước yêu cầu hội nhập quốc tế, đòi hỏi pháp luật Việt Nam cần có những thay đổi về mặt thủ tục sao cho đảm bảo tính mềm dẻo, linh hoạt khi áp dụng vào thực tế. Tại BLTTDS 2015 đã có một bổ sung hoàn toàn mới so với BLTTDS sửa đổi 2011 chính là xây dựng cơ chế chuyển hóa từ thủ tục giải quyết việc dân sự sang VADS. Tại khoản 5 Điều 397 quy định về cơ chế chuyển hóa này: *"Trường hợp hòa giải đoàn tụ không thành và các đương sự không thỏa thuận được về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và thụ lý vụ án để giải quyết. Tòa án không phải thông báo về việc thụ lý vụ án, không phải phân công lại Thẩm phán giải quyết vụ án. Việc giải quyết vụ án được thực hiện theo thủ tuc chung do Bộ luật này quy định"*. Sở dĩ có cơ chế chuyển hóa đối với việc giải quyết việc dân sự trong trường hợp này, bởi xuất phát từ quyền tự định đoạt của đương sư trong quá trình giải quyết việc dân sự các bên có thể thay đổi yêu cầu của mình theo hướng có tranh chấp. Việc Tòa án đình chỉ việc giải quyết việc dân sự và thụ lý vụ án trong trường hợp này đã tạo hướng mở cho việc giải quyết việc dân sự khi xảy ra tranh chấp trong quá trình giải quyết, giúp cho đương sự không phải nộp lại đơn khởi kiện và các chứng cứ liên quan đến giải quyết vụ án, Tòa án không phải thêm thủ tục nhận và xét đơn khởi kiện. Quy định này, một mặt bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự, mặt khác tránh được các lãng phí thời gian, công sức của các cơ quan tiến hành tố tụng, tạo được hiệu quả tốt hơn của quá trình tiến hành tố tụng, bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự trong VADS.

2.2.4. Quy định về khiếu nại việc trả lại đơn khởi kiện; kháng cáo, kháng nghị với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án

Pháp luật quy định Tòa án trả lại đơn khởi kiện và ra quyết định đình chỉ giải quyết VADS khi có các căn cứ luật định, theo đó VADS sẽ không được thụ lý giải quyết hoặc bị ngừng giải quyết sau khi thụ lý. Quy định này nhằm giúp Tòa án tiết kiệm được thời gian không phải giải quyết những VADS không đủ điều kiện thụ lý hoặc không còn đủ các điều kiện để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, việc Tòa án trả lại đơn khởi kiện hoặc ra quyết định đình chỉ giải quyết VADS không đúng sẽ ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của các đương sự trong VADS. Chính bởi vậy, pháp luật TTDS có cơ chế giúp đương sự bảo vệ quyền khởi kiện của mình trong trường hợp cho rằng

việc Tòa án trả lại đơn khởi kiện hoặc đình chỉ giải quyết VADS không đúng thông qua quyền được khiếu nại, kháng cáo hoặc cơ chế kháng nghị.

Khoản 1 Điều 194 BLTTDS 2015 quy định: *"Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lại đơn khởi kiện, người khởi kiện có quyền khiếu nại, VKS có quyền kiến nghị với Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện*. So với BLTTDS sửa đổi 2011 thì thời hạn người khởi kiện được khiếu nại kéo dài hơn từ 3 ngày thành 10 ngày. Sự thay đổi này sẽ giúp người khởi kiện có thêm thời gian để tự bảo vệ được quyền khởi kiện của mình. Quyền khiếu nại việc trả lại đơn khởi kiện không đúng của Tòa án xuất phát từ nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong TTDS, thể hiện được bản chất dân chủ của Nhà nước và nguyên tắc cơ quan tiến hành tố tụng phải tôn trong nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Người khởi kiện có thể đưa ra được ý kiến của mình đối với quyết định trả lại đơn khởi kiện của Tòa án, từ đó có thể tự mình bảo vệ được quyền khởi kiện của mình cũng như giúp Tòa án có thể phát hiện và khắc phục kịp thời những sai lầm, thiếu sót trong quá trình giải quyết VADS, phòng ngừa được sự lạm quyền, thiếu trách nhiệm của Tòa án trong hoạt động thụ lý vụ án. Kết quả của việc khiếu nại trong trường hợp này có thể Tòa án sẽ ra quyết định giữ nguyên việc trả lại đơn khởi kiện hoặc nhận lại đơn khởi kiện và chứng cứ, tài liệu kèm theo để tiến hành việc thụ lý vụ án. Khoản 5 Điều 194 BLTTDS 2015 tiếp tục quy định: *"Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định trả lời khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện của Thẩm phán, người khởi kiện có quyền khiếu nại, VKS có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án trên một cấp trực tiếp xem xét, giải quyết"* và kết quả Chánh án Tòa án trên một cấp sẽ phải ra một trong các quyết định đó là giữ nguyên việc trả lại đơn khởi kiện hoặc yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm nhận lại đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo để tiến hành việc thụ lý vụ án và quyết định này có hiệu lực thi hành và gửi ngay cho người khởi kiện, VKS cùng cấp, VKS đã kiến nghị và Tòa án đã ra quyết định trả lại đơn khởi kiện.

Đối với vụ án đã thụ lý mà Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết VADS thì Tòa án sẽ xóa tên vụ án đó trong sổ thụ lý và trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu. Việc Tòa án đình chỉ giải quyết VADS sẽ làm chấm dứt về mặt tố tụng trong việc giải quyết các tranh chấp giữa các đương sự của vụ án, ảnh hưởng đến quyền khởi kiện cũng như các quyền tố tụng khác của đương sự, Tòa án sẽ không tiếp tục đưa ra hướng giải quyết vụ án từ đó quyền và lợi ích của đương sự không được bảo vệ một cách triệt để. Chính bởi vậy nếu đương sự, VKS không đồng ý với quyết định đình chỉ giải quyết VADS của Tòa án có thể thông qua thủ tục kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

2.2.5. Quy định về trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự

2.2.5.1. Quy định về trách nhiệm của Tòa án trong việc đảm bảo quyền khởi kiện của đương sự

**Quy định về sự độc lập, khách quan của Tòa án*

Tại khoản 2 Điều 103 Hiến pháp 2013 quy định: *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm"*. Điều 12 BLTTDS 2015 tiếp tục cụ thể hóa quy định này của Hiến pháp thành một nguyên tắc hiến định của Luật TTDS Việt Nam. Theo đó, trong quá trình tố tụng, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập trong mọi hoạt động tố tụng, từ khâu nghiên cứu hồ sơ vụ án cho tới việc ra các phán quyết nhằm giải quyết vụ án. Các thành viên của HĐXX có thể trao đổi bàn bạc và tạo điều kiện cho nhau nhưng pháp luật không cho phép bất kì cá nhân nào có quyền can thiệp, gây sức ép với các thành viên của HĐXX để họ đưa ra quyết định theo ý mình. Tính độc lập không chỉ thể hiện trong mối quan hệ giữa các thành viên trong HĐXX mà còn giữa HĐXX với Tòa án, với VKS và với các cá nhân, cơ quan tổ chức khác. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội đồng thẩm nhân dân trong quá trình giải quyết VADS. Nguyên tắc này đảm bảo cho các yêu cầu khởi kiện của đương sự được Tòa án xem xét, giải quyết một cách độc lập, với tinh thần trách nhiệm, thận trọng, không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ yếu tố nào nhằm bảo đảm cho yêu cầu của đương sự được thụ lý và phán xử một cách công minh, chính xác, đúng pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể phải được bảo vệ.

Bên cạnh đó, để bảo đảm tốt nhất quyền khởi kiện cũng như các quyền tố tụng khác của đương sự khi tham gia tố tụng, Điều 16 BLTTDS 2015 đã quy định nguyên tắc bảo đảm sự vô tư, khách quan trong TTDS. Điều luật này quy định:

"1. Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Viện trưởng VKS, KSV, Kiểm tra viên, người phiên dịch, người giám định, thành viên Hội đồng định giá không được tiến hành hoặc tham gia tố tụng nếu có lý do xác đáng để cho rằng họ không vô tư, khách quan trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Việc phân công người tiến hành tố tụng phải bảo đảm để họ vô tư, khách quan khi thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình".

So với quy định tại Điều 16 BLTTDS sửa đổi 2011 thì BLTTDS 2015 đã bổ sung thêm quy định về việc phân công người tiến hành tố tụng phải bảo đảm để họ vô

tư, khách quan khi thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình. Bổ sung này được xây dựng thông qua thực tiễn xét xử nhằm ràng buộc trách nhiệm của Chánh án khi phân công công việc, tạo điều kiện cho Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thực sự có được sự khách quan cần thiết khi xem xét yêu cầu khởi kiện của đương sự. Pháp luật TTDS còn trao cho đương sự quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng khi có căn cứ cho rằng các chủ thể này không khách quan khi làm nhiệm vụ. Đây là một cơ chế thể hiện pháp luật luôn quan tâm để bảo đảm quyền khởi kiện cũng như các yêu cầu khởi kiện của đương sự được bảo đảm một cách triệt để trên thực tế.

** Quy định trách nhiệm của Tòa án trong việc thụ lý đơn khởi kiện, trả lại đơn khởi kiện và chuyển đơn khởi kiện:*

- Trách nhiệm của Tòa án trong việc thụ lý vụ án dân sự

Thụ lý VADS có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm được quyền khởi kiện, quyền tiếp cận công lý của các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự khi có tranh chấp. Việc thụ lý chính xác VADS sẽ giúp Tòa án giải quyết được các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện qua đó giảm thiểu được sự lãng phí thời gian tiền bạc cho cả đương sự và chủ thể tiến hành tố tụng khi Tòa án thụ lý không đúng quy định của pháp luật. Để bảo đảm quyền khởi kiện của các đương sự, pháp luật đã có những quy định cụ thể trong việc nâng cao trách nhiệm của Tòa án trong việc thụ lý VADS thông qua các hoạt động sau:

+ Việc tiếp nhận đơn khởi kiện của Tòa án phải tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 191 BLTTDS 2015. Theo đó, dù đơn khởi kiện được nộp dưới hình thức nào thì cán bộ Tòa án đều phải vào sổ nhận đơn nhằm tránh việc Tòa án đã nhận đơn của đương sự nhưng tùy tiện kéo dài thời gian xem xét đơn khởi kiện làm ảnh hưởng đến quyền khởi kiện vụ án của đương sự. Bên cạnh đó, việc ghi vào sổ nhận đơn ngày, tháng, năm nhận đơn là căn cứ pháp lý quan trọng trong việc xác đinh ngày khởi kiện vụ án dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện cũng như trách nhiệm của Tòa án đối với các thủ tục tố tụng tiếp theo. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 22 Quyết định 120/QĐ-TANDTC thì Thư ký Tòa án sẽ bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị nếu từ chối nhận đơn khởi kiện trái quy định pháp luật. Quy định này đã giúp cho quyền khởi kiện tại Tòa án sẽ được thực thi một cách nghiêm túc, công minh, bảo đảm cho quyền lợi của các đương sự được bảo vệ triệt để.

+ Tòa án có trách nhiệm nhanh chóng xem xét và xử lý đơn khởi kiện. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được phân công Thẩm phán phải xem xét đơn khởi kiện và ra các quyết định xử lý đơn khởi kiện. BLTTDS 2015 đã có sự phân công cụ thể trách nhiệm thụ lý cho

một Thẩm phán thực hiện và có sự phân biệt trách nhiệm, quyền hạn của Thẩm phán thụ lý với Thẩm phán giải quyết VADS, đồng thời bổ sung thêm một quyết định mà Thẩm phán được đưa ra đó là yêu cầu người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện nhằm giúp đương sự thực hiện tốt nhất quyền khởi kiện của mình. Bên cạnh đó, Quyết định số 120/QĐ – TANDTC đã có những chế tài đặt ra đối với Thẩm phán xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án dân sự chậm[45] nhằm nâng cao trách nhiệm của Tòa án trong việc đảm bảo giải quyết nhanh chóng VADS để bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích của đương sự.

+ Nhằm bảo đảm sự bình đẳng trong việc tiếp cận công lý, quyền tham gia TTDS Tòa án có trách nhiệm thông báo thụ lý VADS cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa liên quan. Trong trường hợp nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ trong việc gửi tài liệu, chứng cứ thì kèm theo thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án gửi cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bản sao tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.[46]

- Trách nhiệm của Tòa án trong việc trả lại đơn khởi kiện

Tòa án chỉ được trả lại đơn khởi kiện khi có những căn cứ theo quy định của pháp luật bởi việc trả lại đơn khởi kiện đồng nghĩa với việc Tòa án từ chối giải quyết yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, dẫn đến việc quyền và lợi ích hợp pháp của họ sẽ không được Tòa án bảo vệ triệt để. Tại khoản 2 Điều 192 BLTTDS 2015 quy định khi trả lại đơn Tòa án cần phải có văn bản nêu rõ lý do trả lại đơn cho người khởi kiện và VKS cùng cấp để người khởi kiện có thể nắm rõ ràng được thông tin việc bị trả lại đơn khởi kiện để họ có thể kịp thời khiếu nại với Tòa án về việc trả lại đơn không đúng. Việc ra quyết định trả lại đơn khởi kiện không đúng sẽ ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của các đương sự trong VADS. Chính bởi vậy, BLTTDS 2015 đã quy định Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong đó có Tòa án, cán bộ Tòa án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình làm trái quy định pháp luật thì tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, BTTH theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, tại Quyết định 120/ QĐ – TANDTC nêu rõ các chế tài sẽ được áp dụng đối với việc Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện không đúng quy định pháp luật[47]. Quy định này nhằm bảo về quyền khởi kiện và các quyền tố tụng khác của đương sự, đồng thời nâng cao trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc tiếp nhận, xử lý VADS, bảo đảm sự công bằng, bình đẳng trong công tác xét xử của hệ thống TAND trong công cuộc xây dựng pháp chế xã hội chủ nghĩa.

[45] Xem Điểm c Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 10 Quyết định 120/QĐ-TANDTC
[46] Xem Khoản 3, Điều 196 BLTTDS 2015
[47] Xem Điểm d Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 10 Quyết định 120/QĐ - TANDTC

Một bổ sung mới tại Điều 192 BLTTDS 2015 về trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Sự thay đổi này đã khắc phục được hạn chế theo quy định của BLTTDS trước đây khi Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện trong trường hợp người khởi kiện không thể sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện vì những lý do khách quan. Quy định này nhằm bảo vệ quyền khởi kiện của đương sự trong trường hợp đương sự không thể sửa đổi, bổ sung địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi những chủ thể này cố ý cản trở việc người khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, khẳng định trách nhiệm bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Tòa án.

- *Trách nhiệm của Tòa án trong việc chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền*

Trong quá trình xem xét đơn khởi kiện của người khởi kiện, Tòa án phát hiện VADS không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì phải làm thủ tục chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án khác đồng thời thông báo việc chuyển đơn khởi kiện cho người khởi kiện để họ tiếp tục thực hiện quyền khởi kiện của mình. Quy định này là một cơ chế bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự được thực hiện một cách hiệu quả trong thực tế. Việc sớm phát hiện và thông báo cho người khởi kiện biết Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của mình một mặt giúp người khởi kiện nhanh chóng tìm đúng cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi xảy ra tranh chấp, giúp họ tiết kiệm được thời gian, công sức, tiền bạc. Mặt khác việc chuyển đơn khởi kiện giúp Tòa án tránh được việc lãng phí thời gian, nhân lực giải quyết vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình bảo vệ tối đa lợi ích của các đương sự trong VADS.

2.2.5.2. Quy định về trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân trong bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự:

Trong hoạt động TTDS, trách nhiệm của VKS trong việc bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự được thể hiện thông qua các hoạt động cụ thể sau:

- Kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện của Tòa án: Tại khoản 2 Điều 192 BLTTDS 2015 quy định: *"Khi trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo*

cho người khởi kiện, Thẩm phán phải có văn bản nêu rõ lý do trả lại đơn khởi kiện, đồng thời gửi cho VKS cùng cấp." Quy định này nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án của Tòa án phải chặt chẽ ngay từ khâu đầu tiên, nếu phát hiện re việc trả lại đơn không đúng quy định pháp luật VKS có thể thực hiện quyền kiến nghị, tránh sự lạm quyền của Tòa án có thể xâm phạm đến lợi ích của các chủ thể có liên quan.[48]

- Kiểm sát việc thụ lý vụ án: Để tránh tình trạng sai sót của Tòa án trong việc thụ lý vụ án, góp phần đảm bảo cho quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án được chính xác ngay từ đầu BLTTDS 2015 đã quy định trách nhiệm của VKS trong việc kiểm sát thụ lý vụ án. Tại khoản 1 Điều 196 quy định: *"Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản ...cho VKS cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án."* Với quy định này, thì hoạt động kiểm sát việc thụ lý có sự thuận lợi hơn trước đây, bởi VKS không phải chủ động sang Tòa án để xem xét số liệu mà chỉ tiếp nhận thông báo thụ lý để theo dõi quá trình giải quyết vụ án theo đó thực hiện việc kiến nghị hoặc kháng nghị khi có vi phạm. Công tác kiểm sát thụ lý gồm 2 nội dung chính: Thứ nhất, kiểm sát việc xác định các điều kiện thụ lý của Tòa án sau khi nhận đơn khởi kiện, góp phần phát hiện và khắc phục kịp thời tình trạng Tòa án xác định không đúng thẩm quyền dẫn đến thụ lý sai hoặc từ chối thụ lý không đúng gây mất thời gian và tổn hại đến quyền lợi của đương sự. Thứ hai, kiểm sát việc tiến hành các thủ tục thụ lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành

Thông qua kiểm sát thụ lý VADS, VKS sẽ nắm được số lượng nội dung vụ việc thụ lý hàng tuần; cần thiết có yêu cầu Tòa án cung cấp tài liệu so sánh các vấn đề liên quan đến việc thụ lý để kiểm tra, đối chiếu từ đó phát hiện vi phạm kiến nghị với Tòa án hoặc kháng nghị sau khi kết thúc việc giải quyết vụ án.

[48] Xem Điều 194 BLTTDS 2015

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 Luận văn đã phân tích thực trạng pháp luật hiện hành về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS, cụ thể: chủ thể, phạm vi khởi kiện vụ án và các bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện quyền khởi kiện VADS như các quy định về điều kiện khởi kiện, các cơ chế hỗ trợ hoặc bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền khởi kiện, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan, tổ chức, cá nhận khác trong việc bảo đảm quyền khởi kiện vụ án.

Qua nghiên cứu cho thấy BLTTDS 2015 là sự kế thừa tính hợp lý của BLTTDS sửa đổi 2011 và bổ sung những quy định quan trọng về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS. Đặc biệt, việc bổ sung quy định *"Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật áp dụng"* trong nội dung nguyên tắc quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã dánh dấu một bước ngoặt lớn trong hoạt động lập pháp của nước ta. Quy định này là sự hiện thực hóa về quy định nhiệm vụ của Tòa án trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật thì một số quy định của BLTTDS 2015 về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện còn tồn tại những hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến việc áp dụng có hiệu quả pháp luật trong thực tiễn đời sống. Chính bởi vậy, để thực thi có hiệu quả quyền khởi kiện VADS của đương sự, thì cần thiết trong thời gian tới cần có những giải pháp về vấn đề này nhằm bảo vệ kịp thời quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, nâng cao uy tín của Tòa án và các cơ quan tiến hành tố tụng, tạo dựng niềm tin của nhân dân, góp phần xây dựng một xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN KHỞI KIỆN, BẢO ĐẢM QUYỀN KHỞI KIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Thực tiễn thực hiện các quy định hiện hành về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự

3.1.1. Những kết quả đạt được trong thực tiễn thực hiện các quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện

Bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, lợi ích công cộng, lợi ích Nhà nước luôn là mối quan tâm hàng đầu trong công tác của ngành TAND. Tòa án luôn đặt việc nâng cao chất lượng giải quyết vụ án là nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu trọng tâm của toàn ngành. Trong những năm qua, Tòa án luôn nỗ lực giải quyết các tranh chấp dân sự một cách nhanh chóng, toàn diện, kịp thời bảo đảm quyền khởi kiện, quyền tiếp cận công lý công công dân. Có thể minh chứng cho những thành công mà Tòa án đạt được qua những thống kê cụ thể sau:

Theo báo cáo tổng kết của ngành Tòa án, trong vòng 5 năm qua (từ năm 2011 đến đầu năm 2016), ngành Tòa án đã thụ lý 1.781.419 vụ án trong tất cả các lĩnh vực, trong đó số lượng các vụ việc dân sự chiếm tỷ lệ cao nhất trong 3 lĩnh vực dân sự, hình sự và hành chính. Cụ thể, ngành Tòa án đã thụ lý 1.370 506 vụ việc dân sự (VVDS), trong đó đã giải quyết xét xử được 1.345.932 vụ việc (đạt tỷ lệ 98,2%)[49]

Trong năm 2016, TAND các cấp đã thụ lý 359.748 VVDS, đã giải quyết, xét xử 332.767 VVDS đạt tỷ lệ 92,5% (So với cùng kỳ năm trước số thụ lý tăng 26.589 VVDS, giải quyết tăng 24.311 vụ), trong đó giải quyết, xét xử theo thủ tục sơ thẩm là 318.676 VVDS[50]. Trong 3 tháng đầu năm 2017, toàn ngành Tòa án đã thụ lý 80.636 VVDS và giải quyết được 36.670 VVDS.[51]

Trong công tác giải quyết, xét xử các VVDS, các Tòa án đã quan tâm khắc phục có hiệu quả việc để các VVDS quá thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật. Năm 2015 chỉ còn 116 vụ quá hạn do lỗi chủ quan, chiếm tỷ lệ 0,03%, giảm 0,01% so với cùng kỳ năm 2014. Năm 2016 chỉ còn 67 vụ quá hạn do lỗi chủ quan, chiếm tỷ lệ 0,02%, giảm 0,01% so với cùng kỳ năm 2015. Việc giải quyết VVDS đúng thời hạn đã bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của các cõ quan, tổ chức, cá nhân[52]

---

[49] Phúc Thắng, *"*Gần 1.810.000 vụ án đã được ngành Tòa án thụ lý trong 5 năm", Quân đội nhân dân Online, tại địa chỉ: http://www.qdnd.vn/kinh-te/gan-1-810-000-vu-an-da-duoc-nganh-toa-an-thu-ly-trong-5-nam-467776, ngày truy cập 31/07/2017.

[50] Báo cáo Tổng kết công tác năm 2016 và nhiệm vụ trọng tâm công tác của các Tòa án nhân dân năm 2017, Tòa án nhân dân tối cao.

[51] Số liệu thống kê của Vụ Thống kê và Tổng hợp, Tòa án nhân dân tối cao

[52] Nguyễn Thị Thu Hà (Chủ biên, 2017), *"Cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong tố tụng dân sự theo yêu cầu của cải cách tư pháp và thi hành Hiến pháp năm 2013",* NXB Lao động, Hà Nội, tr. 90.

Qua số liệu thống kê trên, có thể thấy ngành Tòa án đang nỗ lực phấn đấu nâng cao chất lượng thụ lý, giải quyết các VVDS nhằm kịp thời bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Bên cạnh đó, các Tòa án cũng đã chú trọng làm tốt việc hướng dẫn các đương sự thực hiện đúng nghĩa vụ về cung cấp chứng cứ, tài liệu của vụ việc, đồng thời chủ động xác minh, thu thập chứng cứ trong các trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật TTDS; tăng cường phối hợp với các cơ quan nhằm giải quyết tốt VADS. TAND tiếp tục tăng cường đẩy mạnh công tác giải quyết vụ việc dân sự[53].

Một bước tiến mới trong công tác tại Tòa án chính là việc nhân rộng phát triển mô hình một cửa *"Tổ hành chính tư pháp"* tại các Tòa án trên toàn quốc nhằm bảo đảm cho việc thực hiện quyền khởi kiện của người dân được diễn ra một cách thuận lợi.*"Tổ hành chính tư pháp"* tại Tòa án là một bộ phận chuyên trách thực hiện việc tiếp nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và các tài liệu kèm theo (nếu có) của đương sự; đơn khiếu nại, tố cáo của công dân có liên quan đến hoạt động giải quyết, xét xử các loại vụ án; cấp giấy chứng nhận người bào chữa; cấp bản án, quyết định và các bản trích lục, trích sao bản án [54]. Mô hình *"một cửa"* tại Tòa án đã đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp với 3 tiêu chí rõ ràng là Tòa án phải dễ dàng tiếp cận và phục vụ nhân dân; Tòa án phải hoạt động có hiệu quả và hữu ích; chất lượng hoạt động của Tòa án được cải thiện.[55] Theo đó, các hoạt động tiếp nhận và xử lý đơn khởi kiện, đơn khiếu nại, thụ lý các loại án thuộc thẩm quyền; tham mưu lập danh sách các loại vụ án để trình Chánh án phân công Thẩm phán giải quyết được thực hiện theo quy trình một cửa khép kín.[56] Người dân, cơ quan, tổ chức khi nộp đơn khởi kiện qua *"Tổ Hành chính tư pháp"* sẽ được cán bộ hướng dẫn mọi thủ tục tố tụng liên quan đến việc khởi kiện VADS, qua đó quyền khởi kiện của các đương sự sẽ được thực hiện tốt hơn trong thực tiễn.

Về công tác kiểm sát quá trình TTDS cũng đạt được những kết quả tốt đẹp, góp phần bảo đảm việc thụ lý, giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án được tiến hành theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm cho quyền khởi kiện của đương sự được thực thi có hiệu

---

[53] Báo cáo Tổng kết công tác năm 2016 và nhiệm vụ trọng tâm công tác của các Tòa án nhân dân năm 2017, Tòa án nhân dân tối cao

[54] "Đổi mới thủ tục hành chính Tư pháp trong hoạt động của Tòa án nhân dân", Báo điện tử Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, http://baochinhphu.vn/Cai-cach-Thu-tuc-Hanh-chinh/Doi-moi-thu-tuc-hanh-chinh-tu-phap-trong-hoat-dong-cua-Toa-an-Nhan-dan/166164.vgp, ngày truy cập: 25/6/2017

[55] Cẩm Vân, "Nhân rộng mô hình "một cửa" tại Tòa án để tăng khả năng tiếp cận công lý cho người dân", Website của Bộ Tư Pháp, tại địa chỉ: goo.gl/WvZRGi, ngày truy cập: 25/5/2017

[56] Trần Quang Huy, "Đổi mới thủ tục hành chính tư pháp tại TAND các cấp: Góp phần công khai minh bạch các hoạt động của Tòa án", Báo Công lý, tại địa chỉ: http://congly.vn/hoat-dong-toa-an/nghiep-vu/doi-moi-thu-tuc-hanh-chinh-tu-phap-tai-tand-cac-cap-gop-phan-cong-khai-minh-bach-cac-hoat-dong-cua-toa-an-108672.html, ngày truy cập: 20/5/2017

quả trên thực tế. Kết quả dưới đây đã phần nào thể hiện được những nỗ lực của VKS trong công tác kiểm sát các VVDS:

- Năm 2014, VKS các cấp đã thụ lý tổng số là 351.839 VVDS. Trong đó, ở thủ tục sơ thẩm, VKS đã thụ lý 331.313 vụ việc, tham gia 24.144 phiên tòa sơ thẩm, phát hiện 10.932 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. [57].

- Năm 2015, VKS các cấp đã thụ lý tổng số là 362.576 VVDS. Trong đó, ở thủ tục sơ thẩm, VKS đã thụ lý 343.792 vụ việc, tham gia 40.697 phiên tòa sơ thẩm, phát hiện 9.208 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. [58].

- Năm 2016, VKS các cấp kiểm sát thụ lý 366.530 VVDS, HNGĐ (tăng 9,7%), 33.096 vụ án hành chính, KDTM, lao động (giảm 7,1%). VKS địa phương đã chủ động phối hợp với Tòa án cùng cấp tổ chức 1.809 phiên tòa rút kinh nghiệm vụ việc dân sự, HNGĐ (tăng 12,6%), 460 phiên tòa rút kinh nghiệm vụ án hành chính, KDTM, lao động (tăng 15%). Qua kiểm sát, phát hiện nhiều vi phạm của Tòa án, đối với công tác kiểm sát vụ việc dân sự, HNGĐ đã ban hành 1.468 kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục (tăng 1,1%); tổng hợp, ban hành 493 thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ (tăng 2,9%); đối với công tác kiểm sát vụ án hành chính, KDTM, lao động đã ban hành 494 kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm, giảm 1,2%; tổng hợp, ban hành 300 thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ đối với VKS cấp dưới (tăng 20,5%).[59]

Qua số liệu thống kê trên, ta nhận thấy công tác kiểm sát việc thụ lý và giải quyết các VVDS, HNGĐ, KDTM, lao động theo quy định của pháp luật tiếp tục được tăng cường bảo đảm cho pháp luật được tuân thủ thống nhất, quyền khởi kiện của đương sự được thực thi có hiệu quả, góp phần bảo vệ triệt để các quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong VADS.

3.1.2 Những khó khăn, hạn chế khi thực hiện các quy định pháp luật về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự

Theo Báo cáo tổng kết của TANDTC năm 2016, bên cạnh những kết quả đạt được thì hoạt động của TAND trong năm qua cũng còn một số hạn chế, thiếu sót; một số vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án chưa được khắc phục triệt để, như: còn 67 vụ án để quá hạn luật định do lỗi chủ quan của Tòa án; một số trường hợp vi phạm thời hạn chuyển hồ sơ vụ án hoặc các bản án, quyết định cho VKS, đương sự và các cơ quan thi hành án; chưa khắc phục triệt để việc án tuyên không rõ ràng. Mặc dù, tỷ

[57] Báo cáo số 224/BC-VKSTC ngày 18/12/2016 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2015.
[58] Báo cáo số 224/BC-VKSTC, tlđd chú thích 57.
[59] Báo cáo số 152/BC-VKSTC ngày 27/12/2016 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Báo cáo tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2016.

lệ chung các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán giảm hơn so với cùng kỳ năm trước và đạt chỉ tiêu Nghị quyết Quốc hội đề ra, nhưng trong đó, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan còn cao và chưa giảm mạnh. Trong công tác thực hiện các quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự tại các Tòa án còn tồn tại nhiều hạn chế, bật cập. Những hạn chế, bất cập này tập trung ở một số điểm sau đây:

- Tồn tại hiện tượng Tòa án chậm thụ lý, chậm giải quyết vụ án dân sự:

Tại một số địa phương trên cả nước, vẫn còn tồn tại tình trạng Tòa án chậm thụ lý vụ án mặc dù đương sự đã đáp ứng các điều kiện khởi kiện vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Theo thống kê tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau qua công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết các vụ, việc dân sự từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/10/2016, TAND huyện Trần Văn Thời đã thụ lý tổng số 111 vụ, việc dân sự tăng 80 vụ, việc tương ứng tăng 258% so với tháng 9/2016. Xét thấy việc tăng đột biến này là bất thường nên VKSND đã tiến hành kiểm sát thông báo thụ lý và thấy có dấu hiệu Tòa án vi phạm về thụ lý quá hạn và thông báo thủ tục cho đương sự nộp tạm ứng án phí không kịp thời nên đã yêu cầu Tòa án chuyển 22 hồ sơ vụ, việc dân sự, HNGĐ để kiểm sát theo quy định của BLTTDS 2015. Qua kiểm sát, phát hiện 8 vụ án Tòa án ra phiếu báo nộp tạm ứng án phí nhưng không giao ngay cho người khởi kiện biết để làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí (thấp nhất là 06 ngày, cao nhất là 01 tháng 01 ngày Tòa án mới giao phiếu báo nộp tạm ứng án phí cho đương sự) và 01 hồ sơ vụ án tranh chấp về việc bồi thường, tính mạng sức khỏe thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí nhưng Tòa án thụ lý quá thời hạn luật định 06 ngày, vi phạm khoản 1, 4 Điều 195 của BLTTDS 2015.[60]

Bên cạnh việc Tòa án vi phạm thời hạn thụ lý, còn tồn tại tình trạng vụ án đã thụ lý nhưng Tòa án vẫn chưa đưa vụ án ra xét xử dẫn đến quyền khởi kiện của đương sự không được bảo đảm trên thực tế. Có thể minh chứng cho hiện tượng này qua vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa nguyên đơn Đặng Thị Nguyệt (sinh năm 1971) với bị đơn Đặng Văn Thuyền (sinh năm 1976) có hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Lộc, huyện Phù Mỹ, Bình Định được TAND huyện Phù Mỹ thụ lý số 174/2013/TLST-DS ngày 31/10/2013. Tuy nhiên, đến ngày 31/8/2015 TAND huyện Phù Mỹ mới đưa vụ án ra xét sử sơ thẩm. Tại phiên tòa, do đương sự yêu cầu làm rõ một số chứng cứ nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ. Thế nhưng, sau hơn 7 tháng kể từ ngày hoãn phiên tòa, vụ án vẫn chưa được TAND huyện Phù Mỹ đưa ra xét xử. Như vậy, việc TAND huyện Phù Mỹ chưa đưa vụ án ra

[60] Huỳnh Thanh Đến, "Kiến nghị chậm thụ lý đơn khởi kiện", website VKSND tỉnh Cà Mau, tại địa chỉ: http://vksndcamau.gov.vn/index.php/cong-tac-nghi-p-v/th-hanh-quy-n-cong-t-ki-m-sat-ho-t-d-ng-tu-phap/1408-ki-n-ngh-ch-m-th-ly-don-kh-i-ki-n, ngày truy cập: 25/5/2017

xét xử đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn hoãn phiên tòa quy định tại Điều 179, 208 BLTTDS sửa đổi 2011 (nay là Điều 203, khoản 1 Điều 233 BLTTDS 2015)[61]

Mặc dù pháp luật TTDS đã có những quy định rõ ràng liên quan đến thủ tục thụ lý và đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn còn phụ thuộc vào trình độ chuyên môn, năng lực làm việc và tinh thần trách nhiệm của cán bộ Tòa án. Chính bởi vậy, trên thực tế còn xảy ra hiện tượng vi phạm thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, không bảo đảm được quyền khởi kiện được thực hiện tốt nhất trên thực tế.

- Tòa án ra thông báo thụ lý giải quyết vụ án dân sự không đúng với yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Khi đương sự khởi kiện VADS nhằm mục đích yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc tranh chấp. Tuy nhiên, trên thực tế còn tồn tại một số trường hợp Tòa án thụ lý vụ án không đúng, không đủ những yêu cầu khởi kiện của đương sự dẫn đến việc không đảm bảo được quyền khởi kiện của đương sự trên thực tế.

Chẳng hạn, tại Thông báo thụ lý vụ án số 210/TB-TLVA ngày 03/01/2017 của TAND huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, trong vụ án dân sự *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* giữa nguyên đơn chị Bùi Thị Hoa và bị đơn anh Vũ Văn Toàn, Tòa án ghi *"Khi ly hôn chị Hoa nhận nuôi con và không yêu cầu anh Toàn phải cấp dưỡng nuôi con chung"*. Tuy nhiên, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy trong đơn khởi kiện xin ly hôn chị Hoa có yêu cầu anh Toàn cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Như vậy, việc TAND huyện Tiên Lãng thông báo việc thụ lý vụ án nêu chưa đúng vấn đề mà người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là chưa tuân thủ quy định tại Điều 196 khoản 2 điểm d BLTTDS năm 2015 về văn bản thông báo việc thụ lý vụ án cần phải có *"những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết"*.[62]

- Trong thực tiễn xét xử vẫn còn tồn tại tình trạng Tòa án xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp, giải quyết vụ án vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự dẫn đến bản án sẽ bị hủy xét xử lại nhiều lần gây mất thời gian, công sức của người tham gia tố tụng, không bảo đảm được việc bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:

[61] Thanh Nghị, VKSND huyện Phù Mỹ kiến nghị vụ án dân sự quá hạn, Trang thông tin của VKSND tỉnh Bình Định, tại địa chỉ: http://vksbinhdinh.gov.vn/newsdetail.asp?newsID=10806&cat1id=3&Cat2id=9, ngày truy cập: 25/6/2017.

[62] Kiến nghị số 124/KN-VKS của VKSND huyện Tiên Lãng về việc kiến nghị trong công tác giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình

Xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp là một nhiệm vụ quan trọng của Tòa án trong việc bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự. Tuy nhiên, vẫn tồn tại tình trạng Tòa án xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp. Chẳng hạn, tại thông báo thụ lý vụ án số: 05/TB-TLVA ngày 22/01/2016 của TAND huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xác định quan hệ tranh chấp theo đơn khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Lý Hiển Long (ông Phan Văn Biên là giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật) yêu cầu công ty TNHH cơ khí Hợp lực BTTH do vận chuyển máy biến áp làm hư hỏng với số tiền là 73.750.000 đồng là *"quan hệ tranh chấp dân sự"*. Tuy nhiên, đây là tranh chấp giữa hai công ty có tư cách pháp nhân, có hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mục đích giao kết giữa các bên là thu lại lợi nhuận, nên căn cứ và Điều 29 BLTTDS sửa đổi 2011 thì Tòa án phải xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án *là "quan hệ tranh chấp thuộc kinh doanh thương mại"*[63].

Bên cạnh đó, tình trạng Tòa án giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện vẫn còn tồn tại. Có thể minh họa cho thực trạng này qua vụ án vụ án đòi tiền còn thiếu trong hợp đồng kinh tế giữa nguyên đơn là doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Tân Phượng và bị đơn là Công ty Đồng Tâm tại Quy Nhơn, Bình Định. Cụ thể là trong vụ án nguyên đơn là DNTN Tân Phượng khởi kiện yêu cầu TAND thành phố Quy Nhơn, Bình Định buộc Công ty Đồng Tâm trả số tiền mua hàng còn nợ trong Hợp đồng kinh tế năm 2011 là 368.542.308 đồng (Đơn khởi kiện không đề cập đến yêu cầu Công ty Đồng Tâm trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng của các Hợp đồng mua bán năm 2010, 2011 và 2012). Thế nhưng, bản án sơ thẩm TAND đã tính lãi cho DNTN Tân Phượng 561.945.270 đồng (năm 2011: 243.846.166 đồng + năm 2012: 167.935.110 đồng + năm 2013: 85.424.834 đồng + năm 2014: 64.739.160 đồng) được trừ đi tiền chênh lệch do Công ty Đồng Tâm chuyển còn thừa 62.817.206 đồng nên Công ty Đồng Tâm còn nợ 499.128.064 đồng. Tại bản án phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm chấp nhận cách tính lãi của DNTN Tân Phượng với số tiền là 486.736.815đ (lãi năm 2011: 243.846.166 đồng + năm 2012: 167.935.110 đồng + năm 2013: 74.955.539 đồng) được trừ đi tiền chênh lệch do Công ty Đồng Tâm chuyển còn thừa 62.817.206 đồng nên Công ty Đồng Tâm còn nợ 423.919.609 đồng. Như vậy, hai bản án xác định Công ty Đồng Tâm còn nợ DNTN Tân Phượng với số tiền lãi nêu trên. Qua kiểm sát, khoản tiền lãi do chậm trả tiền hàng của các năm 2011, năm 2012, năm 2013 DNTN Tân Phượng không khởi kiện và Tòa án không thông báo thụ lý nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm vẫn chấp nhận và đưa ra xét xử. Việc làm trên của Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là vi phạm pháp luật nghiêm trọng được quy định tại Khoản 1,

[63] Thu Hoài, "VKSND huyện Tuy Phước kiến nghị, yêu cầu khắc phục vi phạm trong công tác giải quyết các vụ, việc dân sự", website VKSND tỉnh Bình Định, tại địa chỉ: http://vksbinhdinh.gov.vn/newsdetail.asp?newsID=10878&cat1id=3&Cat2id=9, ngày truy cập: 25/6/2017

Điều 5 BLTTDS sửa đổi 2011 và Điều 5 BLTTDS 2015 quy định về quyền tự định đoạt của đương sự. Vụ án trên, VKSND thành phố Quy Nhơn có kháng nghị phúc thẩm; VKSND tỉnh Bình Định đã báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm; VKSND cấp cao tại Đà Nẵng ban hành quyết định kháng nghị giám đốc thẩm và Hội đồng Thẩm phán – TAND cấp cao tại Đà Nẵng tuyên hủy 02 bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên.[64]

- *Hiện tượng Tòa án thụ lý vụ án sai thẩm quyền vẫn còn tồn tại gây khó khăn cho đương sự trong việc thực hiện quyền khởi kiện:*

Việc Tòa án thụ lý vụ án sai thẩm quyền vẫn còn tồn tại làm ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của các đương sự. Chẳng hạn, ngày 22/3/2017, Cơ quan điều tra của VKSNDTC đã có thông báo gửi TAND tỉnh Kiên Giang về kết quả điều tra sơ bộ liên quan đơn thư tố cáo Thẩm phán, Thư ký của TAND huyện Phú Quốc (Kiên Giang) có sai phạm khi giải quyết sơ thẩm vụ án *"tranh chấp hợp đồng dân sự góp vốn"* giữa Công ty cổ phần Núi Ngọc và ông Lê Minh Huê, bà Phan Thị Thanh Tú. Trong quá trình kiểm sát đã phát hiện TAND huyện Phú Quốc thụ lý, xét xử sơ thẩm vụ án là có dấu hiệu sai thẩm quyền vì trong vụ án có đương sự đang sống và làm việc tại Canada nên theo quy định của pháp luật TTDS vụ án phải thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp tỉnh.[65]

- Tòa án xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, bỏ sót người tham gia tố tụng:

Thực tế giải quyết VADS tại Tòa án cho thấy có nhiều trường hợp Tòa án xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, bỏ sót người tham gia tố tụng dẫn đến việc bản án sơ thẩm có thể bị hủy để xét xử lại làm cho việc thực hiện quyền khởi kiện có thể bị chậm trễ, ảnh hưởng đến quyền tiếp cận công lý, quyền được đưa ra ý kiến của họ đồng thời có thể làm cho vụ án được giải quyết thiếu chính xác, khách quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Có thể làm rõ thực trạng này qua VADS *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được TAND thành phố Hà Giang giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2015/QĐST-DSTC. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/6/2015, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hạnh trình bày: năm 2013 bà Hạnh cho bà Nguyễn Thị Sâm, vợ chồng chị Nguyễn Thị Minh Thúy, anh Nhữ Việt Anh vay 775.000.000 đồng và nội dung 02 Giấy vay tiền đều có chữ ký của 03 người (bà Sâm,

[64] Báo cáo chuyên đề nâng cao chất lượng công tác kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc KDTM, lao động và các việc khác theo quy định pháp luật ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Phòng 10 -VKSND tỉnh Bình Định

[65] Hà Thương, "Thẩm phán và Thư ký bị tố giả mạo chữ ký đương sự", Báo Thanh niên, tại địa chỉ: http://thanhnien.vn/thoi-su/tham-phan-va-thu-ky-bi-to-gia-mao-chu-ky-duong-su-821807.html, ngày truy cập: 15/5/2017

chị Thúy, anh Việt Anh), do không thực hiện đúng thỏa thuận trả lại tiền đã vay nên bà Hạnh khởi kiện ra Tòa yêu cầu Bà Sâm, anh Việt Anh, chị Thúy phải trả nợ theo đúng thỏa thuận. Như vậy, đúng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phải xác định anh Nhữ Việt Anh, chị Nguyễn Thị Minh Thúy, bà Nguyễn Thị Sâm là đồng bị đơn trong VADS mới chính xác. Việc TAND thành phố Hà Giang chỉ xác định anh Việt Anh là bị đơn còn chị Thúy và bà Sâm là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng vi phạm khoản 3 Điều 56 BLTTDS sửa đổi 2011 (nay là khoản 3 Điều 68 BLTTDS 2015).[66]

- Tòa án vi phạm thủ tục tố tụng dân sự trong giai đoạn thụ lý vụ án dân sự:

Trên thực tế vẫn có những Tòa án vi phạm các thủ tục tố tụng dẫn đến việc giải quyết vụ án chậm trễ hoặc có thể bị tòa án cấp trên hủy án xét xử lại từ đầu do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Điều này sẽ dẫn đến quyền khởi kiện vụ án dân sự của đương sự bị ảnh hưởng và không được đảm bảo.

Có thể minh họa cho thực trạng này qua vụ việc sau đây: trong VADS *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn"* giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Hồng Quang và bị đơn là chị Nguyễn Thị Thủy (hộ khẩu thường trú tại xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng), ông Nguyễn Trung Tầng (bố đẻ anh Nguyễn Hồng Quang) được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án ông Tầng có yêu cầu độc lập yêu cầu anh Nguyễn Hồng Quang và chị Nguyễn Thị Thủy trả lại ông diện tích đất 122 m^2 tại tờ bản đồ số 3, thửa số 74 tại thôn Hộ Tứ Ngoại, xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng nhưng việc Tòa án không hướng dẫn, yêu cầu ông Tầng nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là chưa đúng theo quy định của khoản 1 Điều 146 BLTTDS 2015, vì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong VADS phải có nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí.[67]

Hiện tượng Tòa án bỏ qua yêu cầu phản tố của bị đơn làm ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của đương sự vẫn còn tồn tại, và được minh chứng qua vụ án *"tranh chấp quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn là vợ chồng chị Hà Thị Thoa với bị đơn là anh Hà Văn Tỉnh. TAND huyện Gia Viễn, Ninh Bình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng chị Thoa buộc vợ chồng anh Tỉnh trả lại quyền sử dụng diện tích 110 m2 đất tại thửa 97 cho vợ chồng chị Thoa. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, bị đơn là vợ chồng anh Tỉnh có văn bản gửi Tòa án sơ thẩm nêu ý kiến trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thoa, với nội dung: bác bỏ việc đòi lại đất của chị Thoa;

---

[66] Thông báo rút kinh nghiệm công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự số 11/TB-VC1 của VKSND cấp cao tại Hà Nội, ngày 14/4/2017, (http://tkshcm.edu.vn/tin-tuc/thong-bao-rut-kinh-nghiem-cong-tac-kiem-sat-giai-quyet-vu-an-dan-su-2242.html), ngày truy cập: 30/6/2017

[67] Kiến nghị số 241/KN-VKS của VKSND huyện Tiên Lãng ngày 06 tháng 06 năm 2016 về việc vi phạm trong giải quyết các VADS, HNGĐ

yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng anh Tỉnh; yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Thoa. Nhận thấy yêu cầu của vợ chồng anh Tỉnh là yêu cầu phản tố nhưng Tòa án sơ thẩm không xem xét, hướng dẫn đương sự thực hiện các thủ tục tố tụng về yêu cầu phản tố của bị đơn, là vi phạm tại Điều 176, 178 BLTTDS sửa đổi 2011 (nay là Điều 200, 202 BLTTDS 2015).[68]

Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết VADS vẫn còn có những trường hợp Tòa án vi phạm trong việc thu thập, đánh giá tài liệu chứng cứ của vụ án dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa được chính xác, khách quan, không đảm bảo giải quyết triệt để yêu cầu khởi kiện của đương sự. Trong vụ án HNGĐ thụ lý số 102/2016/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2016, giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yên và bị đơn là anh Lương Thành Hào do TAND quận Đồ Sơn thụ lý giải quyết có dấu hiệu vi phạm thủ tục TTDS. Theo hồ sơ ngày 16/2/2017, Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đến ngày 24/2/2017, Tòa án mới thực hiện việc xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa các đương sự. Như vậy, việc Thẩm phán chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự như đã nêu trên là chưa thực hiện đúng quy định tại Khoản 3 Điều 208 BLTTDS 2015. Đồng thời, sau khi thu thập tài liệu, chứng cứ đối với vụ án nêu trên, Tòa án cũng không thông báo về tài liệu, chứng cứ đã thu thập được (là các biên bản xác minh của Tòa án) cho đương sự được biết để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình là chưa thực hiện đúng quy định tại Khoản 5 Điều 97 BLTTDS 2015. Việc chưa thực hiện đúng thủ tục tố tụng như đã nêu trên của TAND quận Đồ Sơn là chưa đảm bảo cho việc giải quyết chính xác yêu cầu khởi kiện, quyền được xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, công khai tài liệu, chứng cứ trong vụ án của đương sự.[69]

Ngoài ra tình trạng Tòa án trả lại đơn khởi kiện không đúng quy định pháp luật hoặc chậm trễ trong việc gửi thông báo thụ lý cho VKS cũng sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của VKS trong việc bảo đảm thực hiện quyền khởi kiện của đương sự trên thực tế, từ đó quyền và lợi ích hợp pháp của họ sẽ bị xâm phạm hoặc không được bảo vệ một cách khách quan, minh bạch.

- Vấn đề thực thi phương thức gửi đơn khởi kiện thông qua cổng thông tin điện

[68] Thông báo số 05/TB-VKS-P9 của VKSND tỉnh Ninh Bình ngày 25/8/2015 về rút kinh nghiệm trong công tác giải quyết vụ án dân sự, Trường Đại học Kiểm sát, tại địa chỉ: http://tks.edu.vn/thong-tin-nghiep-vu/chi-tiet/115/197, ngày truy cập: 25/7/2017

[69] Kiến nghị số 01/2017/KN-DS ngày 19 /4/2017 của VKSND quận Đồ Sơn về việc khắc phục vi phạm pháp luật

tử của Tòa án gặp nhiều khó khăn trên thực tế:

Phương thức gửi đơn khởi kiện thông qua cổng thông tin điện tử của Tòa án đã được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết số 04/2016/NQ – HĐTP, tuy nhiên việc thực thi phương thức này gặp nhiều khó khăn khi triển khai trên thực tế. Nguyên nhân của tình trạng này xuất phát từ việc quy định này chưa thực sự phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội hiện nay ở nước ta. Quy định này đặt trong bối cảnh hiện nay chưa thật sự tương thích với nền kinh tế, trình độ dân trí và ý thức pháp luật của đa số người dân trong xã hội. Thứ nhất, việc xác định danh tính của người gửi đơn khởi kiện thông qua chữ ký điện tử nhằm mục đích hạn chế được những trường hợp đơn khởi kiện nặc danh, gây mất thời gian, nhân lực của Tòa án. Tuy vậy, do trình độ hiểu biết cũng như điều kiện kinh tế của các đương sự không đồng đều, nên việc đăng ký chữ ký điện tử cho từng cá nhân tại nước ta sẽ khó thực thi trên thực tế vào thời điểm hiện tại. Thứ hai, cơ sở hạ tầng chưa cho phép phủ sóng internet đến toàn quốc đặc biệt là những địa phương có địa hình hiểm trở, một số Tòa án chưa có Cổng thông tin riêng nên phương thức nộp đơn này gặp nhiều trở ngại trên thực tế. Mặc dù trong giai đoạn 2010 – 2015, TANDTC đã triển khai đề án *"Phát triển tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Tòa án nhân dân"*, nhưng do kinh phí còn eo hẹp nên việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho các đơn vị còn chưa được nhiều và đồng bộ ảnh hưởng đến việc triển khai các phần mềm dùng chung của ngành. Mặt khác, lãnh đạo các đơn vị chưa thực sự quan tâm đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tại đơn vị mình, chưa thu hút được các cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin. Chính bởi vậy, ngoài TANDTC thì hầu hết tại các đơn vị các cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin đều là kiêm nhiệm và năng lực quá mỏng.[70]Việc không đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực cũng như các quy định pháp luật chưa phù hợp với hoàn cảnh kinh tế, xã hội hiện nay của đất nước sẽ là một trở ngại lớn trong việc thực thi có hiệu quả phương thức nộp đơn khởi kiện qua cổng thông tin điện tử trên thực tế, làm ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự của đương sự.

- Những khó khăn trong việc triển khai mô hình một cửa "Tổ hành chính tư pháp" tại Tòa án

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong việc hỗ trợ người dân thực hiện tốt nhất quyền khởi kiện, tuy nhiên mô hình một cửa "*Tổ hành chính tư pháp"* tại các TAND mới chỉ mang tính chất thử nghiệm và chưa có quy định chung thống nhất mang tính bắt buộc đối với các Tòa án. Quy trình thực hiện các hoạt động của tổ hành chính tư pháp tại các Tòa án chưa có sự thống nhất. Đội ngũ cán bộ thực

[70] Tòa án nhân dân tối cao (6/2017), Hoàn thiện hệ thống thống kê các loại vụ án trong hệ thống Tòa án nhân dân, Công trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, Hà Nội, tr.47

hiện thủ tục hành chính tư pháp còn thiếu nhiều về số lượng, hạn chế về trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm với công việc và cá biệt còn có biểu hiện gây phiền hà, những nhiễu với người dân[71]. Tại nhiều Tòa án, mặc dù triển khai mô hình một cửa hành chính tư pháp nhưng vẫn chưa có đội ngũ chuyên trách để phụ trách thực hiện công tác này. Trang thiết bị và môi trường làm việc để tiến hành các hoạt động hành chính tư pháp tại Tòa án các cấp chưa hiện đại, khoa học, đặc biệt là đối với các Tòa án cấp huyện. Chính những khó khăn trên đã làm giảm đi hiệu quả của mô hình này trên thực tế.

- *Tình trạng cán bộ Tòa án chưa giữ vững được đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm khi tham gia giải quyết vụ án dân sự vẫn còn tồn tại:*

Bên cạnh những sai sót về mặt chuyên môn nghiệp vụ thì tình trạng bộ phận cán bộ Tòa án chưa giữ được đạo đức nghề nghiệp cũng là một hạn chế lớn trong việc bảo đảm quyền khởi kiện VADS của đương sự. Thực tiễn giải quyết VADS xuất hiện tình trạng xuống cấp tha hóa đạo đức của một bộ phận cán bộ Tòa án gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của các đương sự trong vụ án dân sự. Trong những năm qua đã có những vụ việc cán bộ Tòa án nhận tiền hối lộ để làm sai phạm, thậm chí có những cán bộ Tòa án đã rơi vào vòng lao lý vì hành vi nhận hối lộ. Theo con số thống kê trong Báo cáo công tác nhiệm kỳ 2011 -2016 của Chánh án TANDTC Trương Hòa Bình thì đã có 205 cán bộ, công chức TAND bị xử lý kỷ luật, trong đó có 33 trường hợp đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự.[72]

Việc cán bộ Tòa án không giữ vững tư tưởng đạo đức, lập trường trong việc giải quyết vụ án gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc giải quyết vụ việc một cách khách quan chính xác dẫn đến việc các yêu cầu khởi kiện không được Tòa án bảo vệ một cách tốt nhất. Theo đó, đã vô tình làm lệch cán cân công lý, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự, làm giảm đi lòng tin của nhân dân đối với ngành Tòa án, mất đi ý nghĩa của tuyên ngôn ngành *"Phụng công thủ pháp, chí công vô tư"*.

- *Việc tiến hành các thủ tục tiền tố tụng vẫn chưa bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự của đương sự:*

Trong quá trình giải quyết VADS, có một số thủ tục tiền tố tụng mà đương sự cần phải thực hiện trước khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, ví dụ như các tranh chấp về quyền sử dụng đất cần được hòa giải tại UBND cấp xã mới được khởi kiện ra Tòa án, hoặc một số tranh chấp lao động cá nhân, tranh chấp lao động tập thể về quyền phải

[71] Chỉ thị số 03/2016/CT-CA ngày 4/4/2016, về việc tăng cường thực hiện cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án nhân dân

[72] Việt Thắng, 205 cán bộ, công chức Tòa án bị xử lý kỷ luật, Báo mới.com, tại địa chỉ: http://www.baomoi.com/205-can-bo-cong-chuc-toa-an-bi-xu-ly-ky-luat/c/18735163.epi, ngày truy cập: 10/7/2017.

thông qua thủ tục hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết.[73] Việc quy định các thủ tục hòa giải tiền tố tụng nhằm hướng đến việc có thể giải quyết được tranh chấp một cách hòa bình, nhanh chóng nếu như hòa giải thành tại cơ sở, tiết kiệm vật chất, thời gian, nhân lực cho cả đương sự và Tòa án. Kể cả trong trường hợp hòa giải không thành thì cũng là cơ sở thuận lợi hơn cho việc giải quyết vụ án tại Tòa. Tuy nhiên, dưới góc độ bảo đảm quyền khởi kiện, thì các quy định về thủ tục tiền tố tụng vô hình chung là "*trở ngại lớn để công dân tiếp cận công lý*"[74].

Chẳng hạn đối với tranh chấp đất đai, mặc dù trên tinh thần Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải hoặc thông qua hòa giải cơ sở nhưng hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP đã xác định tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất bắt buộc phải qua hòa giải cơ sở[75] đã dẫn đến sự không thống nhất trong quy định về hòa giải tiền tố tụng làm cho các Tòa án lúng túng khi áp dụng. Bên cạnh đó, thủ tục hòa giải cơ sở về tranh chấp đất đai tại Điều 202 Luật Đất đai 2013 làm cho người dân gặp nhiều khó khăn khi thực hiện, cụ thể: Một là, thành phần hòa giải phải có sự tham gia của Ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức xã hội khác là một việc khó khăn bởi không phải địa phương nào các tổ chức xã hội cũng hoạt động mạnh, trình độ hòa giải không đều và triệu tập đầy đủ các thành phần này không phải là việc dễ dàng. Hai là, việc hòa giải phải được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên là khó khả thi trên thực tế, bởi các tranh chấp đất đai giữa các bên thường rất căng thẳng và thường các buổi hòa giải sẽ vắng mặt ít nhất một bên hoặc nếu có mặt sẽ có những thái độ tiêu cực không hợp tác. Những khó khăn này dẫn đến việc biên bản hòa giải cơ sở sẽ không đáp ứng hình thức theo quy định pháp luật dẫn đến Tòa án sẽ từ chối thụ lý vì chưa hòa giải cơ sở theo quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của đương sự.

Đối với tranh chấp lao động cá nhân, tranh chấp lao động tập thể về quyền bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải viên cơ sở trước khi khởi kiện ra Tòa án. Tuy nhiên, tại một số địa phương trên cả nước hoạt động hòa giải cơ sở của hòa giải viên lao động còn chưa thực sự đạt được hiệu quả thiết thực, việc công nhận hòa giải viên lao động tại một số địa phương còn mang nặng tính hình thức. Chẳng hạn, tại tỉnh Ninh Bình, vẫn còn tồn tại các hòa giải viên lao động còn thiếu kinh nghiệm trong việc giải quyết tranh chấp lao động, do đó gặp khó khăn khi hòa giải các vụ đình công trên địa bàn. Số vụ hòa giải lao động có sự tham gia của đội ngũ hòa giải viên vẫn còn rất ít so với

[73] Xem Điều 201 BLLĐ 2012
[74] Lê Thu Hà (2015), Cần tiếp tục đổi mới thủ tục tố tụng dân sự trong dự thảo Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi), *Nhà nước và Pháp luật*, (8), Hà Nội, tr 36 - 44
[75] Xem khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP

thực tiễn[76]. Chính những khó khăn liên quan đến thủ tục hòa giải lao động cơ sở đã dẫn đến việc chậm trễ giải quyết các tranh chấp lao động, gây khó khăn bất lợi khi đương sự muốn thực hiện quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị tranh chấp hoặc xâm phạm.

- *Khó khăn từ nhận thức pháp luật của người dân*

Trong những năm gần đây, bằng những hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật một cách tích cực đã nâng cao được ý thức pháp luật của người dân Việt Nam. Tuy nhiên, tại một bộ phận dân cư thì nhận thức pháp luật của họ còn thấp đặc biệt khi họ tham gia quan hệ dân sự thì có những trường hợp chính các chủ thể không thể biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc có biết nhưng không thể làm gì để tự bảo vệ được quyền và lợi ích của mình. Họ cũng chưa xây dựng được thói quen giải quyết các tranh chấp dân sự bằng con đường thương lượng, hòa giải hoặc thông qua khởi kiện tại Tòa án dẫn đến việc họ không sử dụng tốt quyền khởi kiện của mình. Bên cạnh đó, do trình độ dân trí chưa cao dẫn đến tình trạng họ tham gia tố tụng còn lúng túng, dẫn đến việc kéo dài thời hạn tố tụng. Không dừng lại ở đó, do nhận thức pháp luật chưa tốt nên có rất nhiều hành vi vi phạm của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm cản trở quá trình giải quyết vụ án như cố tình không nhận, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, thậm chí là tấn công cả cán bộ Tòa án khi đang làm nhiệm vụ làm cản trở quá trình giải quyết vụ án dân sự. Ngoài ra, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn có hành vi tự ý rời bỏ phiên tòa, bỏ về giữa chừng khi làm việc với Tòa án làm cho việc giải quyết phải hoãn nhiều lần; không ký vào các biên bản làm việc do Tòa án lập; từ chối không khai báo hoặc khai báo không đúng sự thật; cố ý tẩu tán, hủy hoại hoặc không cung cấp các tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa cho việc giải quyết VADS mà Tòa án yêu cầu cung cấp hoặc có quyết định thu thập chứng cứ; tự ý xé bỏ biên bản sau khi làm việc với Tòa án; mua chuộc, đe dọa, cưỡng ép để ngăn cản người làm chứng hoặc để họ khai báo gian dối. Nguyên nhân của hiện tượng trên xuất phát từ trình độ dân trí không đồng đều của nước ta, kinh tế xã hội chưa phát triển, sự chênh lệch giữa các vùng miền. Chính nhận thức pháp luật còn thiếu, còn yếu là một hạn chế rất lớn làm giảm hiệu quả quá trình TTDS gây ảnh hưởng đến việc thực hiện hiệu quả quyền khởi kiện vụ án dân sự.

- *Khó khăn từ phía các cá nhân, cõ quan, tổ chức có trách nhiệm hỗ trợ đương sự thực hiện quyền khởi kiện thông qua việc cung cấp tài liệu, chứng cứ*

Việc thu thập tài liệu, chứng cứ là một trong những công việc khó khăn trong

[76] Thu Hằng , Nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải viên lao động ở cơ sở, bài đăng trên Ninh Bình Online, (http://baoninhbinh.org.vn/nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-hoa-giai-vien-lao-dong-o-co-so-20160420093037198p3c23.htm), ngày truy cập: 30/6/2017

quá trình giải quyết VADS ảnh hưởng đến quyền khởi kiện cũng như việc giải quyết chính xác vụ việc. Nhưng trong nhiều trường hợp, những tài liệu, chứng cứ của vụ án lại do cá nhân, cơ quan, tổ chức khác lưu giữ, quản lý và viêc việc thu thập tài liệu, chứng cứ trong trường hợp này là không hề đơn giản. Trong rất nhiều vụ án, mặc dù đương sự đã cất công đi lại nhiều lần yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án để họ giao nộp cho Tòa án nhưng đều bị từ chối với đủ mọi lý do. Việc từ chối thường chỉ bằng lời nói, thái độ, cử chỉ mà không thông qua văn bản chính thức. Với cách từ chối này, đương sự khó có thể chứng minh việc họ đã áp dụng mọi biện pháp nhưng vẫn không thu thập được chứng cứ để làm cơ sở yêu cầu Tòa án thu thập.[77] Khó khăn trong việc thu thập tài liệu chứng cứ trong TTDS dẫn đến việc giải quyết không chính xác VADS, Tòa án không thể đảm bảo giải quyết triệt để các yêu cầu khởi kiện của đương sự, dẫn đến quyền khởi kiện của đương sự bị ảnh hưởng.

Ngoài ra, Điều 495 BLTTDS 2015 chỉ quy định *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thi hành quyết định của Tòa án về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đang quản lý, lưu giữ thì có thể bị xử phạt hành chính theo quy định pháp luật"*. Mặc dù pháp luật TTDS cũng đưa ra chế tài đối với hành vi không cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng quy định này mới chỉ dừng đối với các hành vi *"không thi hành quyết định của Tòa án"* mà chưa đưa ra chế tài đối với việc *"không cung cấp theo yêu cầu của đương sự và VKS"* dẫn đến việc cơ quan, cá nhân, tổ chức có thể không thực hiện trọn vẹn trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến VADS ảnh hưởng đến việc giải quyết chính xác vụ án. Quy định này dẫn đến đương sự sẽ rất khó khăn trong việc tự thu thập tài liệu, chứng cứ từ đó có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền khởi kiện VADS của mình.

Mặt khác, hiện nay pháp luật mới chỉ quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vấn đề phá sản doanh nghiệp quy định tại Nghị định 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 29/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, HNGĐ, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã sửa đổi Điều 55 Nghị định 110/2013/NĐ-CP về việc xử lý hành vi vi phạm nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ: *"Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc phá sản mà không cung cấp đầy đủ, kịp thời hoặc cung cấp không chính xác tài liệu, chứng cứ liên quan đến*

[77] Phạm Thái Quý, "Thu thập chứng cứ trong TTDS còn gian nan", Báo điện tử Đại biểu nhân dân, tại địa chỉ: http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=81&NewsId=103984, ngày truy cập: 25/5/2017

vụ việc phá sản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, TAND, VKSND, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản nếu không có lý do chính đáng." Quy định này mới chỉ dừng lại trong việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc phá sản mà không đề cập đến việc cung cấp tài liệu chứng cứ trong vụ việc dân sự khác dẫn đến việc các chủ thể quản lý, lưu giữ tài liệu sẽ không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc hỗ trợ đương sự thu thập chứng cứ, tài liệu, từ đó dẫn tới Tòa án không thể giải quyết nhanh chóng vụ án dẫn đến vụ án có thể bị kéo dài hoặc không được giải quyết một cách chính xác, triệt để.

- *Khó khăn, hạn chế trong công tác trợ giúp pháp lý - ảnh hưởng đến việc trợ giúp đương sự thực hiện quyền khởi kiện:*

Theo số liệu thống kê năm 2016, đội ngũ người thực hiện TGPL được củng cố cả về số lượng với tổng số 602 TGVPL, đội ngũ công tác viên tiếp tục được tăng cường với 1.286 luật sư, 3.266 tư vấn viên pháp luật tham gia với tư cách cá nhân và 6.30 cộng tác viên khác thực hiện TGPL[78]. Chất lượng người thực hiện TGPL được nâng cao, ngày càng đáp ứng nhu cầu TGPL là một đảm bảo giúp các đương sự thực hiện tốt hơn quyền khởi kiện đặc biệt là đối với các đối tượng là hộ nghèo, người có công, người tàn tật, người già, giúp họ có cơ hội thực hiện tốt hơn quyền khởi kiện của mình, bảo vệ kịp thời được quyền và lợi ích hợp pháp đang xảy ra tranh chấp hoặc xâm phạm.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì tại một số địa phương trên cả nước số lượng và chất lượng TGVPL chưa đáp ứng được nhu cầu công việc, trình độ chuyên môn của các cán bộ làm công tác TGPL chưa đồng đều. Chẳng hạn tại Quảng Ninh, với đặc thù là một tỉnh miền núi, biên giới hải đảo có địa hình phức tạp, đối tượng được TGPL chiếm tỉ lệ cao, tuy nhiên một số cộng tác viên tại cơ sở hiệu quả hoạt động chưa cao, kinh phí cấp cho hoạt động nghiệp vụ TGPL còn hạn chế khiến việc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ và hoạt động phối hợp triển khai TGPL gặp nhiều khó khăn.[79] Tại tỉnh Ninh Bình, tình trạng thiếu cán bộ thực hiện công tác TGPL, chủ yếu là những người trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm tham gia tố tụng, chất lượng đội ngũ cộng tác viên pháp lý không đồng đều, các luật sư có kinh nghiệm tham gia TGPL còn ít. Bên cạnh đó, hoạt động của một số câu lạc bộ TGPL chưa thật sự hiệu quả, còn mang tính hình thức, không duy trì sinh hoạt định kỳ hàng tháng, địa điểm sinh hoạt không gần dân, sát dân, nội dung sinh hoạt đơn điệu, không phong

[78] Báo cáo kết quả công tác năm 2016 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2017 của Cục trợ giúp pháp lý
[79]Trần Cường, "Kết quả trợ giúp pháp lý 6 tháng đầu năm 2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh", Trợ giúp pháp lý Việt Nam, tại địa chỉ: http://trogiupphaply.gov.vn/tin-tuc/ket-qua-tro-giup-phap-ly-6-thang-dau-nam-2017-tren-dia-ban-tinh-quang-ninh, ngày truy cập: 30/6/2017

phú[80]. Những khó khăn, hạn chế này ít nhiều đã ảnh hưởng đến công tác TGPL cho đương sự trong việc thực hiện quyền khởi kiện trên thực tế.

3.2. Một số kiến nghị về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị về hoàn thiện pháp luật liên quan đến quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện như sau:

- Cần sửa đổi quy định pháp luật về các thủ tục hòa giải tiền tố tụng

Dưới góc nhìn bảo đảm quyền khởi kiện VADS thì việc hạn chế các thủ tục hòa giải tiền tố tụng sẽ góp phần mở rộng phạm vi thực hiện quyền khởi kiện của mình.

Đối với tranh chấp đất đai, để tránh tình trạng các bên tham gia hòa giải cố tình gây khó khăn, cản trở trong quá trình hòa giải, kéo dài thời hạn giải quyết tranh chấp, ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì cần thiết phải có quy định về thời hạn thực hiện hòa giải cơ sở. Nếu hết thời hạn quy định pháp luật mà việc hòa giải không thể tiến hành được thì đương sự có quyền gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, dưới góc độ bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự đồng thời thực hiện triệt để tinh thần *"Nhà nước khuyến khích"* tự hòa giải hoặc thông qua hòa giải thì Luật Đất đai 2013 cần thiết sửa đổi, bổ sung theo hướng *"Nếu hết thời hạn tại khoản 3 Điều 202 Luật Đất đai mà UBND không tiến hành hòa giải hoặc không thể tiến hành hòa giải thì đương sự có quyền khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết tranh chấp"*.

Đối với tranh chấp lao động thì BLLĐ 2012 quy định các tranh chấp lao động cá nhân, tranh chấp lao động tập thể về quyền đều phải qua thủ tục hòa giải viên cơ sở trước khi khởi kiện ra Tòa án. Tuy nhiên, quy định này chỉ mang tính chất ý nghĩa về hình thức bởi thực tế hoạt động của các hòa giải viên lao động không hiệu quả, thậm chí không hoạt động. Chính bởi vậy, Bộ luật lao động nên sửa đổi quy định các tranh chấp lao động cá nhân, tranh chấp lao động tập thể về quyền thông qua hòa giải viên cơ sở theo hướng *"khuyến khích"* chứ không phải là một thủ tục bắt buộc trước khi khởi kiện ra Tòa án như hiện nay, nhằm bảo đảm cho người lao động có thể thực hiện tốt nhất quyền khởi kiện, quyền tiếp cận công lý của mình, kịp thời yêu cầu Tòa án bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình đang bị tranh chấp hoặc xâm phạm.

[80] Trần Dũng, "Khắc phục khó khăn, thực hiện tốt công tác trợ giúp pháp lý", Báo Ninh Bình Online, tại địa chỉ:http://baoninhbinh.org.vn/khac-phuc-kho-khan-thyc-hien-tot-cong-tac-tru-giup-phap-ly-20160720091930541p3c25.htm, ngày truy cập 15/7/2017

- Cần bổ sung quy định về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm

Để tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện quyền khởi kiện cũng như tạo được cơ chế pháp lý để Tòa án có thể áp dụng một cách thống nhất trong việc hướng dẫn, xử lý việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cần thiết BLTTDS 2015 phải có bổ sung quy định về vấn đề này theo hướng:

Thứ nhất, đương sự có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập mà không bị giới hạn bởi phạm vi yêu cầu khởi kiện đã được thể hiện trong đơn khởi kiện, đơn yêu cầu phản tố của bị đơn, đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong giai đoạn từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Thứ hai, tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đương sự có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nếu yêu cầu đó không vượt quá phạm vi yêu cầu mà đương sự đã gửi cho Tòa án trong thời hạn từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Bên cạnh đó, BLTTDS cần có những quy định về thủ tục thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của đương sự trong giai đoạn này theo hướng:

Thứ nhất, Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, kèm theo việc đưa ra yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện thì đương sự phải giao, nộp cho Tòa án những tài liệu chứng cứ, chứng minh cho phần thay đổi, bổ sung của mình. Trong trường hợp đương sự chưa thể giao nộp, tài liệu chứng cứ cho Tòa án thì phải trình bày rõ lý do chưa thể cung cấp trong đơn gửi Tòa án

Thứ hai, Tòa án sau khi nhận đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của đương sự thì Tòa án phải xem xét và có văn bản trả lời chính thức cho đương sự. Nếu Tòa án chấp nhận việc bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện của đương sự thì Tòa án cần phải thông báo cho các đương sự khác trong VADS. Trong trường hợp đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ mới thì Tòa án hướng dẫn họ phải gửi những tài liệu, chứng cứ này cho các đương sự khác để các đương sự nắm được diễn biến vụ án đã thay đổi.

- Cần có hướng dẫn cụ thể về quy định quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa xét xử sơ thẩm:

Để bảo đảm quyền được thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự được thực hiện thống nhất, có hiệu quả thì cần có văn bản hướng dẫn chi tiết quy định này. Có hai vấn đề cần phải hướng dẫn một cách rõ ràng để các Tòa án có căn cứ pháp lý áp

dụng một cách thống nhất.

Một là, đối với cụm từ *"yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu"* tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS 2015 được hướng dẫn theo hướng yêu cầu ban đầu là yêu cầu mà các bên đương sự đã thống nhất tại phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Hai là, đối với quy định *"không được vượt quá phạm vi"* yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu cần có hướng dẫn cụ thể liên quan đến vấn đề này theo hướng nếu đương sự yêu cầu tăng giá trị so với giá trị yêu cầu khởi kiện ban đầu mà không làm phát sinh quan hệ tranh chấp mới thì Tòa án không xem là trường hợp vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu và chấp nhận giải quyết cho đương sự.

- Cần có sự bổ sung quy định về căn cứ tạm đình chỉ vụ án dân sự trong trường hợp chưa có người kế thừa quyền khởi kiện.

Về các căn cứ tạm đình chỉ VADS khi chưa có người kế thừa quyền khởi kiện cần có sự bổ sung để tạo sự thống nhất giữa các quy định trong BLTTDS 2015, giữa BLTTDS với BLDS 2015 và các văn bản pháp luật chuyên ngành.

Thứ nhất, TANDTC khi ban hành nghị quyết hướng dẫn thi hành BLTTDS 2015 cần phải bổ sung thêm các trường hợp đương sự là cơ quan, tổ chức đang chuyển đổi hình thức tổ chức; thay đổi chủ sở hữu của tổ chức và có việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho chủ sở hữu mới; tổ chức không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự mà người đại điện đang tham gia tố tụng chết vào căn cứ tạm đình chỉ giải quyết VADS tạo nên sự thống nhất của pháp luật giúp nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tế.

Thứ hai, để phù hợp với quy định tại Điều 23 BLDS 2015 thì BLTTDS 2015 cần bổ sung thêm trường hợp đương sự là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất NLHVDS thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ, trong quá trình tham gia tố tụng mà chưa xác định được người đại diện theo pháp luật thì cũng là một căn cứ để Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Việc bổ sung này một mặt đảm bảo sự thống nhất các quy định trong hệ thống pháp luật, mặt khác đảm bảo được quyền khởi kiện của các đương sự có thể được tiếp tục giải quyết để Tòa án bảo vệ triệt để quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

- Cần bổ sung thêm quy định cho phép người khởi kiện được trực tiếp đến Tòa

án trình bày yêu cầu khởi kiện:

Mặc dù BLTTDS 2015 đã có những quy định về việc làm đơn khởi kiện theo hướng tạo điều kiện cho những chủ thể yếu thế trong xã hội như người mất NLHVDS, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người khuyết tật, người không biết chữ có nhiều cơ hội hơn để tiếp cận công lý. Tuy nhiên, trên thực tế, cũng có những trường hợp người khởi kiện khó khăn trong việc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện. Chính bởi vậy, việc BLTTDS 2015 cần thiết bổ sung thêm quy định cho phép người khởi kiện được trực tiếp đến trụ sở Tòa án trình bày các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu phản tố, đơn yêu cầu độc lập trong trường hợp họ không biết chữ hoặc bị tàn tật. Đối với trường hợp này các cán bộ Tòa án sẽ có trách nhiệm lập biên bản ghi lại nội dung yêu cầu mà họ trình này sau đó hướng dẫn họ ký tên hoặc điểm chỉ vào biên bản, tiếp theo đó cán bộ Tòa án có thể giúp họ làm đơn khởi kiện, sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện để họ có thực hiện được quyền khởi kiện của mình. Việc bổ sung thêm quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quyền khởi kiện VADS, đặc biệt là đối với những đương sự là những người yếu thế trong xã hội, những người dân tộc thiểu số họ có thể dễ dàng hơn trong việc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Cần xây dựng các quy định pháp luật nhằm nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho đương sự:

Nhằm bảo đảm quyền thu thập tài liệu, chứng cứ của các đương sự trong trường hợp các tài liệu, chứng cứ thuộc sự quản lý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cần thiết BLTTDS 2015 cần phải có các quy định nhằm nâng cao trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chứ trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho đương sự.

Một là, bổ sung thêm quyền yêu cầu Tòa án được can thiệp ngay lập tức khi các cá nhân, cơ quan, tổ chức đang lưu giữ tài liệu, chứng cứ cố tình gây khó dễ hoặc không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho đương sự mà không có lý do chính đáng, ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự. Theo đó, trong quá trình đương sự thu thập tài liệu, chứng cứ mà bị cơ quan, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó dễ hoặc không cung cấp tài liệu, chứng cứ thì đương sự có quyền yêu cầu Tòa án can thiệp để xử lý những hành vi vi phạm này.

Hai là, cần phải xây dựng chế tài xử lý đối với việc các chủ thể cố tình không hợp tác việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho đương sự. Vậy nên tại Điều 495 BLTTDS 2015 cần sửa đổi theo hướng quy định "*trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân cản trở, gây khó dễ hoặc không cung cấp tài liệu, chứng cứ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đang quản lý, lưu giữ không có lý do chính đáng thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị Tòa án ra quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc khởi tố hình sự*

theo quy định pháp luật". Bên cạnh đó, cần bổ sung thêm quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cố tình không cung cấp tài liệu, chứng cứ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ chứng cứ, tài liệu thêm vào Nghị định số 67/2015/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp với mức xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nhằm bảo đảm tốt nhất cho đương sự thực hiện quyền khởi kiện cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong việc hỗ trợ cho các đương sự, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết VADS.

Trong trường hợp việc cố tình không cung cấp tài liệu, chứng cứ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân mà gây thiệt hại cho đương sự thì cần thiết pháp luật cần phải bổ sung trách nhiệm BTTH cho hành vi của các chủ thể này. Mức bồi thường cần phải được tính dựa theo thiệt hại thực tế xảy ra do hành vi cố tình không cung cấp tài liệu, chứng cứ gây ra. Riêng đối với cá nhân đang làm trong các cơ quan, tổ chức lưu giữ tài liệu, chứng cứ mà có hành vi cố tình, cản trở việc thu thập tài liệu chứng cứ của đương sự mà không có lý do chính đáng có thể phải chịu hình thức kỷ luật quy định trong nội quy của cơ quan, tổ chức.

3.2.2. Chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và rèn đạo đức cho các cán bộ Tòa án, tăng cường công tác tập huấn chuyên môn, trao đổi nghiệp vụ về thụ lý vụ án dân sự:

TAND là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quyền tư pháp có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Hoạt động tư pháp là hoạt động giải quyết các tranh chấp trong xã hội, xử lý các vi phạm pháp luật. Hoạt động đó liên quan trực tiếp đến các quyền và lợi ích của con người, của công dân. Chính bởi vậy, trong hoạt động tư pháp, vi phạm quyền con người, quyền công dân và lợi ích chính đáng có nguy cơ xảy ra rất cao. Do đó, trước hết, Tòa án phải là biểu tượng của công lý, là nơi công dân gửi gắm niềm tin rằng bất kỳ vi phạm pháp luật nào cũng bị xử lý nghiêm minh; bất kỳ quyền hoặc lợi ích hợp pháp nào của con người, của công dân bị xâm phạm đều được bảo vệ theo đúng pháp luật. Để bảo đảm toàn diện cho việc thực hiện quyền khởi kiện VADS thì việc kiện toàn chất lượng của cán bộ Tòa án là một nhiệm vụ rất quan trọng được đặt ra đối với toàn hệ thống Tòa án. Để làm được điều này cần thiết phải làm tốt công tác đào tạo nghiệp vụ xét xử, đào tạo nâng ngạch Thẩm phán và đào tạo các ngạch chức danh Tư pháp khác như Thư ký, Thẩm tra viên Tòa án.

Bên cạnh đó, cần thường xuyên có các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giải quyết VADS, kiến thức xã hội, ngoại ngữ, tin học để nâng cao các kỹ

năng nghiệp vụ phục vụ cho công tác tại Tòa án cho các Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân tại Tòa án. Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế, trao đổi cán bộ để nâng cao việc hiểu biết pháp luật quốc tế cho cán bộ toàn ngành tư pháp.

Việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức Hồ Chí Minh đối với cán bộ Tòa án cần phải được chú trọng quan tâm để nâng cao tinh thần *"phụng công, thủ pháp chí công vô tư"* cho cán bộ Tòa án, xây dựng một hệ thống Tòa án nhân dân trong sạch, gần dân, hiểu dân. Tăng cường kỷ luật cán bộ và nghiêm khắc xử lý các hành vi vi phạm chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ Tòa án một mặt nhằm làm trong sạch bộ máy hoạt động, mặt khác để nêu gương cho cán bộ toàn ngành nghiêm túc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình để góp phần bảo đảm sự nghiêm minh, công bằng trong xã hội. Xây dựng *"Kỷ luật công vụ"* là một chuyên đề quan trọng trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ Tòa án nhằm mục đích xây dựng một đội ngũ cán bộ Tòa án vừa có tài vừa có đức, cống hiến hết mình cho sự nghiệp giữ vững cán cân công lý của ngành Tòa án trong công cuộc xây dựng xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

3.2.3. Nhân rộng mô hình một cửa "Tổ Hành chính tư pháp" tại các Tòa án để tăng khả năng tiếp cận công lý của nhân dân

Để bảo đảm quyền khởi kiện vụ án của đương sự cần thiết phải nhân rộng mô hình một cửa *"Tổ hành chính tư pháp"* đến các tòa án các cấp trong toàn quốc để đảm bảo cho việc tiếp nhận đơn khởi kiện và thụ lý đơn trở nên nhanh chóng giản tiện nhất cho người khởi kiện, tạo điều kiện để các yêu cầu khởi kiện luôn được quan tâm tiếp nhận và giải quyết kịp thời. Đầu tiên, Tòa án cần phải xây dựng một quy trình thống nhất trong hoạt động một cửa tại Tòa để nâng cao hiệu quả xử lý công việc. Quy trình này phải đảm bảo đơn giản hóa các bước, các thủ tục để tạo điều kiện tốt nhất cho người dân khi đến làm việc tại Tòa án. Để thực hiện được việc xây dựng quy trình làm việc này cần thiết phải rà soát lại hoạt động của tổ hành chính tư pháp trong thời gian vừa qua để đánh giá, cân nhắc hủy bỏ các thủ tục không còn phù hợp với tiêu chí cải cách tư pháp. Bên cạnh đó, Tòa án cần phải bố trí nhân lực phù hợp, chuyên trách thực hiện công tác tư pháp tại tòa, từ đó có thể xây dựng được các chương trình bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ công tác dành cho các đối tượng này. Xây dựng quy tắc ứng xử thống nhất đối với cán bộ cán bộ trực tiếp thực hiện công tác hành chính tư pháp nhằm đảm bảo luôn vui vẻ, nhiệt tình hướng dẫn đảm bảo cho người dân thực hiện tốt nhất quyền khởi kiện cũng như các thủ tục khác tại Tòa án.

3.2.4. Xây dựng lộ trình thực hiện có hiệu quả phương thức gửi đơn khởi kiện qua cổng thông tin điện tử

Việc pháp luật quy định thêm phương thức khởi kiện qua cổng thông tin điện

tử nhằm mục đích bảo đảm tốt hơn quyền khởi kiện VADS, tuy nhiên việc thực thi có phương thức này còn gặp nhiều bất cập khi triển khai trên thực tế. Chính bởi vậy, để phương thức này thực sự khả thi thì TANDTC cần phải xây dựng một lộ trình thích hợp để thực thi việc gửi đơn qua cổng thông tin điện tử sao cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của nước ta. Cụ thể:

- Thứ nhất, cần phải chuẩn bị cơ sở vật chất thật tốt là điều kiện cần thiết trong việc triển khai phương thức gửi đơn khởi kiện thông qua cổng thông tin điện tử. Tòa án cần thiết phải xây dựng được phần mềm hỗ trợ việc gửi đơn khởi kiện và nhận đơn khởi kiện trực tuyến thống nhất trong toàn ngành Tòa án để có thể dễ dàng thống kê số lượng đơn khởi kiện, số liệu về các loại vụ án đã giải quyết tạo hiệu quả tối đa trong việc quản lý và giải quyết VADS trong toàn ngành. Bên cạnh đó, Tòa án cần đầu tư xây dựng hệ thống cổng thông tin trực tuyến cho tất cả các tòa án trong phạm vi toàn quốc, đặc biệt là cần chú trọng quan tâm đến các Tòa án tại các vùng núi, biên cương, hải đảo nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Việc phủ sóng đường truyền internet cũng là một điều kiện cần thiết để đảm bảo cho việc gửi đơn khởi kiện trực tuyến. Chính bởi vậy, cần thiết phải xây dựng được đường truyền internet phủ sóng đến tất cả các địa phương cả nước, tuy nhiên để thực hiện được điều này cần có sự quan tâm sát sao của Đảng và Nhà nước trong vấn đề lắp đặt đường truyền internet phủ sóng toàn quốc đặc biệt là tới những địa phương có địa hình hiểm trở, điều kiện kinh tế, xã hội nghèo nàn lạc hậu.

Bên cạnh đó, đối với những địa phương có hoàn cảnh kinh tế - xã hội khó khăn, mỗi gia đình, cá nhân chưa có điều kiện để có các phương tiện phục vụ cho việc gửi đơn khởi kiện như máy vi tính, điện thoại thông minh thì mỗi địa phương cần có những phòng máy tính công cộng đặt tại các trụ sở UBND xã, phường để mọi người dân có thể thực hiện được quyền khởi kiện của mình bằng phương thức nộp đơn khởi kiện trực tuyến. Về vấn đề chữ ký điện tử, TANDTC cần có sự phối hợp chặt chẽ đối với Bộ Thông tin và truyền thông trong vấn đề cấp và quản lý cho từng cá nhân trong xã hội. Thiết nghĩ, với bối cảnh kinh tế xã hội hiện nay, không phải cá nhân nào cũng có điều kiện sở hữu chữ ký điện tử, đây cũng là một trở ngại đối với việc thực thi quyền khởi kiện. Chính bởi vậy, trong tương lai gần Nhà nước có thể xem xét việc xây dựng cơ chế tạo điều kiện để mỗi người dân đều sở hữu một chữ ký điện tử có giá trị xác định danh tính của từng người, nhằm phân biệt rõ ràng được các chủ thể khi thực hiện các giao dịch, thủ tục bằng phương tiện điện tử.

- Thứ hai, cần phải chuẩn bị tốt nhân lực để phục vụ cho việc thực hiện tốt phương thức khởi kiện trực tuyến: Cần xây dựng đội ngũ cán bộ tin học có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao thực hiện có hiệu quả việc xử lý công tác nhận đơn, thống

kê đơn khởi kiện qua cổng thông tin điện tử. Mặt khác, cần có những lớp tập huấn kỹ năng tin học đối với các cán bộ cấp cơ sở để họ có thể hỗ trợ người dân thực hiện quyền khởi kiện trực tuyến khi họ gặp khó khăn, vướng mắc.

- Thứ ba, Tòa án cần triển khai thí điểm phương thức khởi kiện này tại một số Tòa án trên cả nước để đánh giá hiệu quả của phương thức khởi kiện này cũng như chỉ ra được những ưu điểm, khó khăn hạn chế khi thực thi trên thực tế, để có thể đưa ra được hướng điều chỉnh, khắc phục kịp thời. Từ đó, sẽ tổng kết rút kinh nghiệm để có thể thực hiện phương thức khởi kiện này triển khai toàn ngành Tòa án một cách hiệu quả nhất.

3.2.5. Kiện toàn nhân sự và tăng cường cõ sở vật chất, điều kiện làm việc của hệ thống Tòa án nhân dân

Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm trong các TAND đặc biệt là công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, quy hoạch, bổ nhiệm để kiện toàn đội ngũ cán bộ đặc biệt là bổ nhiệm đủ số lượng Thẩm phán cho các TAND còn thiếu để bổ sung nhân lực cho việc giải quyết các vụ án tại Tòa. Bên cạnh đó, việc tiếp tục đầu tư xây dựng cải tạo trụ sở và cấp trang thiết bị làm việc cho các Tòa án đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng là một nhiệm vụ quan trọng trong việc bảo đảm thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự.

Tòa án cần xây dựng được chế độ đãi ngộ đối với Thẩm phán và các cán bộ Tòa án khác để họ có thể yên tâm làm tốt nhiệm vụ của mình trong giải quyết VADS nói riêng và giải quyết các vụ việc khác tại Tòa án nói chung, hạn chế được được các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật của cán bộ Tòa khi giải quyết Tòa án, đảm bảo cho vụ án được giải quyết một cách công minh, khách quan, giúp cho quyền khởi kiện của đương sự được thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn.

3.3.6 Nâng cao ý thức pháp luật cho người dân

Để quyền khởi kiện VADS của đương sự được đảm bảo thực thi một cách tốt nhất trên thực tế cần thiết phải nâng cao được ý thức pháp luật cho người dân thông qua nhiều biện pháp cụ thể:

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật rộng rãi đên với từng người dân thông qua các kênh truyền thông như báo, đài, ti vi, internet các hoạt động tuyên truyền của cơ quan đoàn thể địa phương. Ngoài ra, cần xây dựng tủ sách pháp luật tại các khu dân cư, trong đó có các hướng dẫn chi tiết liên quan đến việc thực hiện quyền khởi kiện và các quyền TTDS khác để người dân có thể tiếp cận các thông tin pháp luật qua nhiều kênh khác nhau.

Thông qua việc tuyên truyền phổ biến pháp luật, người dân có thể nắm bắt được các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, hỗ trợ việc tham gia tố

tụng của các chủ thể khác. Người dân có thể biết được cách thức làm đơn khởi kiện, các phương thức gửi đơn khởi kiện, biết được quyền khiếu nại, tố cáo khi phát hiện những hành vi sai phạm của Tòa án và các chủ thể khác. Bên cạnh đó, họ có thể biết được cách thức tự bảo vệ quyền khởi kiện cũng như quyền được TGPL, có thể nhận thức được vị trí, vai trò của VKS là một cơ quan bảo vệ pháp luật thông qua việc kiểm sát quá trình TTDS nhằm bảo đảm được các quyền và lợi ích hợp pháp của họ được thực hiện một cách công bằng, nghiêm minh tại Tòa án. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân còn giúp nâng cao ý thức tham gia hỗ trợ tố tụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho đương sự của VADS. Có thể nói, việc nâng cao ý thức pháp luật của người dân góp phần giúp cho công tác tiến hành tố tụng được diễn ra có hiệu quả, nhanh chóng, chính xác tiết kiệm được thời gian tiền bạc cho người dân cũng như các cơ quan tiến hành tố tụng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện là một vấn đề quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã và đang được thực thi có hiệu quả trên thực tế góp phần bảo vệ được sự ổn định của các quan hệ xã hội. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Chương 3 cho thấy trên thực tế thì việc bảo đảm quyền khởi kiện còn gặp nhiều khó khăn bất cập trong thực tế.

Những khó khăn, vướng mắc nảy sinh do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Mặc dù BLTTDS 2015 mới được ban hành và đã khắc phục được những hạn chế trong quy định pháp luật trước kia, tuy nhiên một số quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện còn có những hạn chế nhất định và cần phải có sự hướng dẫn chi tiết thi hành trong thực tiễn nhằm bảo đảm sự thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật. Bên cạnh những hạn chế về pháp luật thì các nguyên nhân khác như sự thiếu hiểu biết pháp luật của đương sự, cơ quan, cá nhân, tổ chức khác; đạo đức xuống cấp của bộ phận cán bộ Tòa án; công tác TGPL còn thiếu hiệu quả cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực thi có hiệu quả quyền khởi kiện VADS trên thực tế.

Để khắc phục những khó khăn hạn chế trên, trong luận văn tác giả cũng đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu thực thi quyền khởi kiện VADS trên thực tế. Những giải pháp này được đưa ra dưới góc độ nghiên cứu, so sánh và tổng hợp các kết quả trong thực tế là sự kết nối giữa lý luận và thực tiễn thi hành. Những giải pháp đi từ việc hoàn thiện pháp luật đến thực hiện pháp luật sẽ góp phần giúp cho quyền khởi kiện được bảo đảm tốt nhất trong thực tế.

KẾT LUẬN CHUNG

Trên cơ sở kế thừa, tham khảo và phát triển các khái niệm về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện của các nhà nghiên cứu trước đây, Chương 1 của Luận văn đã có những phân tích, đánh giá cũng như lược sử được sự phát triển của pháp luật về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong TTDS. Từ đó xây dựng được tiền đề lý luận cho vấn đề này để tạo điều kiện cho việc đánh giá, phân tích so sánh các quy định của pháp luật hiện hành về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện VADS.

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu lý luận về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện tại Chương 1, Luận văn tiếp tục đi sâu phân tích những quy định của BLTTDS 2015 về vấn đề này, đặc biệt bằng phương pháp so sánh tác giả đã chỉ ra những điểm mới điểm tiến bộ về quy định quyền khởi kiện và cơ chế bảo đảm quyền khởi kiện của BLTTDS 2015. Thông qua phân tích các quy định pháp luật, tác giả nhận thấy BLTTDS 2015 đã kế thừa những điểm tích cực của BLTTDS sửa đổi 2011 về vấn đề khởi kiện vụ án đồng thời có những sửa đổi, bổ sung nhằm làm hoàn thiện hơn nữa việc bảo đảm quyền khởi kiện, đáp ứng được yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đặc biệt quy định *"Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật áp dụng"* là một bước tiến mới trong tư tưởng lập pháp tạo tiền đề pháp lý vững chắc cho người dân thực hiện quyền khởi kiện của mình. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực thì BLTTDS 2015 cũng còn một số hạn chế nhất định dẫn đến việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn gặp nhiều khó khăn vướng mắc.

Chương 3 của Luận văn đã đánh giá việc thực thi quy định về quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trên thực tế, xác định những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng này. Trên cơ sở tổng hợp kết quả nghiên cứu, Luận văn đã đưa ra một số đề xuất về hoàn thiện và thực hiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền khởi kiện, góp phần xây dựng một xã hội ổn định, công bằng và văn minh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn bản pháp luật

1. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948 của Liên Hợp Quốc.
2. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1946.
3. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1959.
4. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980.
5. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.
6. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
7. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004.
8. Bộ luật Dân sự năm 2005
9. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011.
10. Bộ luật Lao động năm 2012
11. Bộ luật Dân sự năm 2015
12. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.
13. Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004
14. Luật Trợ giúp pháp lý năm năm 2006
15. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010.
16. Luật Hôn nhân và Gia đình năm năm 2014.
17. Luật Doanh nghiệp năm 2014.
18. Luật phí, lệ phí năm 2015
19. Luật Trẻ em năm 2016
20. Pháp lệnh về Thủ tục giải quyết các vụ án Dân sự năm 1989.
21. Nghị quyết số 103/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Bộ luật Tố tụng Dân sự.
22. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
23. Nghị định số 02/2013/NĐ – CP ngày 3/1/2013 của Chính phủ, Quy định về công tác gia đình.
24. Nghị quyết số 03/2012/NQ - HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất *"Những quy định chung"* của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

25. Nghị quyết số 05/2012/NQ – HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ hai *"Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm"* của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.
26. Nghị quyết số 04/2016/NQ – HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13, Luật Tố tụng Hành chính số 93/2015/QH14 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử.
27. Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.
28. Quyết định số 120/QĐ – TANDTC ngày 19/6/2017, Ban hành quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân.
29. Chỉ thị số 03/2016/CT-CA ngày 4/4/2016, về việc tăng cường thực hiện cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án nhân dân

Các văn bản, tài liệu khác

30. Nghị quyết số 48 – NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.
31. Nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
32. Kết luận số 79 – KL/TW ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28-01-2008 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá X về "*Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*"
33. Kết luận số 92 – KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị khó IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020
34. Giải đáp số 01/GĐ – TANDTC ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề về hình sự, dân sự, tố tụng dân sự.
35. Giải đáp số 02/GĐ – TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề về tố tụng hành chính, tố tụng dân sự.

36. Giải đáp số 01/2017/GĐ – TANDTC ngày 7/4/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề nghiệp vụ.

Sách, bài viết tạp chí, các công trình khoa học:

37. Bùi Thị Quế Anh (2016), *Khởi kiện vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Điện Biên*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
38. Đinh Tuấn Anh (2016), *So sánh Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) với Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
39. Nguyễn Công Bình (2006), *Bảo đảm quyền bảo vệ đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học,Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
40. Ngô Quốc Chiến (2016), "Quyền tiếp cận công lý của công dân và nghĩa vụ xét xử của Tòa án", *Nhà nước và pháp luật*, (335), Hà Nội, tr.13-17
41. Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
42. Nguyễn Triều Dương (2009), "Về việc rút đơn khởi kiện của đương sự trong tố tụng dân sự", *Tạp chí Tòa án*, (22). Tr18-21.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Bửu Kê (1999), *Từ điển Hán Việt từ nguyên*, NXB Thuận Hóa
45. Duy Kiên (2012), "Những vấn đề cơ bản lưu ý khi thụ lý đơn khởi kiện, khởi tố, đơn yêu cầu trong giải quyết VADS", *Tạp chí Kiểm sát*, (7), tr.32 – 36.
46. Lê Thu Hà (2015), Cần tiếp tục đổi mới thủ tục tố tụng dân sự trong dự thảo Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi), *Nhà nước và Pháp luật*, (8), Hà Nội, tr 36 – 44.
47. Nguyễn Thị Thu Hà (Chủ biên, 2017), *Cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong tố tụng dân sự theo yêu cầu của cải cách tư pháp và thi hành Hiến pháp năm 2013*, NXB Lao động, Hà Nội
48. Học viện Tư Pháp (2007), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự,* NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Bùi Thị Huyền (2015), "Thời hạn giao nộp chứng cứ của đương sự và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học – Bình luận những điểm mới của BLTTDS 2015 và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn thi hành*, Trường Đại học Luật Hà Nội.
50. Bùi Thị Huyền (Chủ biên, 2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự 2015*, NXB Lao động , Hà Nội

51. Lê Thị Bích Lan (2005), "Vấn đề khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự", *Tạp chí Luật học*, (Số Đặc san), tr56-61.
52. Nguyễn Đức Mai (Chủ biên, 2012), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
53. Hoàng Phê (Chủ biên, 2003), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng.
54. Nguyễn Thị Hoài Phương (2016), *Bình luận những điểm mới trong bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.
55. Phan Hữu Thư (1994), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự*, NXB Tư Pháp, Hà Nội.
56. Trần Đức Thành (2011), *Quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong TTDS Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
57. Tòa án nhân dân tối cao (6/2017), *Hoàn thiện hệ thống thống kê các loại vụ án trong hệ thống Tòa án nhân dân*, công trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, Hà Nội.
58. Trần Anh Tuấn (2006), "Vấn đề nhập và tách yêu cầu trong vụ việc dân sự và cơ chế chuyển hóa giữa việc dân sự, vụ án dân sự", *Tòa án nhân dân*, (8), Hà Nội, tr. 13 -14.
59. Trần Anh Tuấn (2008), "Quyền khởi kiện và việc xác định tư cách tham gia tố tụng", *Tòa án nhân dân*, (23), tr. 12-20
60. Trần Anh Tuấn (Chủ biên, 2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*, NXB Tư Pháp, Hà Nội.
61. Trường Đại học Luật Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
62. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
63. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1999), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
64. Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (1996), *Nghiên cứu một số di sản pháp luật dân sự từ Thế kỷ XV đến thời Pháp thuộc*, công trình nghiên cứu cấp Bộ, Hà Nội
65. Nguyễn Như Ý (Chủ biên, 1998), *Đại Từ điển Tiếng việt*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.

Các báo cáo, thống kê:

66. Báo cáo số 242/BC-CTGPL về kết quả công tác trợ giúp pháp lý 6 tháng đầu năm 2017 và nhiệm vụ giải pháp 6 tháng cuối năm 2017 của Cục Trợ giúp pháp lý – Bộ Tư pháp, ngày 15/6/2017
67. Báo cáo kết quả công tác trợ giúp pháp lý năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2017, của Cục Trợ giúp pháp lý – Bộ Tư pháp
68. Báo cáo số 152/BC-VKSTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 báo cáo tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2016
69. Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2015, số 224/BC-VKSTC ngày 18/12/2016, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
70. Báo cáo Tổng kết công tác ngành Tòa án nhân dân năm 2016, Tòa án nhân dân tối cao.
71. Kiến nghị số 01/2017/KN-DS ngày 19 /4/2017 của VKSND quận Đồ Sơn về việc khắc phục vi phạm pháp luật.
72. Kiến nghị số 124/KN-VKS của VKSND huyện Tiên Lãng về việc kiến nghị trong công tác giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình.
73. Kiến nghị số 241/KN-VKS của VKSND huyện Tiên Lãng ngày 06 tháng 06 năm 2016 về việc vi phạm trong giải quyết các vụ án dân sự, Hôn nhân và gia đình.
74. Thông báo số 05/TB-VKS-P9 của VKSND tỉnh Ninh Bình ngày 25/8/2015 về rút kinh nghiệm trong công tác giải quyết vụ án dân sự.
75. Thông báo số 11/TB-VC1 của VKSND cấp cao tại Hà Nội, ngày 14/4/2017, Thông báo rút kinh nghiệm công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự.

Website:

76. goo.gl/WvZRGi(http://moj.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/qt/tintuc/Lists/NghienCuuTraoDoi&ListId=75a8df79-a725-4fd5-9592-517f443c27b6&SiteId=b11f9e79-d495-439f-98e6-4bd81e36adc9&ItemID=1583&SiteRootID=b71e67e4-9250-47a7-96d6-64e9cb69ccf3), ngày truy cập 25/5/2017
77. http://baoninhbinh.org.vn/nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-hoa-giai-vien-lao-dong-o-co-so-20160420093037198p3c23.htm, ngày truy cập: 30/6/2017
78. http://congly.vn/hoat-dong-toa-an/nghiep-vu/doi-moi-thu-tuc-hanh-chinh-tu-phap-tai-tand-cac-cap-gop-phan-cong-khai-minh-bach-cac-hoat-dong-cua-toa-an-108672.html, ngày truy cập: 20/5/2017.
79. http://thanhnien.vn/thoi-su/tham-phan-va-thu-ky-bi-to-gia-mao-chu-ky-duong-su-821807.html, ngày truy cập: 15/5/2017.

80. http://thanhnien.vn/thoi-su/thu-ky-tand-q4-bi-danh-trong-khi-tong-dat-van-ban- 700917.html, ngày truy cập: 15/6/2017.
81. http://tks.edu.vn/thong-tin-nghiep-vu/chi-tiet/115/187, ngày truy cập: 28/6/2017.
82. http://tks.edu.vn/thong-tin-nghiep-vu/chi-tiet/115/197, ngày truy cập: 25/7/2017.
83. http://tkshcm.edu.vn/tin-tuc/thong-bao-rut-kinh-nghiem-cong-tac-kiem-sat-giai- quyet-vu-an-dan-su-2242.html, ngày truy cập: 30/6/2017.
84. http://trogiupphaply.gov.vn/tin-tuc/ket-qua-tro-giup-phap-ly-6-thang-dau-nam - 2017-tren-dia-ban-tinh-quang-ninh, ngày truy cập: 30/6/2017.
85. http://vksbinhdinh.gov.vn/newsdetail.asp?newsID=10806&cat1id=3&Cat2id=9, ngày truy cập: 25/6/2017.
86. http://vksbinhdinh.gov.vn/newsdetail.asp?newsID=10878&cat1id=3&Cat2id=9, ngày truy cập: 25/6/2017.
87. http://vksndcamau.gov.vn/index.php/cong-tac-nghi-p-v/th-hanh-quy-n-cong-t-ki-m-sat-ho-t-d-ng-tu-phap/1408-ki-n-ngh-ch-m-th-ly-don-kh-i-ki-n, ngày truy cập: 25/5/2017
88. http://www.baomoi.com/205-can-bo-cong-chuc-toa-an-bi-xu-ly -ky- luat/c/18735163.epi, ngày truy cập: 10/7/2017.
89. http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=81&NewsId=103984, ngày truy cập: 25/5/2017.
90. http://www.vca.gov.vn/hoibvntd.aspx?Cate_ID=458&page=9, ngày truy cập 02/8/2017